



**Tầng 8, Tòa nhà Vincom center**  
Số 72 Lê Thánh Tôn Quận 1, TP.HCM  
ĐT: (028) 3821 0056 - Fax: (028) 3821 6913

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## ANNUAL REPORT 2020



EXIMBANK





# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2020

# MỤC LỤC

<b>PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>7</b>
<b>I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG</b>	<b>8</b>
I.1. Thông tin chung	8
I.2. Quá trình hình thành và phát triển	9
I.3. Mô hình tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý	13
I.4. Định hướng phát triển	16
I.5. Các rủi ro	21
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020</b>	<b>22</b>
II.1. Tình hình hoạt động, tình hình tài chính và kết quả kinh doanh năm 2020	23
II.2. Tổ chức và nhân sự	25
II.3. Tình hình đầu tư vào công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Eximbank AMC)	30
II.4. Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank	33
II.5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	35
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	<b>42</b>
III.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	43
III.2. Tình hình tài chính	58
III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	59
III.4. Kế hoạch kinh doanh 2021	63
III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội	63
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG</b>	<b>64</b>
IV.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của ngân hàng	65
IV.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành	67
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	67
<b>V. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG</b>	<b>69</b>
V.1. Hội đồng Quản trị	70
V.2. Ban Kiểm soát	84
V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	89
<b>NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2020</b>	<b>91</b>
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>91</b>
VI.1. Ý kiến kiểm toán	95
VI.2. Báo cáo tài chính hợp nhất	96



Trong năm 2020, đại dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực lên kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong bối cảnh đó, Eximbank cũng gặp nhiều thách thức lớn, dẫn đến quy mô tổng tài sản giảm 4,2%, không đạt kế hoạch trong công tác xử lý nợ xấu và nợ có vấn đề tăng do một số khách hàng đã thực hiện cơ cấu nợ rất khó phục hồi hoạt động. Tuy nhiên, Ngân hàng đã có sự chủ động trong ứng phó, thông qua việc điều chỉnh kịp thời các giải pháp để thích ứng trong công tác điều hành nên các mảng kinh doanh then chốt ngân hàng như: mảng thẻ, kinh doanh Bancassurance đạt tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt năm 2020 là lần đầu tiên Eximbank có kết quả thu nhập ngoài lãi trên 1.000 tỷ đến từ hoạt động dịch vụ và đóng góp cho lợi nhuận trước thuế của Eximbank đạt 1.340 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với năm 2019 và hoàn thành 100% kế hoạch.

Về các công tác xây dựng nền tảng, Eximbank đã chuyển đổi thành công và hoàn thiện mô hình kinh doanh theo cơ cấu tổ chức, vận hành gọn nhẹ, hiệu quả hướng tới khách hàng; Triển khai vận hành tập trung, tinh gọn và chuẩn hóa quy trình; Hoàn thiện chính sách lương và chế độ cho cán bộ nhân viên; Công tác đào tạo được triển khai tích cực và có hiệu quả; Thực hiện tốt công tác truyền thông định hướng, thương hiệu và thông tin liên quan đến Eximbank, nâng cao chất lượng truyền thông nội bộ để góp phần xây dựng văn hóa tổ chức, thể hiện vai trò dẫn dắt và định hướng kinh doanh từ các Khối Hội sở đến các Khu vực và đơn vị kinh doanh trong toàn hàng.

Đồng thời, Ngân hàng đã hoàn tất triển khai Thông tư 41, xây dựng hệ thống tính toán tự động tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, theo đó hệ số CAR của Eximbank luôn ở mức 11-12% cao hơn mức 8% quy định của NHNN; triển khai thành công Thông tư 13, xây dựng nền tảng quản trị rủi ro tiên tiến theo các thông lệ quốc tế.

Bước sang năm 2021, bên cạnh những thuận lợi và thách thức, Eximbank vẫn tiếp tục tập trung giải quyết những tồn đọng trong quá trình tái cơ cấu, cụ thể: Ban Điều hành Eximbank quyết liệt triển khai hoạt động kinh doanh đúng định hướng và tuân thủ chiến lược, đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ tồn đọng, tất toán trái phiếu VAMC trong Quý I năm 2021. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm và gia tăng tiện ích khách hàng, hoàn tất tái cấu trúc các Đơn vị Hội sở gắn với chiến lược “*lấy khách hàng làm trọng tâm*” sau khi đã hoàn tất tái cấu trúc các Đơn vị kinh doanh trong năm 2020.

Để có thể tiến bước nhanh, phát triển bền vững và trở thành Ngân hàng hoạt động hiệu quả, phấn đấu tiếp cận các Ngân hàng trong top dẫn đầu của thị trường, có giá trị đóng góp lớn cho cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, nhân viên và đóng góp lợi ích cho xã hội, Ban Điều hành luôn mong muốn và không thể thiếu sự đồng thuận, sự đoàn kết và ủng hộ của tất cả quý vị Cổ đông vì sự phát triển bền vững, ổn định cho Eximbank.

Thay mặt Ban Điều hành cùng tập thể cán bộ nhân viên Eximbank, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cấp lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã luôn đồng hành và hỗ trợ Eximbank. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, góp ý chân tình của Quý vị để Ngân hàng ngày càng hoàn thiện, hoạt động ổn định và phát triển bền vững trong thời gian tới.

TM. Ban điều hành  
Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Vinh



# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

## I.1. Thông tin chung

Tên đăng ký Tiếng Việt

**Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**

Tên đăng ký Tiếng Anh

**Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Vietnam Eximbank)**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Ông Yasuhiro Saitoh**

Quyền Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Cảnh Vinh**

Địa chỉ đăng ký của Hội sở

**Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER**

*Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ văn phòng

**Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER**

*Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

*Điện thoại: (84.28) 38.210.056 Fax: (84.28) 38.216.913*

Website: <http://www.eximbank.com.vn>

Cơ quan quản lý

**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Đơn vị kiểm toán

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

*Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Ngày đăng ký đầu tiên

**23/07/1992**

Ngày đăng ký thay đổi lần thứ 27

**10/09/2018**

Cơ quan đăng ký ban đầu

**Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh**

Giấy phép hoạt động kinh doanh

**11/NH-GP ngày 06/04/1992**

Số chứng nhận đăng ký thuế

**0301179079**

Thông tin cổ phiếu

Niêm yết tại: **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh**

Tên cổ phiếu

**Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)**

Mã cổ phiếu: **EIB**

## Quá trình hình thành và phát triển



### I.2.1. Thành lập

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cho phép Ngân hàng hoạt động trong 50 năm với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng (tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ tại thời điểm thành lập ngân hàng) và có tên mới là Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (được gọi tắt là “Eximbank”).

### I.2.2. Ngành nghề kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Eximbank bao gồm các lĩnh vực chủ yếu: Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư; nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; cho vay ngắn, trung và dài hạn; chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá; kinh doanh ngoại hối; thanh toán quốc tế; đầu tư vào chứng khoán và các giấy tờ có giá; dịch vụ thanh toán và phát hành thẻ nội địa, thẻ quốc tế Visa, Mastercard, JCB; dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ tài chính trọn gói dành cho du học sinh; dịch vụ tư vấn tài chính; mua trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh mua bán vàng miếng; dịch vụ bảo quản tài sản; các dịch vụ ngân hàng khác,...

### I.2.3. Địa bàn hoạt động

Eximbank có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Tính Eximbank tính đến ngày 31/12/2020 có 207 điểm giao dịch hiện diện tại 22 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Nha Trang, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu và Kiên Giang.

### I.2.4. Niêm yết

Eximbank được Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết kể từ ngày 20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 1.235.522.904 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết: 12.355.229.040.000 đồng (theo mệnh giá)

## NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT QUA CÁC NĂM HOẠT ĐỘNG

### I.2.5. Những sự kiện nổi bật qua các năm hoạt động

**Năm 1991, 1992:** Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Thụy Điển.

**Năm 1993:** Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Năm 1995:** Tham gia tổ chức Swift (Tổ chức Viễn thông Tài chính Liên Ngân hàng Toàn cầu);

Được chọn là 1 trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới – World Bank.

**Năm 1997:** Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.

**Năm 1998:** Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

**Năm 2003:** Triển khai hệ thống thanh toán trực tuyến nội hàng toàn hệ thống.

**Năm 2005:** Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit.

**Năm 2007:** Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.

**Năm 2008:** Eximbank tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.

**Năm 2009:** Eximbank tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng, chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

**Năm 2010:** Eximbank tăng vốn điều lệ lên 10.560 tỷ đồng.

**Năm 2011:** Eximbank tăng vốn điều lệ lên 12.355 tỷ đồng;

Eximbank được tạp chí The Banker chọn vào **Top 1.000 ngân hàng hàng đầu thế giới** và **Top 25 ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tài sản nhanh nhất 2010**.

**Năm 2012:** Được tạp chí AsiaMoney trao giải thưởng “**Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2012**”;

Eximbank tiếp tục được xếp hạng trong **Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2012** do tạp chí The Banker bình chọn; Eximbank chính thức ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.



**Năm 2013:** Được Tạp chí Asian Banker trao giải thưởng  
**“Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013”.**

Tiếp tục được xếp hạng trong **Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2013** do tạp chí The Banker bình chọn.

Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.

**Năm 2014:** Được tạp chí The Banker xếp hạng vào **Top 1.000 ngân hàng lớn nhất thế giới năm 2014**, Eximbank vinh dự nhiều năm liên tiếp đứng trong bảng xếp hạng những ngân hàng hàng đầu thế giới.

Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng **“Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2014”.**

**Năm 2015:** Được tạp chí Asian Banker trao giải thưởng **Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất năm 2015** (Best Trade Finance Bank); được Tạp chí Asiamoney – Hong Kong trao tặng danh hiệu **“Best Local Cash Management Bank in Vietnam 2015”** (tạm dịch là “Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa Tốt nhất Việt Nam năm 2015”) do các doanh nghiệp quy mô nhỏ có doanh số hàng năm dưới 100 triệu USD bình chọn.

Eximbank và Infosys ký kết triển khai giải pháp phần mềm Infosys Finacle Core Banking, tạo bước đột phá trong việc khai thác và phát triển thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại.

**Năm 2016:** Eximbank vinh dự nhận giải thưởng **“Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2016”** do Ngân hàng JPMorgan (Mỹ) trao tặng.

**Năm 2017:** Mercedes-Benz và FUSO chính thức ra mắt Dịch vụ Tài chính Daimler cùng ngân hàng Eximbank tại Việt Nam.

Eximbank chính thức ra mắt thẻ tín dụng quốc tế Eximbank – JCB Platinum Travel Cash Back. Eximbank dành 1.000 tỉ đồng cho chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp 2017.

**Các giải thưởng Eximbank vinh dự nhận được:**

- *Giải thưởng Chất lượng Điện Thanh toán Xuyên suốt Xuất sắc 2016 của HSBC - HSBC 2016 Straight-Through Processing (STP) Excellence Award*
- *Giải thưởng Chất lượng Điện Thanh toán Xuyên suốt 2016 của Bank of New York Mellon BNY Mellon 2016 Straight-Through Processing (STP) Award*
- *Giải thưởng Ghi nhận Chất lượng Thanh toán Bù trừ đồng Đô-la Mỹ 2017 của J.P.Morgan J.P.Morgan 2017 Quality Recognition Award for U.S. Dollar Clearing.*
- *Giải thưởng Vận hành Điện Thanh toán Xuất sắc 2016 của Wells Fargo-Wells Fargo 2016 Operational Excellence Award.*

**Năm 2018:**

Tháng 06/2018, Eximbank ra mắt thẻ Eximbank Visa Platinum Cash back.

Tháng 10/2018, Eximbank ra mắt thẻ Eximbank JCB Young.

Tháng 11/2018, Eximbank triển khai hệ thống bảo hiểm nhà/căn hộ online (Hệ thống Merimen)

## Các giải thưởng Eximbank vinh dự nhận được

- Giải thưởng Tỷ lệ điện tử xuyên suốt cao (STP) năm 2017 do Bank of New York Mellon trao tặng.
- Giải thưởng Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc do Wells Fargo trao tặng.
- Giải thưởng “Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2018” do Ngân hàng JPMorgan (Mỹ) trao tặng.

### Năm 2019:

Tháng 1/2019: Ký kết với Tranglo cùng phát triển kênh thanh toán trực tuyến cho khách hàng nhận kiều hối.

Tháng 3/2019: Eximbank chúc mừng ngày Quốc tế phụ nữ 8/3

Tháng 11/2019:

Chi nhánh Eximbank HCM hoạt động tại trụ sở mới - 4B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1.

Ký kết Biên bản Ghi nhớ hợp tác với Doreming.

Tháng 12/2019: Tổ chức giải Eximbank Visa Golf Tournament 2019 tại Ninh Bình

## Những sự kiện nổi bật trong năm 2020


### Tháng 4/2020

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cấp hạn mức tài trợ thương mại và hạn mức tín dụng tuần hoàn cho Eximbank với tổng giá trị lên tới 31 triệu USD (tương đương 725 tỷ đồng)

### Tháng 9/2020

Hãng đánh giá tín nhiệm quốc tế Standard & Poor's Global Ratings công bố mức tín nhiệm đối tác dài hạn của Eximbank được giữ nguyên B+ với triển vọng “ổn định”.

 **Ngân hàng năng động nhất thị trường ngoại hối Việt Nam 2020 (Most Active Bank)**

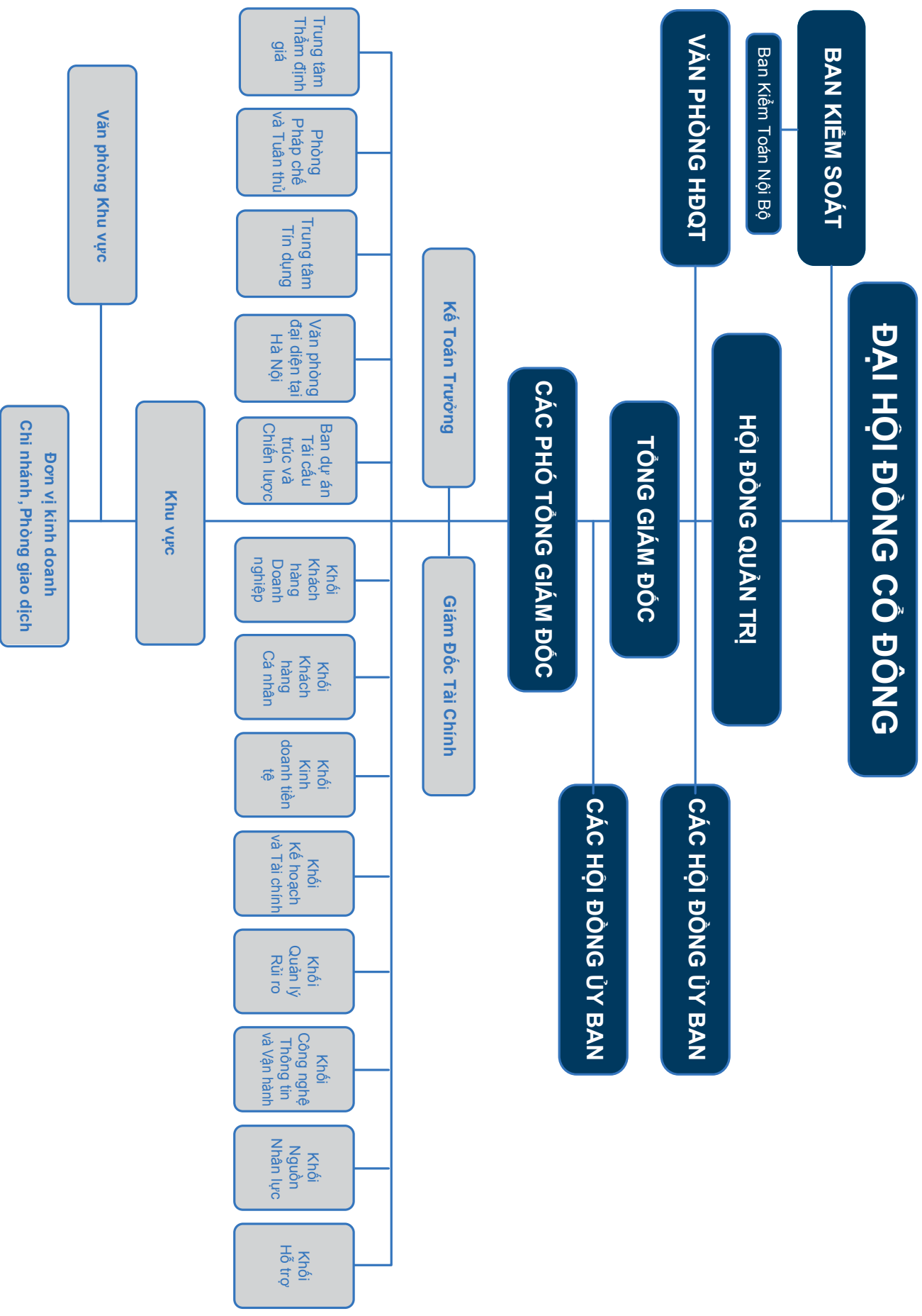
 **Nhà tạo lập thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2020 (Best Market Maker)**

từ Refinitiv (thuộc Sở Giao dịch chứng khoán London - London Stock Exchange Group).



# MÔ HÌNH TỔ CHỨC







## I.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

### Hội đồng Quản trị

Ông Yasuhiro Saitoh

Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/06/2020  
(Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/06/2020)

Ông Cao Xuân Ninh

Thành viên HĐQT từ ngày 25/06/2020  
(Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/06/2020)

Ông Nguyễn Quang Thông

Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 28/02/2020  
(Thành viên HĐQT đến ngày 28/02/2020)

Ông Lê Văn Quyết

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Quốc

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ông Hoàng Tuấn Khải

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Anh Mai

Thành viên Hội đồng Quản trị  
(Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/7/2020)

Bà Lương Thị Cẩm Tú

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Thanh Tùng

Thành viên Hội đồng Quản trị

### Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Đặng Hữu Tiến

Thành viên

Bà Phạm Thị Mai Phương

Thành viên

Ông Trịnh Bảo Quốc

Thành viên

### Ban Điều hành

Ông Nguyễn Cảnh Vinh

Q. Tổng Giám đốc

Ông Trần Tấn Lộc

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đào Hồng Châu

Phó Tổng Giám đốc

Bà Đinh Thị Thu Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hường Minh

Phó Tổng Giám đốc

Bà Văn Thái Bảo Nhi

Phó Tổng Giám đốc



## I.4. Định hướng phát triển

### I.3.3. Công ty con

Eximbank có 1 công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản. Đến ngày 31/12/2020, vốn điều lệ được cấp là 300 tỷ đồng.

### I.4.1. Tầm nhìn phát triển

Eximbank tận dụng các cơ hội thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, củng cố và mở rộng nền tảng khách hàng, nâng tầm vị thế và xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng thương mại cổ phần hiện đại, là nơi các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác luôn yên tâm về hiệu quả đầu tư và an toàn vốn, là ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao, là một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.

## Tầm nhìn

Trở thành Ngân hàng thương mại chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính.

## Sứ mệnh



Đáp ứng kỳ vọng khách hàng bằng việc cung cấp dịch vụ và giải pháp tài chính với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm.



Cung cấp giải pháp tài chính và sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, ứng dụng kỹ thuật công nghệ tiên tiến.



Tạo môi trường làm việc nhằm khuyến khích và khen thưởng cho những nhân viên có năng lực và nhiệt huyết.



Tối ưu hóa giá trị cho tất cả các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh.

## Giá trị cốt lõi

**Khách hàng trên  
hết và Dịch vụ  
tin cậy**

**Đạo đức  
kinh doanh và  
Minh bạch**

**Sáng tạo và  
Cải tiến**

#### I.4.2. Dự án “New Eximbank”

Dự án tái cấu trúc Đơn vị kinh doanh theo mô hình 05 cấp độ

- Dự án tái cấu trúc đơn vị kinh doanh lớn nhất trong 20 năm của Eximbank.

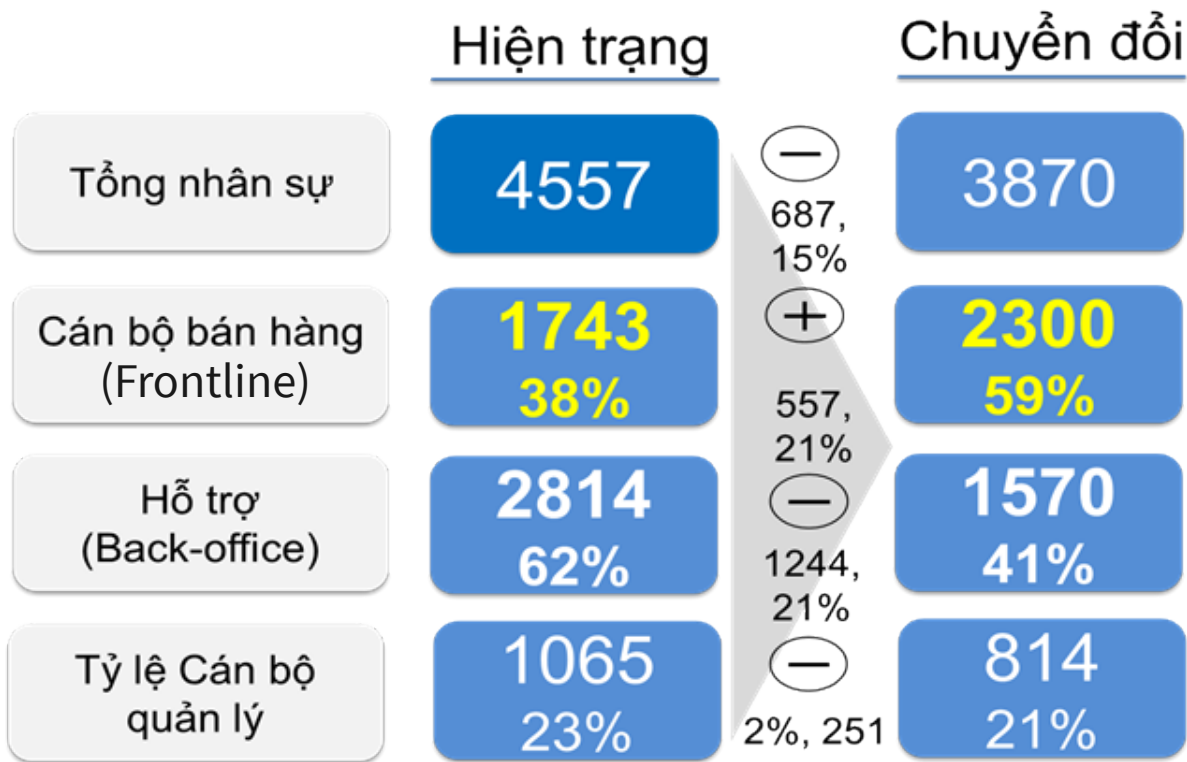
- Giải quyết các tồn đọng lớn nhất của hệ thống về:

- 1) Mô hình cơ cấu tổ chức chưa phù hợp với tỷ lệ nhân sự kinh doanh chỉ chiếm 25% trong đó tỷ lệ nhân sự vận hành là 50% và nhân sự quản lý là 20%
- 2) Năng suất hoạt động (doanh thu trên một nhân sự) và năng suất vận hành (bút toán/giao dịch trên 1 nhân sự giao dịch viên) thấp so với thị trường
- 3) Từ đó chất lượng dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng chưa được tối ưu và kết quả kinh doanh thiếu sự bứt phá.

Vì vậy, dự án được triển khai với 3 trụ cột lớn a) Tái cấu trúc mô hình cơ cấu tổ chức, b) Đào tạo và nâng cao năng lực, c) Hiệu chỉnh quy trình, quy định theo mô hình nhằm giải quyết các tồn đọng về mô hình cơ cấu tổ chức và năng suất hoạt động của tất cả các Đơn vị kinh doanh trong hệ thống. Kết quả triển khai bước đầu đã ghi nhận những chuyển đổi lớn bao gồm:

- 1) Chuẩn hóa lại mô hình cơ cấu tổ chức theo 5 cấp độ đơn vị kinh doanh nhằm xây dựng định hướng kinh doanh theo chiến lược của ngân hàng.
- 2) Sắp xếp lại bộ máy nhân sự nội bộ và chuyển đổi sang các vị trí trực tiếp kinh doanh và chăm sóc khách hàng. Sau chuyển đổi sẽ tăng tỷ lệ nhân sự kinh doanh (frontline) **từ 25% lên mức 60% trong tổng số nhân sự, tương đương với gần 600 nhân sự.**
- 3) **Tinh gọn bộ máy nhân sự vận hành và cán bộ quản lý trung gian về mức 40%** song song với việc triển khai các mô hình vận hành tập trung tại Hội sở nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao năng suất, đồng bộ và nâng cao trải nghiệm của khách hàng tại tất cả các điểm giao dịch của Eximbank.
- 4) **Chuyển đổi các nhân sự phổ thông sang các dịch vụ thuê ngoài nhằm tối ưu hóa chi phí và nhân lực.**
- 5) **Rà soát, hiệu chỉnh và làm mới 162 văn bản**, quy trình, quy định nội bộ nhằm triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả những thay đổi về cơ cấu tổ chức của dự án.
- 6) **Đào tạo tập trung cho hơn 50 nhân sự** vận hành chuyển đổi sang kinh doanh.
- 7) **Đào tạo tập trung cho hơn 800 nhân sự dịch vụ khách hàng** với mô hình giao dịch 1 cửa nhằm thay đổi tư duy phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và trải nghiệm của khách hàng.
- 8) Đào tạo, huấn luyện thay đổi tư duy và năng lực bán hàng, quản lý bán hàng trực tiếp tại 20 đơn vị kinh doanh nhằm thay đổi văn hóa và tư duy kinh doanh, cung cấp cho CBQL công cụ và phương pháp quản lý hoạt động kinh doanh được hiệu quả và năng suất cao hơn.

## Kết quả triển khai thực hiện



### Dự án nâng cao năng lực bán hàng & chất lượng dịch vụ khách hàng

- Dự án nâng cao năng lực bán hàng là một cách tiếp cận rất mới và thực tiễn về hoạt động đào tạo và huấn luyện trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của từng Đơn vị kinh doanh.
- Dự án trước hết tập trung vào việc thay đổi tư duy của nhân sự kinh doanh trong hoạt động bán hàng và chăm sóc khách hàng với giá trị cốt lõi “khách hàng là trọng tâm và dịch vụ đáng tin cậy”. Tập trung vào cung cấp giá trị và lợi ích tốt nhất theo nhu cầu của khách hàng.



- Các hoạt động huấn luyện và đào tạo trực tiếp tại 20 Đơn vị kinh doanh trong KV Hồ Chí Minh không những cung cấp trang bị cho đội ngũ tuyển đầu những kỹ năng và phương pháp cần thiết trong quá trình bán hàng và phục vụ khách hàng, đồng thời cũng cung cấp những công cụ và những bước thực hiện cụ thể, thực tiễn và hữu ích cho hoạt động hằng ngày của từng nhân sự.
- Các hoạt động huấn luyện 1 kèm 1 dành cho tất cả đối tượng từ cán bộ quản lý kinh doanh cho đến nhân sự kinh doanh trực tiếp đã xây dựng nên mô hình quản lý bán hàng hoàn toàn mới trong hệ thống nhằm giúp cho tất cả đội ngũ kinh doanh cùng nhau phát huy tiếp những điểm mạnh, kết quả tốt và cùng nhận định những cơ hội để cải thiện và có những giải pháp cụ thể, kịp thời để cải thiện năng suất và kết quả hoạt động của Đơn vị và từng cá nhân.
- Dự án đã có những tác động tích cực bước đầu trong việc thay đổi tư duy và văn hóa kinh doanh tại những Đơn vị được triển khai trong năm 2020 và được kỳ vọng sẽ nhân rộng và duy trì mô hình này cho toàn hệ thống trong những năm tiếp theo.





### Triển khai dịch vụ Khách hàng ưu tiên

- Dự án Mô hình dịch vụ chuyên biệt khách hàng ưu tiên là một bước ngoặt cực kỳ quan trọng của Eximbank trong việc chuyển đổi mô hình kinh doanh cho phân khúc khách hàng giàu có và trung lưu của ngân hàng trong đó đặt trọng tâm vào chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng là nhân tố tạo nên sự khác biệt của Eximbank so với thị trường.
- Dịch vụ khách hàng ưu tiên sẽ tập trung vào việc tư vấn và chăm sóc khách hàng tốt nhất theo nhu cầu và kế hoạch của đội ngũ nhân sự tư vấn chuyên nghiệp cũng như quy trình phục vụ được cải tiến với mục tiêu tạo sự thuận tiện, linh hoạt, tối ưu và vẫn đảm bảo được sự an toàn và tính bảo mật cho khách hàng.
- Ngoài ra, ngân hàng cũng sẽ thiết kế và ra mắt nhiều sản phẩm và dịch vụ mới từ các sản phẩm truyền thống của ngân hàng đến các sản phẩm về đầu tư, bảo hiểm, thẻ tín dụng (Visa Signature) đáp ứng trọn vẹn và phù hợp nhất với nhu cầu và kế hoạch của từng khách hàng trong quá trình đồng hành với ngân hàng.
- Những trải nghiệm riêng biệt cũng sẽ là trọng tâm và kim chỉ nam cho hoạt động của mô hình dịch vụ với việc triển khai phòng chờ chuyên biệt tại một số Đơn vị kinh doanh lớn (đã khai trương tại CN TpHCM) trong hệ thống cùng những chính sách chăm sóc mới dành cho gia đình và người thân của từng khách hàng.



## I.5. Các rủi ro

### 1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do những biến động bất lợi của các yếu tố thị trường gây tác động tiêu cực đối với thu nhập và (hoặc) vốn của Ngân hàng, bao gồm:

*(i) Rủi ro lãi suất:*

Rủi ro lãi suất là những tổn thất tiềm tàng đối với thu nhập và giá trị ròng của ngân hàng khi lãi suất thị trường biến động. Rủi ro lãi suất có thể phát sinh do chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ tái định lại lãi suất; thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất thị trường khác nhau; Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

*(ii) Rủi ro ngoại hối:*

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Eximbank có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng.

*(iii) Rủi ro giá đầu tư:*

Rủi ro giá đầu tư là rủi ro phát sinh do sự biến động của giá cổ phiếu, trái phiếu và những khoản đầu tư vốn và chứng khoán khác dẫn đến việc giảm giá trị các khoản đầu tư mà ngân hàng nắm giữ.

### 2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường để có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ giảm so với năm 2019
<b>1. Quy mô vốn</b>						
Tổng tài sản	tỷ đồng	149.370	152.652	167.538	160.435	-4,2%
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	14.251	14.884	15.749	16.819	6,8%
Trong đó: Vốn điều lệ	tỷ đồng	12.355	12.355	12.355	12.355	0,0%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất	tỷ đồng	15.98	15.05	13.81	11.81	
<b>2. Kết quả hoạt động</b>						
Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	117.540	118.694	139.278	133.918	-3,8%
Tổng dư nợ cấp tín dụng	tỷ đồng	101.399	104.118	113.555	102.018	-11,8%
Trong đó, dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và dân cư	tỷ đồng	101.324	104.043	113.255	100.767	-11,0%
Nợ quá hạn (nhóm 2-5)	tỷ đồng	2.746	2.548	2.543	3.313	30,3%
Nợ xấu (nhóm 3-5)	tỷ đồng	2.298	1.921	1.933	2.534	31,0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/tổng dư nợ	%	2,71	2,45	2,25	3,29	
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	%	2,27	1,85	1,71	2,52	
<b>3. Tình hình tài chính</b>						
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	2.668	3.207	3.220	3.314	2,9%
Thu nhập ngoài lãi thuần	tỷ đồng	729	1.019	982	926	-5,7%
+ Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	tỷ đồng	331	347	383	468	22,2%
+ Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	tỷ đồng	228	269	365	399	9,3%
+ Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	tỷ đồng	62	-116	229	55	-76,0%
+ Thu nhập góp vốn mua cổ phần	tỷ đồng	108	519	5	4	-20%



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ giảm so với năm 2019
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	tỷ đồng	431	226	284	206	-27,5%
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	tỷ đồng	3.828	4.452	4.486	4.446	-0,9%
Tổng chi phí hoạt động	tỷ đồng	-2.206	-2.901	-2.701	-2.439	-9,7%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước trích DPRR tín dụng	tỷ đồng	1.622	1.551	1.785	2.007	12,4%
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	-604	-724	-690	-668	-3,2%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	1.018	827	1.095	1.340	22,3%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	tỷ đồng	-195	-167	-229	-269	17,5%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	823	660	866	1.070	23,6%
<b>4. Khả năng sinh lời</b>						
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,94	4,53	5,65	6,57	
Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản (ROA)	%	0,59	0,44	0,54	0,65	
<b>5. Khả năng thanh khoản</b>						
Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (quy đổi VND)	%	14,54	13,86	16,16	20,47	
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn	%	32,19	33,89	31,23	25,35	
<b>6. Tỷ lệ chi trả cổ tức</b>	%/năm	0	0	0		



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

# BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông Nguyễn Cảnh Vinh** - *Quyền Tổng Giám đốc*



**Ông Trần Tấn Lộc**  
*Phó Tổng Giám đốc*



**Ông Đào Hồng Châu**  
*Phó Tổng Giám đốc*

**Bà Đinh Thị Thu Thảo**  
*Phó Tổng Giám đốc*



**Ông Nguyễn Hường Minh**  
*Phó Tổng Giám đốc*



**Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ**  
*Phó Tổng Giám đốc*



**Bà Văn Thái Bảo Nhi**  
*Phó Tổng Giám đốc*

## II.2.2. Thay đổi thành viên Ban Điều hành

Thời điểm	Nội dung thay đổi
04/05/2020	Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Lê Quang Trung giữ chức danh Kế toán trưởng

## II.2.3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Eximbank	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Quyền Tổng giám đốc	0,0000000
2	Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng giám đốc	0,0057971
3	Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng giám đốc	0,0000000
4	Ông Nguyễn Hướng Minh	Phó Tổng giám đốc	0,0000000
5	Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng giám đốc	0,0000009
6	Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng giám đốc	0,0016554
7	Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng giám đốc	0,0023122

### II.3. Tình hình đầu tư vào công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Eximbank AMC)

#### Thành lập

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 157/2010/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Quyết định số 754/QĐ-NHNN ngày 01/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (bao gồm: Nợ có tài sản bảo đảm và nợ không có tài sản bảo đảm) và tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ; tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất. Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức sau: Tự bán công khai trên thị trường; Bán qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản; Bán cho Công ty mua bán nợ của Nhà nước (khi được thành lập). Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: Giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp. Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ. Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo quy định của pháp luật. Mua, bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

#### Vốn điều lệ

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310280974 ngày 24/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp với vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 300 tỷ đồng, thay đổi lần thứ hai ngày 08/9/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 30/3/2012,... thay đổi lần thứ chín ngày 02/4/2014 với vốn điều lệ đăng ký là 1.700 tỷ đồng. Thay đổi lần thứ 10 ngày 18/08/2017 về người đại diện pháp luật. Đến ngày 31/12/2018, vốn điều lệ được cấp là 955 tỷ đồng. Thay đổi lần thứ 11 ngày 13/06/2019 về người đại diện pháp luật. Thay đổi lần thứ 12 ngày 14/08/2019 về vốn điều lệ còn 300 tỷ đồng.

# TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH



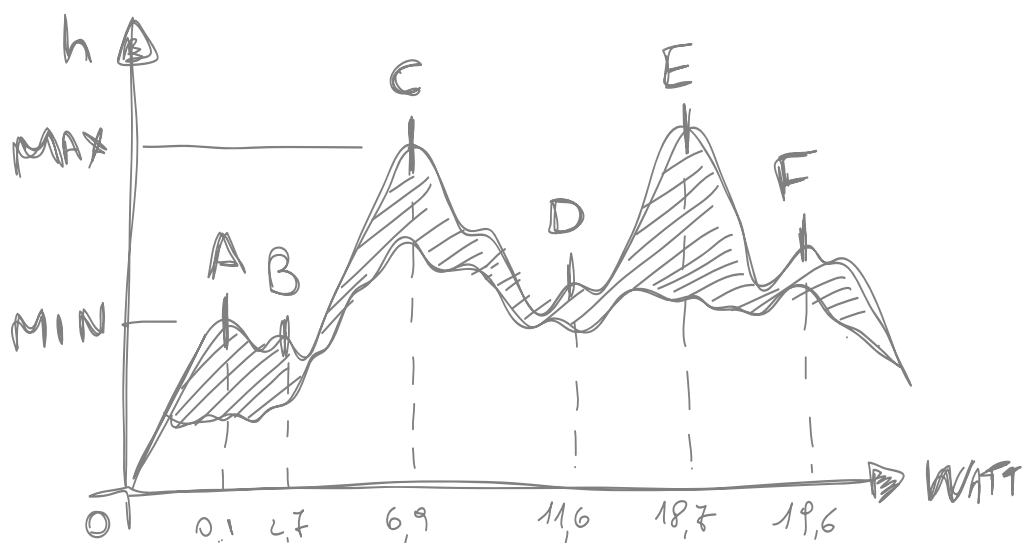


## TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG, TÀI CHÍNH & KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA EXIMBANK AMC

### Một số chỉ tiêu tài chính

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền Tại 31/12/2020
1	Tổng tài sản	402.375
2	Tiền gửi Ngân hàng	231.712
3	Phải thu dài hạn khác (từ Eximbank)	116.612
4	Tài sản cố định	24.573
5	Chi phí xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định	26.802
6	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020	26.938
8	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.167



**Kết quả kinh doanh**

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/giảm so với năm 2019 (+/-)	% Tăng/giảm so với năm 2019 (+/-)
<b>I. Tổng doanh thu</b>	<b>39.429</b>	<b>52.358</b>	<b>12.929</b>	<b>32,8%</b>
1. Doanh thu cho thuê	9.494	8.084	-1.410	-14,9%
2. Doanh thu thù lao xử lý nợ	0	13.161	13.161	
3. Doanh thu hoạt động tài chính	27.563	12.873	-14.690	-53,3%
4. Thu nhập khác	2.372	18.240	15.868	669,0%
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>24.644</b>	<b>25.420</b>	<b>776</b>	<b>3,1%</b>
1. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.096	24.519	423	1,8%
2. Chi phí khác	548	2	-546	-99,6%
<b>III. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>14.785</b>	<b>26.938</b>	<b>12.153</b>	<b>82,2%</b>

**II.4. Số lượng cổ phần và cơ cấu cổ đông của Eximbank****II.4.1. Số lượng cổ phần**

Tại thời điểm 31/12/2020,  
số lượng cổ phần:

1.235.522.904 cp

Số lượng cổ phần tự do  
chuyển nhượng:

1.221.367.097 cp

Số lượng cổ phần bị hạn chế  
chuyển nhượng theo quy định  
tại khoản 1 Điều 56 - Luật Các tổ  
chức tín dụng 2010:

14.155.807 cp

## II.4.2. Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) /vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)	185.329.207	15,00
	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn điều lệ	1.050.193.697	85,00
2	Cổ đông tổ chức	748.098.491	60,55
	- Trong nước	377.729.600	30,57
	- Nước ngoài	370.368.891	29,98
	Cổ đông cá nhân	487.424.413	39,45
	- Trong nước	487.136.766	39,43
	- Nước ngoài	287.647	0,02
3	Cổ đông trong nước	864.866.366	70,00
	Cổ đông nước ngoài	370.656.538	30,00
4	Cổ đông nhà nước	6.730.177	0,545
	Cổ đông khác	1.228.792.727	99,455
	Cổ đông sáng lập	0	0
<b>Tổng số cổ phần</b>		<b>1.235.522.904</b>	<b>100</b>

STT	Thông tin chi tiết cổ đông lớn	Ngành nghề hoạt động	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%) /vốn điều lệ
1	<b>Sumitomo Mitsui Banking Corporation</b>	Ngân hàng	1-2 Marunouchi 1-chome, Chiyado-ku, Tokyo 100-0005 Japan	185.329.207	15,000

#### **II.4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Trong năm 2020, Eximbank không có sự thay đổi về vốn cổ đông.

#### **II.4.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Đến ngày 31/12/2020, số lượng cổ phiếu quỹ của Eximbank là 6.090.000 cổ phiếu. Eximbank không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2020.

#### **II.4.5. Các chứng khoán khác**

Eximbank không phát hành chứng khoán khác trong năm 2020.

### **II.5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**

#### **II.5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Nhận thức rõ Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, Eximbank nghiêm túc thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020, Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và



quản lý rủi ro môi trường và xã hội và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, Eximbank đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng và yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội. Sau đó, Ngân hàng định kỳ thường xuyên kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng. Eximbank chú trọng truyền thông về trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của khách hàng.

#### **II.5.2. Chính sách liên quan đến người lao động**

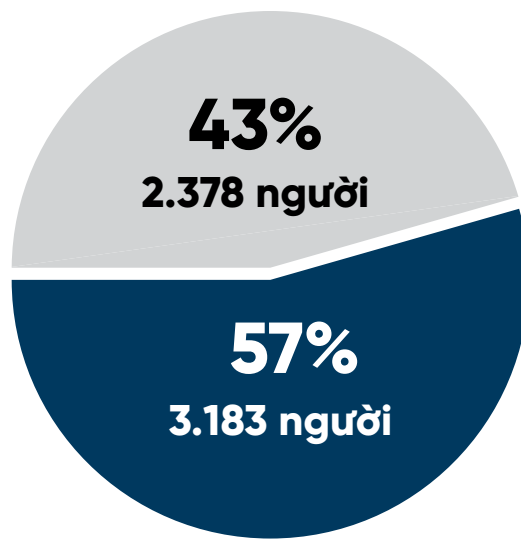
##### **Số liệu nhân sự:**

Tổng số nhân sự của Eximbank tính đến ngày 31/12/2020 là 5.561 người, giảm 780 người (tương đương -12,3%) so với cuối năm 2019. Trong đó, Cán bộ nhân viên nữ chiếm 57%; Cán bộ quản lý từ cấp Phó phòng trở lên chiếm 15,5%.

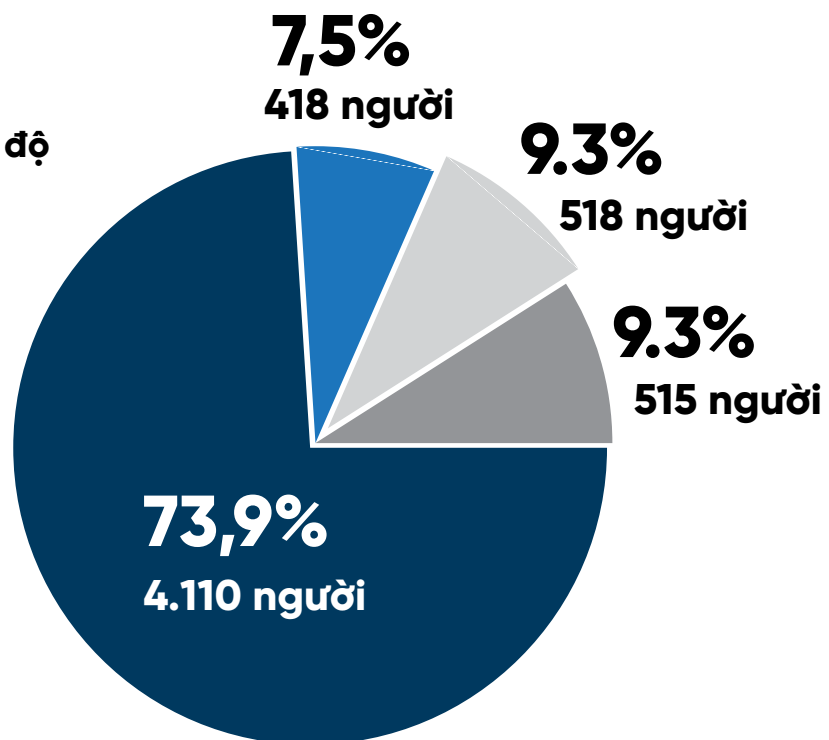
Đội ngũ nhân sự của Eximbank có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao (81% có trình độ đại học trở lên) và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng (62% nhân sự có kinh nghiệm làm việc tại Eximbank từ 05 năm trở lên).



Phân chia theo giới tính



Phân theo trình độ



### **Chính sách thu hút và lưu giữ nhân sự:**

Eximbank luôn xem việc thu hút và lưu giữ nhân sự giỏi là yếu tố quan tâm hàng đầu:

#### **Chính sách tiền lương:**

Chính sách trả lương của Eximbank được xây dựng dựa trên Hệ thống cấp bậc công việc (Position Class – PC): là hệ thống xếp loại cấp bậc chức danh cho các vị trí công việc hiện tại được xác định thông qua định giá vị trí công việc theo các tiêu chí:

- Mức độ tác động và đóng góp của vị trí công việc với kết quả hoạt động của Eximbank.
- Mức độ kỹ năng và phạm vi giao tiếp theo yêu cầu cụ thể của vị trí.
- Mức độ sáng tạo và mức độ phức tạp của các vấn đề mà vị trí đó phải thực hiện giải quyết hàng ngày.
- Mức độ kiến thức và kinh nghiệm cần thiết của vị trí đó để thực hiện trách nhiệm của mình hoặc quản lý các vị trí khác.

Trong năm 2020, Eximbank đã thực hiện điều chỉnh lương cho toàn hệ thống theo kết quả đánh giá hiệu quả công việc, góp phần nâng cao mức độ gắn kết và khả năng thu hút nhân tài trên thị trường lao động.

Hệ thống giao nhận KPIs được chuẩn hóa; Công tác đánh giá mức độ hoàn thành công việc liên tục cải tiến; Hệ thống danh mục các giải thưởng được thiết lập, giúp nâng cao hiệu quả đánh giá năng lực và thành tích; kết quả đánh giá KPIs được gắn kết với cơ chế thưởng và các chính sách nhân sự khác.

Công tác định biên nhân sự phù hợp, gắn liền với hoạt động phát triển kinh doanh và tạo định hướng cho các đơn vị của Eximbank sắp xếp nhân sự hiệu quả.

#### **Chế độ khen thưởng và phúc lợi:**

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo đúng quy định của nhà nước. Ngoài ra, Eximbank còn áp dụng những chính sách phúc lợi vượt trội cho người lao động như chính sách cho vay ưu đãi theo kết quả KPIs, mua bảo hiểm tai nạn, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ nhân viên, bảo hiểm trách nhiệm cho cấp lãnh đạo, ...với tỷ lệ đền bù bảo hiểm sức khỏe là 90% trên 1.000 hồ sơ/tháng.
- Trong năm 2020, Eximbank đã bổ sung và hoàn thiện hàng loạt các chế độ phụ cấp cho cán bộ nhân viên như: phụ cấp xe, phụ cấp trang điểm, sinh nhật, phụ cấp điều động, biệt phái, công tác phí, điện thoại, độc hại, tai nghe, tiền cơm trưa, phụ cấp đồng phục, nghỉ mát (chương trình teambuilding), phụ cấp dự án, phụ cấp làm thêm ngoài giờ,...
- Eximbank duy trì chế độ khen thưởng trong suốt những năm qua. Chính sách khen thưởng tại Eximbank đã khuyến khích người lao động tích cực trong việc nâng cao hiệu quả công việc đồng thời tạo động lực cho người lao động phát huy khả năng và duy trì sự ổn định và phát triển bền vững cho nguồn nhân lực của ngân hàng.

#### **Chính sách và hoạt động tuyển dụng:**

Eximbank đặt trọng tâm việc nâng cao chất lượng nguồn lực song song việc tinh gọn bộ máy để ngày càng chuyên nghiệp, đồng thời chất lượng tuyển dụng luôn được đảm bảo số ứng viên không đạt sau thời gian thử việc ở dưới mức 10%.

Sự khách quan và công bằng trong hoạt động tuyển dụng luôn được đảm bảo thông qua quy trình kiểm tra, đánh giá minh bạch dựa trên các tiêu chí về chuyên môn, năng lực, phẩm chất và tư cách và luôn bảo đảm các tiêu chí:

- Minh bạch mọi bước trong quy trình hoạt động, rõ ràng trong mọi chính sách chế độ dành cho ứng viên.
- Chuyên nghiệp: Quá trình tuyển dụng nhanh gọn, thuận tiện cho mọi ứng viên trên cả nước.
- Công bằng: Cam kết mọi ứng viên đều được đối xử như nhau trong suốt quá trình tuyển dụng, từ khâu tham gia phỏng vấn trực tiếp đến thi nghiệp vụ.

Ngoài việc thu hút nhân lực từ bên ngoài, Eximbank luôn chú trọng công tác giữ chân cán bộ có năng lực, đào tạo và tạo điều kiện cho các nhân sự tự ứng cử nội bộ. Nổi bật trong năm vừa qua là Chương trình “Tuyển dụng quy hoạch Cán bộ quản lý kế cận tại Đơn vị kinh doanh” nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự quản lý tương lai luôn sẵn sàng về chất và lượng, hình thành văn hóa nội bộ, quan tâm chăm sóc và bồi dưỡng cán bộ kế thừa ngay tại đơn vị kinh doanh.

#### **Chính sách và hoạt động đào tạo:**

Công tác đào tạo luôn được sự quan tâm và ưu tiên hàng đầu nhằm xây dựng nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn cao, tuân thủ, đặt khách hàng làm trọng tâm và quy trình nghiệp vụ thống nhất trên toàn hệ thống.

Eximbank khuyến khích và tạo mọi điều kiện để nhân viên tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp của bản thân; Mục tiêu đào tạo phát triển năng lực nhân viên được đưa vào KPIs của tất cả các đơn vị.

Trong năm 2020, công tác đào tạo của Eximbank được tập trung vào việc đẩy mạnh đào tạo năng lực kinh doanh, năng lực quản trị bán hàng theo mục tiêu, truyền cảm hứng, tạo động lực để thay đổi tư duy của đội ngũ bán hàng và các cấp cán bộ quản lý, đặc biệt là đào tạo đội ngũ quản lý kế cận; Chuẩn hóa tài liệu đào tạo và ngân hàng đề thi theo chức danh, nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ giảng viên nội bộ,...

Eximbank đã, đang và luôn kiện toàn công tác quản trị nguồn nhân lực để đưa Eximbank thành thương hiệu - nơi mà những nhân tài luôn hướng tới.



### ***Trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng:***

Tiếp nối truyền thống từ những ngày đầu thành lập đến nay, trong năm 2020 Eximbank vẫn luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia đóng góp vào các chương trình thiện nguyện, an sinh xã hội như thực hiện chương trình hiến máu nhân đạo, chăm lo đời sống cho các hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ v.v.v..



### ***Hoạt động An sinh xã hội***

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Eximbank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Eximbank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống người nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

### **II.5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Hoạt động an sinh xã hội luôn được Eximbank quan tâm chú trọng với phương châm Eximbank đồng hành cùng sự phát triển cộng đồng, bên cạnh việc khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia thì Eximbank cũng phát động các phong trào góp phần cho sự phát triển không chỉ các khu vực Eximbank có mặt mà còn cả các khu vực khác mà Eximbank mong muốn sẻ chia, góp sức. Một số hoạt động tiêu biểu Eximbank đã thực hiện như sau:

#### ***Chung tay phòng chống dịch Covid - 19:***

Tiếp sức cùng đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch bệnh, Eximbank đã trực tiếp trao tặng 1,5 tỷ đồng cho các đơn vị tuyến đầu như Trung tâm kiểm soát bệnh tật TP.HCM (HCDC) - Sở Y tế TP.HCM; Ủy ban MTTQ TP Đà Nẵng; Bệnh viện Nhiệt đới - cơ sở 2, Huyện Đông Anh, Tp Hà Nội.

#### ***Hành trình hướng về miền Trung yêu thương:***

Chung tấm lòng hướng về miền Trung ruột thịt, năm 2020 Eximbank tiếp tục chung tay cùng cả nước hỗ trợ đồng bào vùng rốn lũ vượt qua bão.

#### ***Chương trình “Sống là để yêu thương”:***

Là hành trình Eximbank mang yêu thương đến đồng bào những vùng sâu, vùng xa đang gặp khó khăn, góp phần xua đi giá lạnh, mang yêu thương đến cho những cụ già bất hạnh với hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

Cùng với mong muốn được chia sẻ một phần cho các em học sinh là con em đồng bào dân tộc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mang đến một mùa đông ấm áp để các em có thể vững tin tiếp tục đến trường, Eximbank đã mang những phần quà thiết thực, ý nghĩa đến cho các em học sinh nhỏ nơi vùng đất địa đầu của Tổ quốc.









### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### III.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2020, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nhiều đến tất cả các quốc gia trên thế giới với diễn biến phức tạp, khó lường, đẩy thế giới và nhiều nước rơi vào khủng hoảng kép về y tế và kinh tế. Về kinh tế, hầu hết các quốc gia rơi vào suy thoái nghiêm trọng, kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm mạnh, trong đó có Việt Nam.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam nói chung và Eximbank nói riêng không nằm ngoài sự tác động của cuộc khủng hoảng, thể hiện rõ nhất qua việc tín dụng tăng trưởng chậm, thanh khoản thặng dư cao, tạo ra nhiều thách thức đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Trong điều kiện chịu tác động nặng nề của dịch Covid 19, Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành Eximbank đã tập trung chỉ đạo sâu sát trong toàn hệ thống, giúp Eximbank làm tốt vai trò “vừa làm nghiệp vụ vừa chống dịch”, giữ vững hoạt động kinh doanh ổn định.

1. Tổng tài sản đạt 160.435 tỷ đồng, giảm 4,2% so với năm 2019, đạt 91,2% kế hoạch.
2. Tổng nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 133.918 tỷ đồng, giảm 3,8% so với năm 2019, đạt 90,6% kế hoạch.
3. Tổng dư nợ cấp tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp, không bao gồm trái phiếu VAMC) đạt 102.018 tỷ đồng, giảm 10,2% so với năm 2019, đạt 83,4% kế hoạch.
4. Tỷ lệ nợ xấu là 2,52%, tăng 0,81% so với năm 2019 (năm 2019: 1,71%).
5. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.340 tỷ đồng, tăng 22,3% so với năm 2019, đạt 100,6% kế hoạch.





**Huy động vốn cá nhân:**

Đến 31/12/2020 số dư huy động vốn cá nhân đạt **88.965 tỷ đồng**, chiếm 66% tổng vốn huy động toàn hệ thống, với quy mô khách hàng cá nhân chiếm đến 96% tổng lượng khách hàng của Eximbank.

Để đạt được kết quả như trên, Eximbank đã kịp thời triển khai các chính sách huy động vốn, đẩy mạnh nguồn huy động vốn ổn định từ dân cư, phù hợp với định hướng của Ngân hàng Nhà nước và với xu hướng thị trường. Bên cạnh đó, Eximbank tích cực triển khai các chương trình, sản phẩm, công nghệ mới hướng đến đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nhằm gia tăng nền tảng khách hàng và đạt được sự hài lòng của khách hàng khi giao dịch tại Eximbank.

Về sản phẩm, chương trình khuyến mãi huy động vốn, bên cạnh 8 sản phẩm đáp ứng nhu cầu gửi tiền đa dạng của khách hàng, Eximbank thường xuyên triển khai các chương trình khuyến mãi quà tặng cho khách hàng và phát triển các tiện ích mới phục vụ khách hàng.

Điểm sáng trong công tác phát triển sản phẩm 2020 là Eximbank đã triển khai đẩy mạnh phát triển các sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng:

- Tiết kiệm online: Khách hàng gửi tiền online, với đa dạng lựa chọn hoặc nhận ngay phiếu quà tặng E-voucher điện tử gửi đến SMS hoặc nhận quà tặng trao tại nhà.
- Sử dụng Combo, miễn phí chuyển tiền Online: Với việc duy trì tối thiểu trong tài khoản 2 triệu đồng, khách hàng được miễn phí chuyển tiền online, và miễn phí trọn gói các dịch vụ của gói combo (miễn phí các dịch vụ ngân hàng điện tử, miễn phí thẻ).
- Miễn phí chuyển tiền Online cho khách hàng sử dụng thẻ tín dụng.
- Triển khai gói sản phẩm “Hợp tác bền vững cùng Eximbank” ưu đãi trọn gói dành cho khách hàng doanh nghiệp mới thực hiện chi lương tại Eximbank và ưu đãi cho cả các khách hàng cá nhân là nhân viên của công ty có mở tài khoản, nhận lương tại Eximbank.

Và nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn dành cho khách hàng cá nhân gửi tiền tại Eximbank với danh mục quà tặng đa dạng, thiết thực, giá trị cao. Ngoài ra, khách hàng gửi tiền tại Eximbank còn được cung cấp miễn phí Dịch vụ nhận tin nhắn SMS thông báo biến động số dư tiền gửi tiết kiệm, để đảm bảo an toàn khi gửi tiền.



***Dịch vụ chuyển tiền trong nước:***

Dịch vụ chuyển tiền trong nước năm 2020 được Eximbank chú trọng đẩy mạnh theo hướng mở rộng dịch vụ và tốc độ chuyển tiền cho khách hàng. Cụ thể, bên cạnh dịch vụ chuyển tiền trong nước ngoài hệ thống theo kênh truyền thống, Eximbank đã tập trung mở rộng kết nối các ngân hàng tham gia Dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 với các ngân hàng, nâng số lượng các ngân hàng tham gia Dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 lên 47 ngân hàng, hạn mức chuyển tiền lên đến 300 triệu đồng/giao dịch.

Trong năm 2020, dịch vụ chuyển tiền của Eximbank tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng về số lần chuyển món tăng 78% so năm 2019 và doanh số tăng 44% so năm 2019.

***Hoạt động cho vay KHCN:***

Eximbank tiếp tục tập trung tăng trưởng cho vay Khách hàng cá nhân ngắn hạn sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng giảm dần tỉ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của NHNN và giữ quan điểm thận trọng đối với tín dụng bất động sản, phân tán nguồn vốn tại những khoản vay nhỏ, mục đích mua bất động sản để ở.

Năm 2020, mặc dù Tín dụng cá nhân của Eximbank không tăng trưởng như kỳ vọng nhưng tổng thu nhập và NIM cho vay đều vượt chỉ tiêu đề ra.

***Hoạt động phát hành Trung tâm thẻ:***

Với định hướng phát triển toàn diện, dẫn đầu xu thế, Eximbank đã mở rộng các liên kết, hợp tác với các tổ chức chức thẻ quốc tế Visa/MasterCard/JCB/UPI, Công ty thanh toán quốc gia Việt Nam Napas và các công ty trung gian thanh toán như VNPAY, Ngân lượng, OnePay, VED, Zion, Payoo, Moca... và luôn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ hiện hữu, sản phẩm, dịch vụ thẻ mới nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Trong năm 2020, Eximbank đã triển khai dịch vụ/tiện ích mới:

- Triển khai phát hành và chấp nhận thẻ ghi nợ nội địa Chip theo chuẩn VCCS của Napas.
- Phát hành thẻ tín dụng quốc tế Visa Signature Priority cho phân khúc khách hàng ưu tiên (Priority Banking).
- Là một trong những Ngân hàng đầu tiên triển khai hệ thống xác thực, bảo mật giao dịch trực tuyến mới nhất: EMV 3D Secure cho thẻ quốc tế Visa/ Mastercard.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng gay gắt, Eximbank đã luôn nỗ lực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh để mở rộng thị phần và đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2020. Theo đó tổng thẻ phát hành đến 31/12/2020 đạt trên 2,3 triệu thẻ. Doanh số thanh toán thẻ tăng 54% so với cùng kỳ 2019 (trong đó, doanh số thanh toán tại các đơn vị chấp nhận thẻ tăng trưởng mạnh 149%), đóng góp đáng kể cho nguồn thu từ dịch vụ thẻ (tổng lợi nhuận thẻ trong năm 2020 tăng trưởng hơn 80% so với lợi nhuận thẻ cùng kỳ).

Cùng với định hướng phát triển chung của toàn hệ thống, dịch vụ thẻ cũng là một sản phẩm mũi nhọn của Eximbank năm 2021 cũng như các năm sau và sẽ góp phần quan trọng vào việc quảng bá thương hiệu của Eximbank cũng như doanh thu hoạt động của ngân hàng.

### ***Dịch vụ chi trả kiều hối***

Theo như thông tin của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố báo cáo Di cư và Kiều hối với dự báo lượng kiều hối năm 2020 Việt Nam giảm hơn 7% còn 15,7 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 5,8% GDP. Kiều hối toàn cầu sẽ giảm 14% trong năm 2020 so với năm 2019 do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế.

Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn nêu trên, Eximbank đã không ngừng tăng cường phát triển công nghệ và đẩy mạnh chính sách khuyến mại, đồng hành với các đối tác tại các thị trường ở Mỹ, Úc, châu Âu, Nhật, Hàn Quốc,... nhằm thu hút khách hàng và đặc biệt là áp dụng công nghệ API chuyển tiền nhanh 24/7 với thời gian xử lý mỗi giao dịch chuyển tiền từ nước ngoài về tài khoản người thụ hưởng không quá 1 phút nên các khách hàng trẻ tuổi đang lao động, học tập ở nước ngoài rất ưa chuộng. Theo đó, đã mang lại kết quả tăng trưởng vượt bậc 18% so với năm 2019.

Vào ngày 05 tháng 03 năm 2021 MoneyGram - Công ty hàng đầu toàn cầu về thanh toán và chuyển tiền đã trao giải thưởng hàng năm cho Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu (Eximbank): “Công nhận Eximbank là ngân hàng đối tác có dịch vụ khách hàng tốt nhất của Money Gram tại thị trường Việt Nam, năm 2020”. Đây là giải thưởng vinh danh đầu tiên và duy nhất trong năm 2020 mà đối tác Moneygram trao tặng tại thị trường Việt nam.

Eximbank rất vinh dự nhận được giải thưởng này từ MoneyGram và không ngừng cải tiến và đổi mới bằng việc đầu tư vào công nghệ, chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng kỳ vọng của khách hàng trong việc cung cấp dịch vụ và giải pháp tài chính với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm. Đến nay, Eximbank tự hào là ngân hàng cung cấp dịch vụ chi trả kiều hối tốt nhất tại Việt Nam. Sự công nhận của MoneyGram một lần nữa khẳng định chất lượng dịch vụ của Eximbank, đồng thời là động lực để Eximbank tiếp tục phấn đấu mở rộng mạng lưới hợp tác tại nhiều quốc gia, mang lại dịch vụ kiều hối tốt nhất cho khách hàng.





### ***Dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài***

Năm 2020, đánh dấu là năm cực kỳ khó khăn và đầy thách thức cho mảng dịch vụ Chuyển tiền đi nước ngoài là do ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch toàn cầu. Dịch vụ chuyển tiền đi nước ngoài tại Eximbank gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên, Eximbank đã nỗ lực không ngừng trong việc nghiên cứu và cải tiến sản phẩm, chất lượng dịch vụ với mục tiêu đem đến cho khách hàng trải nghiệm về dịch vụ tốt nhất, chuyển tiền nhanh chóng và an toàn.

### ***Dịch vụ Bancassurance***

Nhằm mục tiêu đáp ứng yêu cầu tài chính gia tăng của khách hàng đối với các sản phẩm tài chính đa dạng trên thị trường, Eximbank đã nhanh chóng xây dựng và phát triển thành công kênh quan hệ hợp tác Bancassurance cùng công ty bảo hiểm Nhân Thọ Generali theo quan hệ độc quyền đã được ký kết từ tháng 07 năm 2016.

Theo đó, Eximbank tập trung đầu tư và phát triển kênh phân phối bảo hiểm trên toàn hệ thống với trọng tâm đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán chéo và cung cấp đến khách hàng dịch vụ tài chính đáng tin cậy nhất.

Năm 2020, kết quả hoạt động Bancassurance đạt 88% kế hoạch, tăng 47% so với năm 2019 (chỉ tính riêng bảo hiểm nhân thọ Generali), và lợi nhuận đạt 86% so kế hoạch. Ngoài ra, tỷ lệ điểm giao dịch có phát sinh doanh thu bảo hiểm trên toàn hệ thống đạt 100%.

Năm 2021, Bancassurance tiếp tục được xem là dịch vụ trọng tâm và nhận định là kênh phân phối sản phẩm bảo hiểm đạt tỷ lệ tăng trưởng vượt bậc. Eximbank định hướng đẩy mạnh bán chéo sản phẩm bảo hiểm kết hợp với các sản phẩm dịch vụ ngân hàng nhằm mang lại nhiều lợi ích đến cho khách hàng.



## DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP



**Huy động vốn khách hàng doanh nghiệp**

Công tác huy động vốn trong năm 2020 cũng gặp nhiều khó khăn vì lãi suất liên tục giảm trong năm 2020. Trong năm, Ngân hàng Nhà Nước tiếp tục giảm trần lãi suất huy động ở tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi ngắn hạn. Ngoài ra, tại các ngân hàng, việc huy động vốn từ khách hàng tổ chức có xu hướng giảm hoặc tăng trưởng không đáng kể. Tuy nhiên, Eximbank đã nỗ lực đưa ra các sản phẩm, chương trình nhằm thúc đẩy tăng trưởng huy động vốn KHDN. Theo đó, đến cuối năm 2020, huy động vốn KHDN của Eximbank tăng trưởng hơn 14% so với năm 2019.

**Tín dụng khách hàng doanh nghiệp**

Trong năm 2020, Eximbank thực hiện phân khúc khách hàng doanh nghiệp theo các phân khúc: KH FDI, KHDN Lớn, KHDN Vừa và nhỏ (Upper SMEs, SMEs, Micro SMEs).

- Eximbank đã thành lập Phòng FDI tại Khối KHDN - Hội sở nhằm kiện toàn toàn bộ mảng dịch vụ đối với khách hàng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và đây cũng là một trong những thế mạnh của Eximbank, tận dụng và phát triển nền tảng KH FDI, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Đối với phân khúc KHDN Lớn, Eximbank đưa ra nhiều chương trình lãi suất cạnh tranh ngắn hạn đối với các doanh nghiệp lớn cùng nhiều chính sách cho vay hấp dẫn với mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận cho khách hàng mới và hiện hữu.

Ngoài ra, trong năm 2020, Eximbank mở rộng mảng đầu tư trái phiếu để đa dạng hóa các hoạt động, đồng thời tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn trong tình hình khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tuy gặp nhiều khó khăn khi thị trường năm 2020 khó lường, tăng trưởng tín dụng phân khúc KHDN Lớn & FDI vẫn tăng 12% so với 2019. Cùng với đó, các khoản thu nhập từ phân khúc này cũng tăng đáng kể, góp phần vào thu nhập chung của Eximbank trong mảng KHDN.

- Trong năm 2020, Eximbank tiếp tục tập trung phát triển phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) phù hợp với chiến lược trung dài hạn của Eximbank. Eximbank đã triển khai các chương trình thúc đẩy với lãi suất cạnh tranh và từng bước điều chỉnh các sản phẩm tín dụng cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của đối tượng KH này trong tình hình dịch bệnh Covid-19 với định hướng tập trung vào các ngành kinh tế ưu tiên, đặc biệt liên quan xuất nhập khẩu.

Kể từ tháng 03/2020, thực hiện đúng Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN, Eximbank đã thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng của Covid-19. Tuy nhiên, so với năm 2019, dư nợ tín dụng KHDN của Eximbank vẫn giảm 7,5%.

**Hoạt động thanh toán quốc tế**

Eximbank đã đẩy mạnh triển khai các sản phẩm tài trợ thương mại đa dạng bao gồm sản phẩm truyền thống, sản phẩm chuyên biệt (Thư tín dụng trả chậm thanh toán trả ngay – UPAS), sản phẩm trọn gói ... theo nhu cầu của từng phân khúc khách hàng, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn tài trợ cạnh tranh và phù hợp nhu cầu kinh doanh. Với mục tiêu luôn lấy khách hàng làm trọng tâm, Eximbank đã chuẩn hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ, nâng

cao chất lượng dịch vụ và tăng cường phát triển sản phẩm trên nền tảng công nghệ số nhằm không ngừng mang lại những giá trị gia tăng cho khách hàng.

Với thế mạnh về hoạt động tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế, có quan hệ đại lý với gần 700 ngân hàng tại 70 quốc gia cùng với đội ngũ nhân sự chuyên môn nghiệp vụ cao, Eximbank sẽ tiếp tục là Ngân hàng cung cấp các dịch vụ về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại tốt nhất để đáp ứng tối đa nhu cầu và lợi ích của doanh nghiệp.

### ***Hoạt động dịch vụ***

Eximbank liên tục triển khai các chương trình ưu đãi miễn giảm phí thanh toán cho các khách hàng giao dịch thanh toán qua các kênh thanh toán online (Internet banking, Mobile banking). Bên cạnh đó, Eximbank đã không ngừng thực hiện cải tiến, nâng cấp hệ thống Internet banking và đưa ra hàng loạt các Combo sản phẩm, các chương trình ưu đãi nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng tối đa dịch vụ tại Eximbank như thanh toán trong nước, ngoài nước, thanh toán thuế, bảo lãnh, chi lương... Đối với dịch vụ thanh toán trong nước, tập trung đẩy mạnh kênh thanh toán Online với nhiều tiện ích như thanh toán theo lô đến nhiều tài khoản, dịch vụ chi lương trên IB có thể xử lý cùng lúc trên 5.000 tài khoản thụ hưởng... Doanh số thanh toán trong nước năm 2020 tăng (+4%) so với năm 2019. Tuy nhiên có sự dịch chuyển kênh thanh toán, năm 2020 doanh số kênh online tăng 44% so với năm 2019.

### ***Hoạt động quan hệ quốc tế***

Eximbank đã và đang mở rộng quan hệ đại lý và quan hệ tín dụng với rất nhiều ngân hàng nước ngoài. Các tổ chức tín dụng quốc tế cũng như ngân hàng nước ngoài đánh giá tín nhiệm Eximbank ở mức khả quan và sẵn sàng cung cấp hoặc tăng hạn mức về tài trợ thương mại cho Eximbank. Ngày 21/4/2020, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) thông báo cấp hạn mức tài trợ thương mại và hạn mức tín dụng tuần hoàn cho Eximbank, tạo điều kiện cho Eximbank nâng cao đáng kể sức mạnh đối với hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại và đáp ứng nhu cầu tài trợ thương mại ngày càng đa dạng của khách hàng.

Ngoài ra, hãng đánh giá tín nhiệm quốc tế S&P Global thông báo mức tín nhiệm đối tác dài hạn của Eximbank được giữ nguyên ở mức B+ với triển vọng ổn định. Việc gán mức tín nhiệm đối tác dài hạn B+, ngắn hạn B và triển vọng "Ổn định" cho Eximbank, S&P Global ghi nhận các nỗ lực tái cấu trúc của Eximbank, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng chọn lọc, đồng thời nỗ lực giảm dần các khoản nợ xấu tồn đọng, nâng cao chất lượng tài sản và duy trì khả năng vốn hóa cao, thanh khoản tốt. Trong năm 2020, các ngân hàng hàng đầu thế giới như JPMorgan, Bank of New York Mellon, Wells Fargo, CitiBank cũng tiếp tục trao tặng cho Eximbank các giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc.

Với những nỗ lực tái cấu trúc trong thời gian qua, cùng quan hệ đại lý với gần 700 ngân hàng/chi nhánh ngân hàng tại 70 quốc gia trên toàn thế giới, Eximbank sẽ tiếp tục tăng cường hơn nữa hoạt động quốc tế của mình để ngày càng khẳng định và nâng cao vị thế, thương hiệu Eximbank.

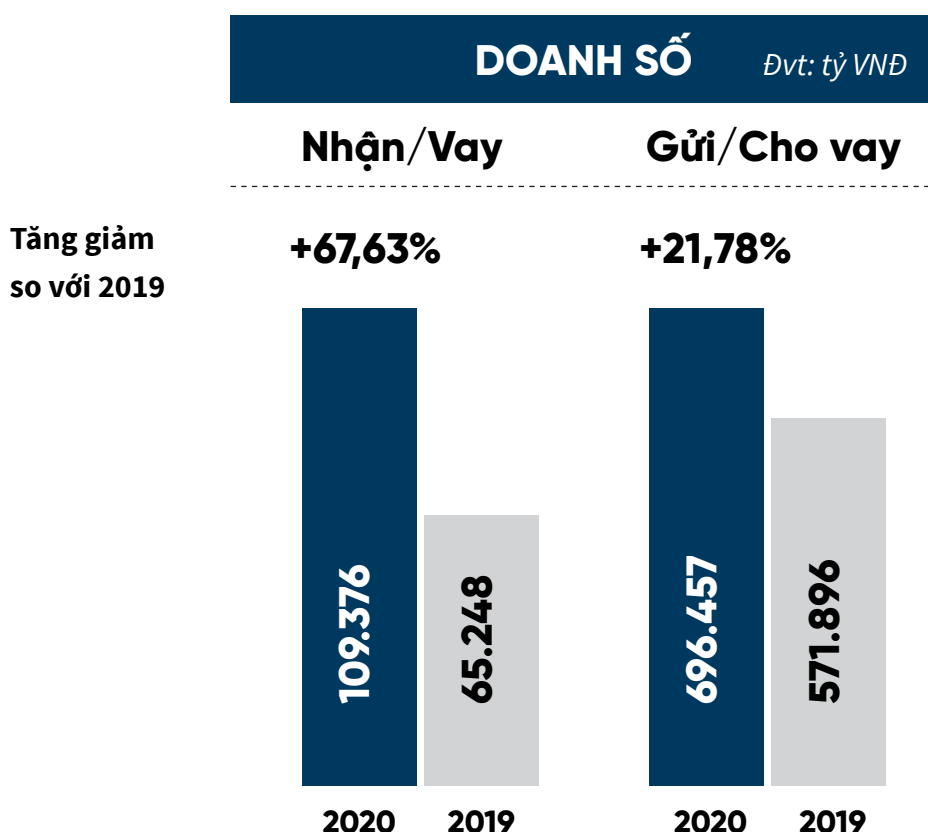
EUR (EUR 52,15)



**Kinh doanh vốn**

Với chiến lược linh hoạt, thích ứng nhanh nhạy trước các thay đổi của thị trường và chính sách của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động Kinh Doanh Vốn đã phát huy mạnh mẽ vai trò cân đối thanh khoản và kinh doanh vốn, góp phần nâng cao lợi nhuận và khẳng định vị thế của Eximbank trên thị trường tiền tệ trong năm 2020.

Quy mô giao dịch vốn liên ngân hàng trong năm 2020 của Eximbank:

**Kinh doanh ngoại tệ**

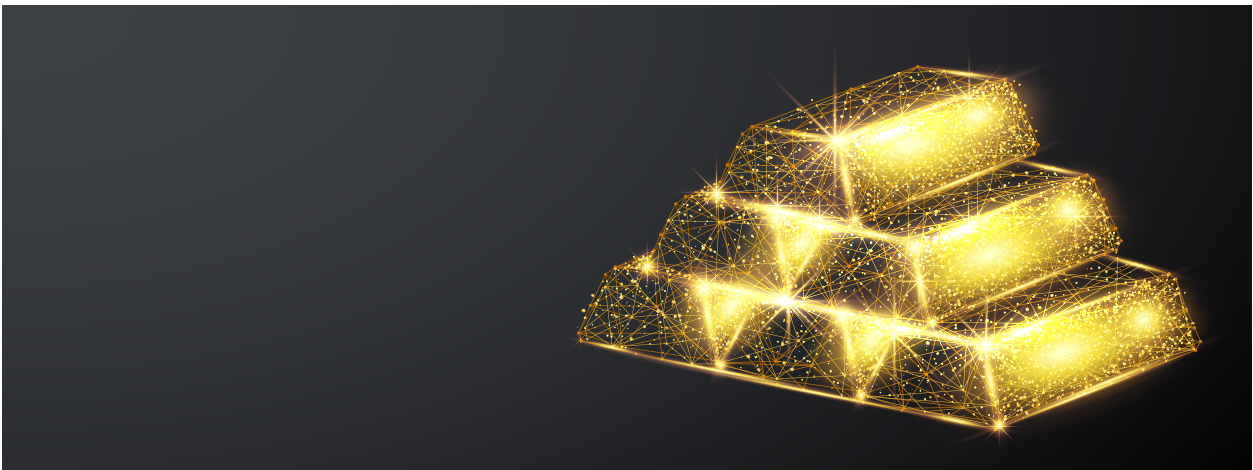
Với diễn biến hết sức phức tạp của đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới cũng như Việt Nam đã trải qua năm 2020 đầy biến động, Eximbank đã gặp không ít khó khăn trong hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh ngoại tệ nói riêng. Tuy nhiên Eximbank vẫn không ngừng tìm kiếm cơ hội thị trường, phát triển sản phẩm để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh. Năm 2020, doanh số mua bán ngoại tệ đạt gần 93 tỷ USD, giảm 4% so với năm 2019; lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ đạt 329,7 tỷ đồng, tăng 3% so với năm trước. Eximbank đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ theo đúng xu hướng xuất siêu mạnh của nền kinh tế Việt Nam. Công tác bán chéo được quán triệt, tăng cường; việc phát triển mạnh mẽ của dịch vụ kiều hối và thiết kế các gói combo sản phẩm mới theo đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã giúp gia tăng hoạt động kinh doanh ngoại hối.

### **Kinh doanh vàng**

Năm 2020 là một năm đầy biến động của giá vàng khi giá vàng quốc tế tăng đến 25% với nhiều mức giá kỷ lục được chinh phục. Giá vàng chạm 2.072,49 USD/oz - mức giá cao nhất mọi thời đại vào quý 3/2020. Giá vàng tăng mạnh trong bối cảnh dịch bệnh Covid 19 tác động tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu khiến Ngân hàng Trung ương các nước liên tục đưa ra các biện pháp hỗ trợ.

Tại thị trường vàng trong nước, giá vàng miếng SJC lần đầu tiên trong lịch sử chạm mức 62 triệu VNĐ/lượng, thu hút nhiều nhà đầu tư tham gia giao dịch.

Eximbank tiếp tục phát triển nền tảng khách hàng, không ngừng cải tiến quy trình phục vụ nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vàng, nhờ đó kết quả đạt được trong năm 2020 khá khả quan, đóng góp vào lợi nhuận chung của ngân hàng. Eximbank tiếp tục là đơn vị chiếm thị phần lớn nhất về kinh doanh vàng miếng SJC trong cả nước.



### **Đầu tư tài chính**

Bên cạnh các hoạt động chính của ngân hàng là huy động, cho vay, dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, tài trợ thương mại... thì đầu tư tài chính cũng là một hoạt động kinh doanh quan trọng nhằm tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn của ngân hàng.

Giá trị ghi sổ danh mục đầu tư đến thời điểm 31/12/2020:

	31/12/2019	31/12/2020	Tăng / giảm
<b>1. Trái phiếu</b>	<b>11.815</b>	<b>11.829</b>	<b>0,1%</b>
1.1. Trái phiếu Chính phủ	8.165	8.127	-0,5%
1.2. Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	3.350	3.702	235%
1.3. Trái phiếu Doanh nghiệp	300	300	300%
<b>2. Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>400</b>	<b>1.600</b>	<b>300%</b>
<b>3. Góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>556</b>	<b>556</b>	

- Danh mục trái phiếu Chính phủ 8.127 tỉ đồng là tài sản có tính thanh khoản cao phục vụ cho việc dự trữ thanh khoản, đồng thời đáp ứng các chỉ tiêu an toàn vốn do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- Bên cạnh trái phiếu Chính phủ, Eximbank còn đầu tư vào các loại giấy tờ có giá do các Tổ chức tín dụng khác phát hành (trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi). Đây là tài sản tạo thu nhập ổn định và an toàn nên đã được đẩy mạnh trong năm 2020 vừa qua.

## **Hoạt động Khối Công nghệ thông tin và vận hành**

### **1. Về dịch vụ Ngân hàng điện tử:**

Eximbank luôn chú trọng nghiên cứu và cải tiến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử để đảm bảo an toàn bảo mật, gia tăng các tiện ích và sự hài lòng của khách hàng. Trong năm 2020, Eximbank đã triển khai các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử như sau:

a. Triển khai dự án nâng cấp toàn diện hệ thống Internet Banking: Từ ngày 24/11/2020, Eximbank chính thức triển khai dịch vụ Internet banking phiên bản mới dành cho khách hàng cá nhân với nhiều tính năng và giao diện vượt trội để tối ưu trải nghiệm người dùng khi khách hàng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng được cung cấp thông qua kênh Internet Banking. Hệ thống Internet Banking được nâng cấp trên nền tảng kỹ thuật hiện đại nâng cao an toàn, bảo mật hệ thống, hỗ trợ nhiều trình duyệt, nhiều hệ điều hành, và nhiều giao diện (điện thoại, máy tính bảng, máy tính để bàn và laptop). Ngoài các chức năng hiện có, hệ thống Internet banking còn cung cấp thêm một số sản phẩm dịch vụ, tiện ích mới dành cho cả khách hàng như:

- Quản lý tài chính thông minh: Ngoài các tính năng xem số dư tài khoản trong phiên bản ngân hàng trực tuyến trước đây, hệ thống Internet banking mới đã triển khai áp dụng tính năng phân tích tài chính thông qua biểu đồ quản lý dòng tiền.
- Quản lý tài khoản và mẫu giao dịch: Sử dụng dịch vụ Internet banking phiên bản mới, khách hàng sẽ được trải nghiệm chức năng quản lý và cài đặt tài khoản ưa thích. Chức năng này cung cấp cho khách hàng tiện ích đặt tên gợi nhớ, để khi giao dịch chuyển tiền khách hàng dễ dàng chọn thông tin nhanh chóng. Ngoài ra, khách hàng có thể đánh dấu tài khoản ưa thích hệ thống sẽ tự động sắp xếp tài khoản thụ hưởng ưu tiên cho khách hàng để lựa chọn.
- Tiến trình xử lý giao dịch tự động: Bổ sung tính năng theo dõi trình tự thực hiện giao dịch, giúp khách hàng nhận biết các thao tác và kiểm tra thông tin giao dịch nhanh chóng như: số tiền giao dịch, ngân hàng chuyển tiền, thông tin người thụ hưởng,...
- Cá nhân hóa các chức năng thường dùng: Các sản phẩm dịch vụ, tính năng tiện ích được chia thành từng nhóm riêng biệt như: Tài khoản, chuyển tiền, thanh toán, tiền gửi, thẻ, cài đặt... Ngoài ra, Eximbank còn cung cấp cho khách hàng tự cài đặt các chức năng thường dùng, nhằm giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn chức năng mong muốn giao dịch, để cài đặt khách hàng chỉ cần một thao tác đơn giản và hệ thống sẽ tự động sắp xếp nhanh chóng các chức năng theo nhu cầu của từng khách hàng.



b. Cải tiến Mobile Banking: Từ ngày 18/12/2020, Eximbank đã chính thức triển khai dịch vụ Eximbank Mobile Banking giao diện mới dành cho khách hàng cá nhân, hợp tác với đối tác VNPAY phát triển thêm nhiều tính năng mới và tiện ích mới cho khách hàng. Dịch vụ Mobile Banking mới cung cấp thêm các tính năng thanh toán hóa đơn trên Mobile Banking cho khách hàng cá nhân, nhằm phát triển việc nhận biết thương hiệu, bắt kịp xu thế hiện đại của Eximbank và tăng tính hiệu quả truyền thông với khách hàng.

- Giao diện được thiết kế linh hoạt và thân thiện người dùng: Giao diện về sản phẩm, dịch vụ, tiện ích được thiết kế sinh động giúp tăng trải nghiệm khách hàng, giúp khách hàng thao tác nhanh chóng. Giao diện được thiết kế tính năng truy cập nhanh đến các chức năng chuyển tiền, thanh toán, mở tiết kiệm,... giúp khách hàng rút ngắn các thao tác khi thực hiện giao dịch.
- Sản phẩm, dịch vụ và tiện ích:
  - Truy vấn giao dịch của các tài khoản;
  - Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài hệ thống bằng hình thức chuyển tiền thông thường, chuyển tiền nhanh thông qua tài khoản/thẻ;
  - Mở/ Tắt toán tài khoản tiền gửi có kỳ hạn;
  - Dịch vụ thanh toán hóa đơn với hàng trăm loại dịch vụ, giao dịch được thực hiện nhanh chóng;
  - Dịch vụ đặt vé máy bay, đặt vé xe, đặt vé tàu, đặt phòng khách sạn, mua vé xem phim, mua hàng trực tuyến; Thanh toán QR tại các điểm bán hàng;
  - Đăng ký trực tuyến dịch vụ: SMS Banking, VnTopup;
  - Dịch vụ thẻ: Thanh toán dư nợ sao kê thẻ tín dụng; Mở khóa thẻ trực tuyến; Truy vấn hạn mức còn lại của thẻ Quốc tế; Thanh toán trực tuyến bằng thẻ nội địa,...

c. Triển khai dự án New website Eximbank: Eximbank đã triển khai chính thức New website Eximbank theo thiết kế mới từ ngày 02/10/2020. Nhằm nâng cao bộ nhận diện thương hiệu mới và cải tiến về mặt kỹ thuật công nghệ, hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh và gia tăng trải nghiệm người dùng. Giao diện website mới hỗ trợ tương thích với máy tính để bàn, laptop, điện thoại di động, máy tính bảng. Màn hình giao diện website mới sẽ tự động phóng to/thu nhỏ theo đúng chuẩn của từng thiết bị truy cập, giúp khách hàng dễ dàng xem thông tin. Nội dung Website có bổ sung menu Khách hàng Nhật Bản, Ngoại hối & Vàng.

d. Triển khai hệ thống xác thực mới: Từ ngày 17/12/2020, Eximbank thực hiện triển khai công nghệ xác thực mới Eximbank Smart OTP dành cho khách hàng cá nhân. Eximbank Smart OTP có những tính năng ưu điểm vượt trội so với hình thức xác thực bằng tin nhắn SMS truyền thống như sau:

- Là giải pháp xác thực có mức độ an toàn bảo mật cao.
- Thuận tiện và dễ dàng sử dụng: Ứng dụng di động cho phép cài đặt trên điện thoại của Quý khách để sử dụng mọi lúc mọi nơi; giảm thiểu tối đa thao tác người dùng và có thể xác thực giao dịch trực tuyến ngay cả khi thiết bị không có kết nối Internet.

- Eximbank Smart OTP bao gồm hai hình thức xác thực:
  - Smart OTP – Online: Là hình thức xác thực giao dịch bằng Eximbank Smart OTP với điều kiện bắt buộc là điện thoại/thiết bị cài đặt phải được kết nối internet.
  - Smart OTP – QR Code (Offline): Là hình thức xác thực giao dịch bằng Eximbank Smart OTP qua QR Code với điện thoại/thiết bị cài đặt có thể không có kết nối Internet.

## **2. Về Công nghệ thông tin và vận hành:**

Năm 2020 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam cũng như ngành Ngân hàng nói chung và Eximbank nói riêng. Nhận thức được điều đó, Eximbank đã nỗ lực để đem lại những giá trị tích cực cho khách hàng cũng như ứng dụng công nghệ thông tin để tối ưu và tăng năng suất vận hành. Cụ thể:

- Về mảng vận hành, Eximbank đã hoàn tất triển khai các dự án vận hành tập trung như Tiếp quỹ tập trung, Quản lý tài sản bảo đảm tập trung tại Hà Nội và Thành phố HCM, Tập trung vận hành thẻ. Bên cạnh đó, Đăng ký và Công chứng giao dịch bảo đảm tập trung và dự án Kiểm soát sau chứng từ đang được triển khai tại Hà Nội và Thành phố HCM và dự kiến hoàn tất trong Quý 01/2021. Song hành cùng dự án Tái cấu trúc đơn vị kinh doanh, giao dịch một cửa cũng hoàn tất triển khai thí điểm và đang được triển khai mở rộng trên toàn hệ thống. Ngoài ra, Eximbank cũng đang tích cực chuẩn bị triển khai mở rộng Tiếp quỹ tập trung, Quản lý tài sản bảo đảm tập trung, Kiểm soát sau chứng từ, Quản lý ATM và POS tập trung trên phạm vi toàn hàng trong năm 2021. Công tác chuẩn hóa hệ thống văn bản nghiệp vụ được thực hiện trong năm 2020 thông qua việc triển khai dự án ISO nhằm khắc phục các bất cập của hệ thống văn bản hiện hữu, hướng đến hỗ trợ tích cực cho đơn vị kinh doanh trong công tác tư vấn hồ sơ chứng từ cho khách hàng.



- Về mảng công nghệ thông tin, Eximbank đã triển khai nhiều dự án hỗ trợ cho việc kinh doanh và vận hành như:
  - Dịch vụ Ngân hàng trực tuyến (Internet banking, Mobile banking và Website mới) và an toàn hơn với hệ thống xác thực Soft-OTP cho phép giá trị giao dịch lên đến 5 tỷ/ngày (gấp 10 lần trước đây).
  - Hệ thống tiếp xúc khách hàng qua tổng đài thoại và kênh Zalo FaceBook, Viber, Fanpage... cung cấp dải dịch vụ rộng. Số lượng contact với tổng đài tăng từ 50% đến 130%.
  - Tối ưu hóa thao tác xử lý và quy trình giao dịch quầy thông qua hệ thống Teller App (mở CIF, tài khoản, đăng ký combo/riêng lẻ dịch vụ, mở thẻ cho khách hàng cá nhân ...) giảm thời gian thực hiện giao dịch từ 5 – 10 lần.

- Triển khai thành công hệ thống phát hành và chấp nhận thẻ nội địa gắn chip; cập nhật hạn mức/số dư thẻ tín dụng theo thời gian thực. Liên thông thẻ ghi nợ quốc tế với tài khoản tiền gửi thanh toán, khách hàng sử dụng được ngay thay vì chờ 60 phút như trước.
- Bước đầu ứng dụng công nghệ Robotica nâng cao năng suất lao động cho dịch vụ nhận và chi trả tiền đến từ nước ngoài; chuyển tiền đi Citad; báo có tiền về và xử lý điện đến cho hoạt động tài trợ thương mại tăng năng suất 200%.

### III.2 Tình hình tài chính

- ▶ Tổng tài sản đạt 160.435 tỷ đồng, giảm 4,2% so với năm 2019, đạt 91,2% kế hoạch.
- ▶ Tổng nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 133.918 tỷ đồng, giảm 3,8% so với năm 2019, đạt 90,6% kế hoạch.
- ▶ Tổng dư nợ cấp tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp, không bao gồm trái phiếu VAMC) đạt 102.018 tỷ đồng, giảm 10,2% so với năm 2019, đạt 83,4% kế hoạch.
- ▶ Tỷ lệ nợ xấu là 2,52%, tăng 0,81% so với năm 2019 (năm 2019: 1,71%).

**Lợi nhuận  
trước thuế đạt  
1.340 tỷ đồng  
tăng 22,3%**



### III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

#### III.3.1. Xây dựng nền tảng quản trị, vận hành hiệu quả:

- (i) Eximbank đã hoàn thành dự án Thông tư 41, xây dựng hệ thống tính toán tự động tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, theo đó hệ số CAR của Eximbank trong thời gian qua luôn cao hơn mức 8%, đáp ứng tốt quy định của NHNN. Bên cạnh đó, Eximbank cũng đã hợp tác với KPMG triển khai thành công Dự án Thông tư 13 giúp cho việc quản trị rủi ro của ngân hàng được nâng cao, không chỉ đáp ứng yêu cầu của NHNN tại Thông tư 13 mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn về quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế Basel II. Hoàn thiện các bộ máy kiểm soát của quản lý cấp cao, xây dựng khung quản trị rủi ro, triển khai mô hình 3 tuyến phòng thủ, thường xuyên đào tạo và truyền thông nội bộ nhằm tăng cường văn hóa tuân thủ trong toàn hàng.
- (ii) Thực hiện tái cấu trúc mạng lưới, theo đó cơ cấu tổ chức, vận hành tại các đơn vị kinh doanh sẽ gọn nhẹ, hiệu quả hơn, tập trung vào kinh doanh.
- (iii) Các cơ chế, chính sách được hoàn thiện hơn mỗi ngày.
- (iv) Tiếp tục vận hành, nâng cấp hệ thống Finacle nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định hơn và cập nhật phiên bản mới nhất; Triển khai các ứng dụng nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng.
- (v) Chuyển đổi hoạt động của kênh phân phối đã diễn ra mạnh mẽ từ việc đẩy mạnh đào tạo năng lực kinh doanh, năng lực quản trị bán hàng theo mục tiêu; truyền cảm hứng, tạo động lực để thay đổi tư duy của đội ngũ bán hàng và các cấp cán bộ quản lý.

#### III.3.2. Quản lý chất lượng

Bên cạnh việc phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, Eximbank cũng chú trọng đến công tác duy trì và cải tiến chất lượng dịch vụ của hệ thống nói chung và của cán bộ nhân viên nói riêng.

Đầu tiên là công tác trang bị, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ giao dịch viên thông qua các chương trình đào tạo về kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng mềm trong giao tiếp khách hàng, kết hợp với các kỳ kiểm tra kiến thức chuyên môn định kỳ hàng năm nhằm giúp cho đội ngũ cán bộ nhân viên đánh giá lại năng lực bản thân, tăng sự tự tin và thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp.

Kế tiếp là công tác rà soát, cập nhật đánh giá hệ thống các quy định, quy trình, tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ cũng như truyền thông sâu rộng đến từng cán bộ nhân viên được tiến hành thường xuyên nhằm nâng cao hành trình trải nghiệm sản phẩm dịch vụ của khách hàng được xuyên suốt từ khâu tiếp đón của bảo vệ cho đến khi kết thúc giao dịch.

Đồng thời, Eximbank cũng tổ chức thực hiện xây dựng và đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn về không gian vận hành của các đơn vị trong hệ thống nhằm tăng hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ nhân viên và thể hiện tính chuyên nghiệp môi trường làm việc ngân hàng. Không những vậy, trong năm 2020 Eximbank đã triển khai dự án như Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 – 2015, Bộ cam kết chất lượng dịch vụ nội bộ (SLA) và triển khai tiêu chuẩn 5S nhằm xây dựng

môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ, ngăn nắp, giúp dễ dàng, thuận tiện, tiết kiệm thời gian trong quá trình làm việc và cán bộ nhân viên sẽ tăng cường phát huy sáng kiến cải tiến, từ đó tăng tính mỹ quan về hình ảnh Eximbank đối với khách hàng.

Eximbank cũng phối hợp với công ty khảo sát thị trường hàng đầu của thế giới để thực hiện các dự án khách hàng bí mật nhằm đánh giá khách quan chất lượng dịch vụ do Eximbank cung cấp dưới góc nhìn của khách hàng. Theo đó, các kết quả đánh giá này giúp Eximbank phát hiện và điều chỉnh hệ thống chất lượng dịch vụ phù hợp với thực tế và nâng cao giá trị lợi ích cho khách hàng.

### **III.3.3. Quản trị rủi ro năm 2020**

#### **1. Quản lý rủi ro thị trường**

i) Quản lý rủi ro lãi suất:

Ngân hàng quản lý rủi ro này thông qua việc phân tích trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất của tài sản nhạy lãi (RSA) và nợ phải trả nhạy lãi (RSL); Thiết lập các hạn mức về tỷ lệ chênh lệch tích lũy (của RSA-RSL)/tổng tài sản tại các kỳ hạn trong thang kỳ hạn; Phân tích sự thay đổi của thu nhập lãi thuần ( $\Delta NII$ ) và sự thay đổi của giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu ( $\Delta EVE$ ) để đánh giá tổn thất về thu nhập và giá trị vốn kinh tế của Ngân hàng theo các kịch bản lãi suất khác nhau trong khoảng thời gian đo lường nhất định (thông thường là một năm).

ii) Quản lý rủi ro ngoại hối:

Rủi ro tỷ giá được quản lý thông qua việc giám sát nghiêm ngặt việc tuân thủ các quy định về hạn mức, bao gồm hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ, hạn mức thẩm quyền, hạn mức đối tác, hạn mức về tổng trạng thái cuối ngày,... đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của cơ quan nhà nước và quy định nội bộ của Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng còn triển khai các mô hình đo lường đánh giá rủi ro, định giá các công cụ tài chính hàng ngày để ước lượng tổn thất nhằm kiểm soát rủi ro nằm trong khẩu vị mà Ngân hàng có thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, Ngân hàng có thể sử dụng các sản phẩm phái sinh nhằm mục đích ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể phát sinh.

(iii) Quản lý rủi ro giá đầu tư: Để quản lý rủi ro giá đầu tư, Eximbank đã triển khai các phương pháp đo lường, đánh giá danh mục đầu tư theo giá thị trường, thiết lập các giới hạn rủi ro giá đầu tư (hạn mức đầu tư trái phiếu, hạn mức dừng lỗ, ...) phù hợp với quy định của NHNN và mục tiêu, chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.

#### **2. Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để ngăn ngừa và xử lý các vấn đề về rủi ro thanh khoản, Eximbank đã xây dựng một hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đầy đủ, thận trọng về quản lý rủi ro thanh khoản bắt kịp với tiêu chuẩn chung của toàn ngành, tuân thủ các quy định của cơ quan nhà nước. Việc quản lý rủi ro cụ thể được thực hiện thông qua công tác đánh giá và theo dõi khe hở chênh lệch thanh khoản hàng ngày, được thực hiện cho các dòng tiền theo kỳ hạn hợp đồng và theo hành vi của khách

hàng nhằm đo lường mức độ thặng dư hoặc thâm hụt ròng của dòng tiền tích lũy tại các kỳ hạn khác nhau một cách sát với thực tế nhất. Bên cạnh đó, các tỷ lệ an toàn hoạt động về thanh khoản theo yêu cầu của TT22 được Ngân hàng giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt. Ngoài ra, Ngân hàng cũng thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản (Stress-test) nhằm đánh giá khả năng chịu đựng của ngân hàng đối với RRTK trong các kịch bản khác nhau, theo đó đưa ra các phương án xử lý dự phòng tối ưu nhất.

#### **III.3.4. Báo cáo phát triển bền vững**

Với định hướng phát triển bền vững là sự kết hợp, cân bằng giữa 3 vấn đề lớn: Kinh tế, xã hội và môi trường. Ý thức rõ vai trò của mình trong tiến trình đó, Eximbank đã và đang tích cực hưởng ứng các hoạt động đóng góp tăng trưởng kinh tế, chung tay bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển cộng đồng một cách cụ thể và thiết thực.

Phát huy những thế mạnh của công nghệ và liên tục cập nhật theo xu hướng hiện đại: Năm 2020 là một năm nhiều thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam cũng như ngành Ngân hàng nói chung và Eximbank nói riêng. Nhận thức được điều đó, Eximbank đã triển khai nhiều dự án hỗ trợ cho việc kinh doanh và vận hành, nỗ lực để đem lại những giá trị tích cực cho khách hàng cũng như ứng dụng công nghệ thông tin để tối ưu và tăng năng suất vận hành.

Công nghệ - nhân lực là thế mạnh không ngừng được phát triển cùng hoạt động kinh doanh. Eximbank sẽ phát triển quy mô, gia tăng thị phần, nâng cao năng suất và hiệu suất tại từng điểm giao dịch. Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và các chỉ số tài chính theo hướng an toàn, phù hợp, cải thiện mạnh mẽ các tỷ suất sinh lời, quản lý chi phí gắn liền với hiệu quả mang lại. Tăng cường xử lý nợ xấu và tài sản tồn đọng, lành mạnh hóa danh mục tài sản, tăng nguồn vốn phục vụ kinh doanh, cải thiện các chỉ số an toàn, tuân thủ quy định NHNN trong từng thời kỳ, tiến tới áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Từng bước nâng tầm vị thế, xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng hiện đại - năng động, uy tín trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

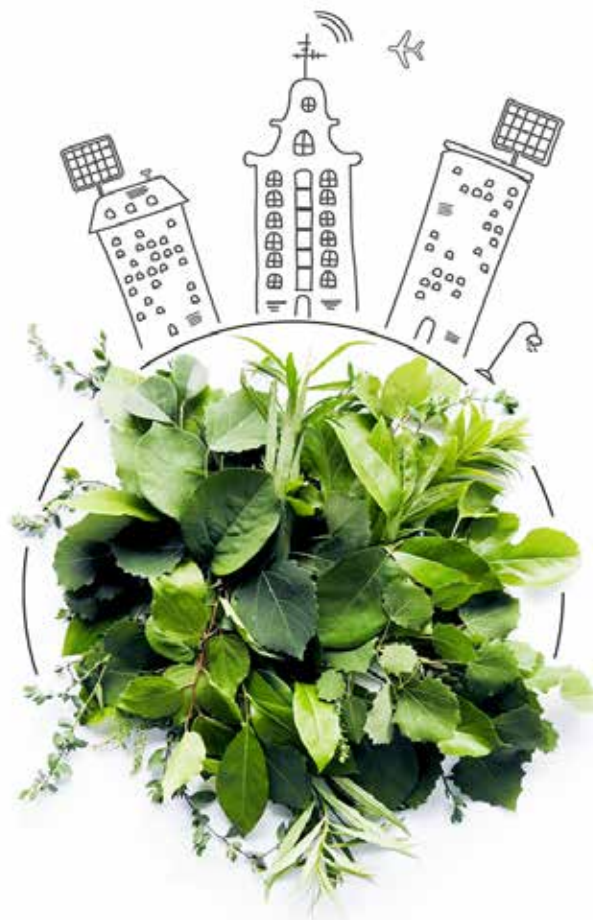
Với phương châm **“Khách hàng là trọng tâm”**, Eximbank sẽ chú trọng mở rộng và nâng cao chất lượng dữ liệu khách hàng, nghiên cứu thị hiếu cũng như lắng nghe nhu cầu của khách hàng, bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới. Từ đó, ngân hàng hiện đại hóa sản phẩm dịch vụ, xây dựng hệ sinh thái, đa tiện ích, đảm bảo an toàn bảo mật, gia tăng trải nghiệm và góp phần tăng mức độ hài lòng của khách hàng. Đồng thời, tiếp tục tinh gọn quy trình, văn bản theo hướng ngắn gọn, hiệu quả.

Các tiêu chuẩn xã hội: Công tác đào tạo luôn được Eximbank quan tâm và ưu tiên hàng đầu nhằm xây dựng nguồn nhân lực có kỹ năng chuyên môn cao, tuân thủ, đặt khách hàng làm trọng tâm và quy trình nghiệp vụ thống nhất trên toàn hệ thống.

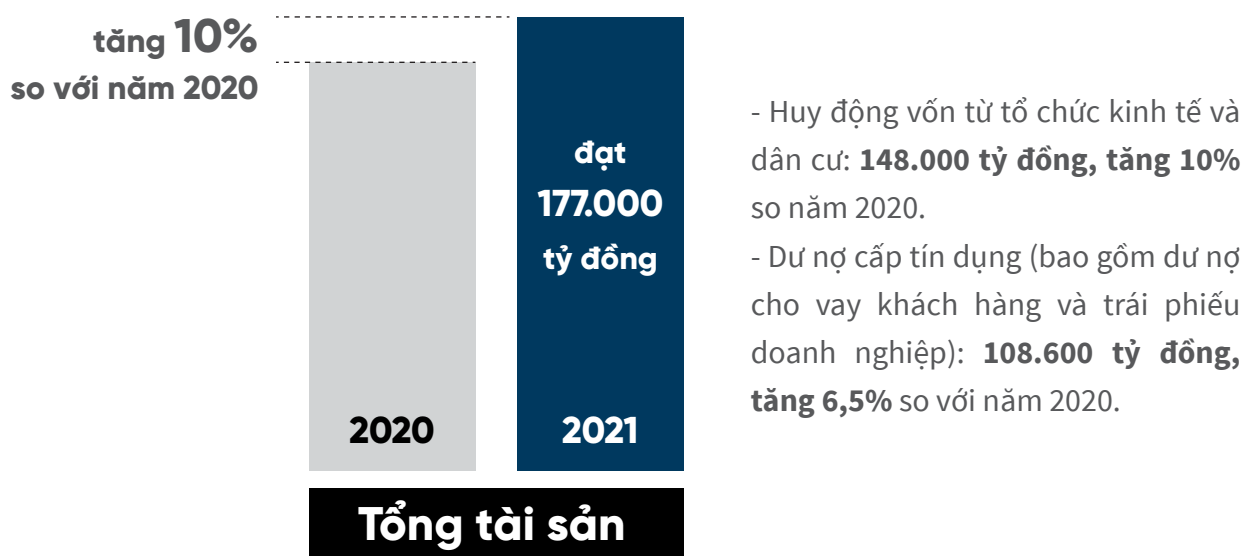
Eximbank khuyến khích và tạo mọi điều kiện để nhân viên tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ, phát triển nghề nghiệp của bản thân; Mục tiêu đào tạo phát triển năng lực nhân viên được đưa vào KPIs của tất cả các đơn vị.

Trong năm 2020, công tác đào tạo của Eximbank được tập trung vào việc đẩy mạnh đào tạo năng lực kinh doanh, năng lực quản trị bán hàng theo mục tiêu, truyền cảm hứng, tạo động lực để thay đổi tư duy của đội ngũ bán hàng và các cấp cán bộ quản lý, đặc biệt là đào tạo đội ngũ quản lý kế cận; Chuẩn hóa tài liệu đào tạo và ngân hàng đề thi theo chức danh, nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ giảng viên nội bộ,...

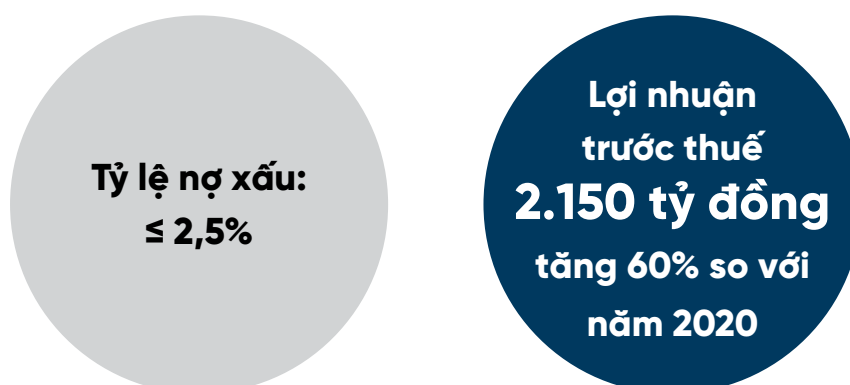
Các tiêu chuẩn môi trường: Hàng năm, Eximbank luôn lập kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng, văn phòng phẩm theo định mức nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng như sử dụng đèn chiếu sáng phù hợp tại nơi làm việc, sử dụng máy điều hòa nhiệt độ hợp lý.... Khi có sự thay đổi đột biến, ngân hàng luôn có giải trình để đảm bảo nắm rõ nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục. Đặc biệt trong năm 2020, trước tình trạng thế giới đang phải đối mặt với dịch bệnh Covid -19, các tiêu chuẩn về môi trường được Eximbank chú trọng cao nhằm đáp ứng tối đa công tác bảo vệ môi trường, sức khỏe của con người.



### III.4. Kế hoạch kinh doanh năm 2021



Đây là chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN thông báo. Trong điều kiện kinh doanh thuận lợi, Eximbank sẽ xin phép NHNN xem xét điều chỉnh hạn mức tăng trưởng tín dụng.



### III.5. Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Ngân hàng.

Ngành ngân hàng đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động cho vay và quyết định nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội. Việc tăng cường quản lý rủi ro môi trường - xã hội là hoạt động cấp thiết giúp các ngân hàng hạn chế rủi ro, bảo toàn được nguồn vốn cho vay, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao uy tín tổ chức, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.

Nhận thức được điều đó, hoạt động cho vay của Eximbank đối với khách hàng ngoài việc tuân thủ các quy định của Ngân hàng nhà nước, quy định của pháp luật có liên quan, Eximbank còn chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường của các dự án tài trợ, qua đó Eximbank đang từng bước nghiên cứu, xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong cấp tín dụng thông qua cải thiện chính sách, nguồn lực và thủ tục cấp tín dụng.



A person in a blue suit is pointing at a futuristic digital interface with a pen. The interface displays various data visualizations, including a world map, a line graph, and a pie chart. The background is a dark blue with glowing light effects.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

## IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của ngân hàng

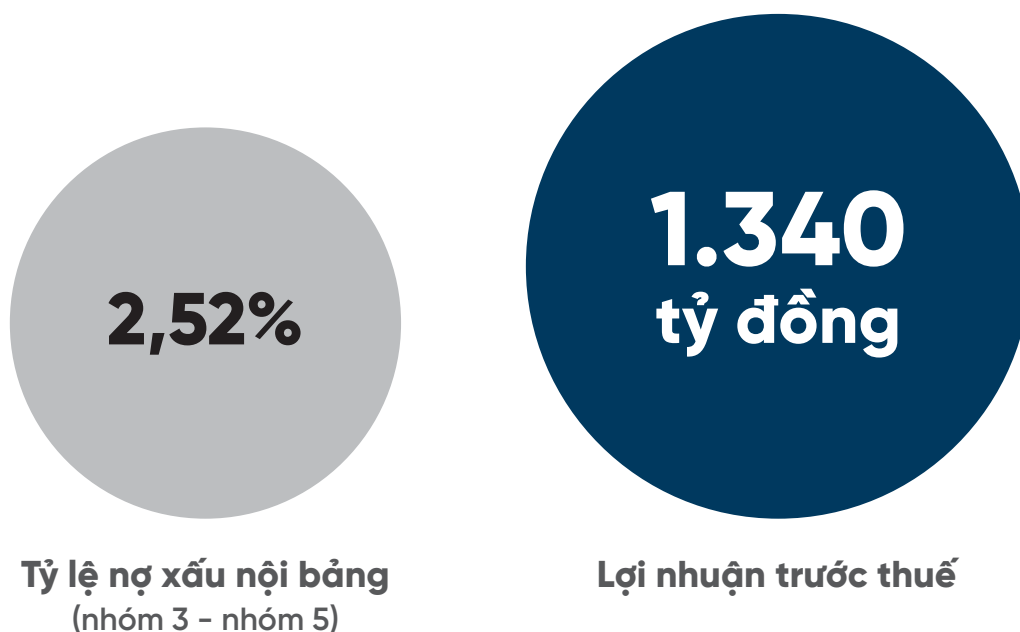
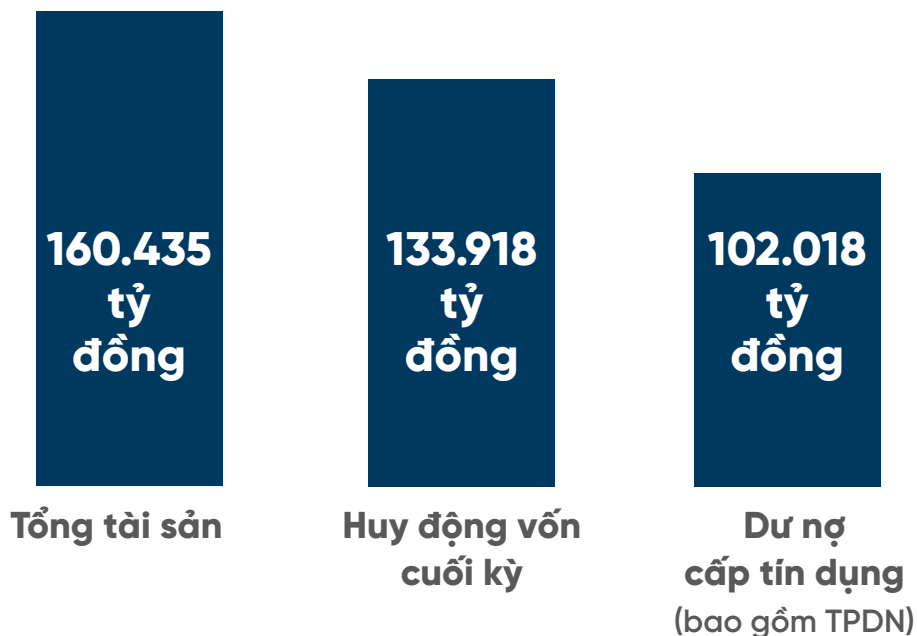
### Về cơ cấu tổ chức:

- Cơ cấu Hội đồng quản trị Eximbank ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Yasuhiro Saitoh	Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/06/2020 (Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/06/2020)
2	Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên HĐQT từ ngày 25/06/2020 (Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/06/2020)
3	Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 28/02/2020 (Thành viên HĐQT đến ngày 28/02/2020)
4	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT
6	Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT (Phó Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/7/2020)
7	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT
8	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT
9	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT

### Về hiệu quả kinh doanh năm 2020:

Kết quả kinh doanh năm 2020 đạt được như sau:



## IV.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Trong năm 2020: HĐQT theo chức năng nhiệm vụ đã ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch kinh doanh tạm giao để duy trì và phát triển Ngân hàng. Do chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, tác động tiêu cực trực tiếp đến tình hình kinh tế và tài chính trong, ngoài nước, nhưng Q.Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành cũng như nhân sự toàn hệ thống đã nỗ lực làm việc, kết quả kinh doanh năm 2020 đạt được của Eximbank rất đáng khích lệ so với năm 2019, điểm nhấn là lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lõi của Eximbank tăng trưởng 25%, đạt 1.697 tỷ đồng so với 1.355 tỷ đồng năm 2019, hoàn thành 118% kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lõi và đáp ứng tốt về thanh khoản, an toàn vốn cho Eximbank. Tuy nhiên các chỉ tiêu còn lại chưa hoàn thành kế hoạch đã giao, như thu hồi nợ xấu, cho vay khách hàng cá nhân...

- Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Q.Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã tổ chức triển khai hoàn thành dự án Thông tư 41, xây dựng hệ thống tính toán tự động tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, hệ số CAR của Eximbank luôn cao hơn mức 8%, đáp ứng theo quy định của NHNN. Eximbank cũng đã hợp tác với KPMG triển khai thành công Dự án Thông tư 13 giúp cho việc quản trị rủi ro của ngân hàng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của NHNN; hoàn thiện các bộ máy kiểm soát của quản lý cấp cao, xây dựng khung quản trị rủi ro, triển khai mô hình 3 tuyến phòng thủ, thường xuyên đào tạo và truyền thông nội bộ tăng cường văn hóa tuân thủ trong toàn hàng.

- Chi phí kinh doanh toàn hàng được Q.Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành kiểm soát tốt hơn so với mục tiêu đặt ra. Chi phí quản lý giảm 11% so với năm 2019 thông qua các chính sách tiết giảm chi phí vận hành, trong đó lớn nhất là chi phí nhân sự, với sự chia sẻ của 6000 CBNV trong giai đoạn Covid-19, chi phí kinh doanh được quản lý chặt chẽ, giảm tối đa chi phí không cần thiết.

- Công tác giám sát của HĐQT đối với Q.Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành cũng đã được tăng cường. Trong năm 2020 HĐQT đã ban hành 364 Nghị quyết theo thẩm quyền và được Quyền Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định và định kỳ báo cáo việc triển khai thực hiện.

### 2. Các kế hoạch, định hướng chính của Hội đồng quản trị:

Với chức năng là cơ quan quản trị Ngân hàng, trong năm 2021 HĐQT thực hiện một số kế hoạch, định hướng như sau:

- Tiếp tục trình ĐHCĐ nhân sự dự kiến được bầu làm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ VII (2020 – 2025) sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự Ban điều hành.
- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật và hoàn thiện hành lang pháp lý nội bộ gồm Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ, và các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Tuân thủ cũng như giám sát để nâng cao việc quản trị rủi ro đảm bảo tăng trưởng đi đôi với

kiểm soát chất lượng; Nâng cao năng lực quản trị điều hành, gia tăng hiệu quả hoạt động toàn hệ thống trên cơ sở khai thác hiệu quả thế mạnh của Ngân hàng.

e) Chỉ đạo Ban điều hành triển khai các biện pháp nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, tối đa hoá các nguồn thu, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh toàn hệ thống.

f) Chỉ đạo ứng dụng công nghệ để cải tiến quy trình quản lý, phê duyệt tập trung nhằm tinh gọn bộ máy vận hành và giảm thiểu rủi ro tác nghiệp.

g) Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 thông qua chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 với 1 số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng tài sản: 177.000 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2020;
- Huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư: 148.000 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2020;
- Dư nợ cấp tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay khách hàng và trái phiếu doanh nghiệp): 108.600 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2020. Đây là chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do NHNN thông báo. Trong điều kiện kinh doanh thuận lợi, Eximbank sẽ xin phép NHNN xem xét điều chỉnh hạn mức tăng trưởng tín dụng.
- Tỷ lệ nợ xấu nội bảng:  $\leq 2,5\%$ /tổng dư nợ;
- Lợi nhuận trước thuế: 2.150 tỷ đồng, tăng 60% so với năm 2020.

h) Tái cấu trúc tổ chức nhân sự theo mô hình kinh doanh; xây dựng khung năng lực và lộ trình công danh; chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đào tạo; triển khai lược lượng nhân sự dự trữ.

i) Đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ tồn đọng, thực hiện mua lại toàn bộ nợ đã bán cho VAMC trong quý 1/2021.



# QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

## V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị gồm 9 thành viên:

- 1 Chủ tịch
- 1 Phó Chủ tịch
- 7 thành viên



**Ông YASUHIRO SAITOH**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Ông Yasuhiro Saitoh sinh năm 1961, quốc tịch Nhật Bản, là Cử nhân Khoa học tại Nhật Bản; Cử nhân chuyên ngành Nhân học văn hóa, chuyên ngành phụ: Kinh tế toàn cầu tại Nhật Bản; Cử nhân Khoa học - Chuyên ngành Nhân học văn hóa tại Pháp. Ông đã từng là nhân viên Marketing - Ngân hàng Mitsui Bank Ltd; Phó Tổng Giám đốc - AVP, Tập đoàn đầu tư Thu nhập cố định toàn cầu, Khối giao dịch thị trường vốn (Tokyo); Phó Tổng Giám đốc cấp cao, Giám đốc Đầu tư (trái phiếu, cổ phiếu, hàng hóa và đầu tư cổ phần tư nhân) - VP, Khối Quản lý tài sản tại công ty ủy thác Sakura (New York); Phó Tổng Giám đốc điều hành cấp cao - Phòng Ngân quỹ Ngân hàng Manufacturers (Los Angeles); Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban quản lý rủi ro; Ủy viên Hội đồng Đầu tư Tài chính, Ủy viên Hội đồng Tín dụng Trung ương; Thành viên Hội đồng thành viên Eximbank AMC; Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank.

Hiện nay ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Eximbank.

## **Ông NGUYỄN QUANG THÔNG** **Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



Ông Nguyễn Quang Thông sinh năm 1963 tại Kiên Giang, là Cử nhân Kinh tế. Ông từng giữ các chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Tổng hợp - Xí nghiệp chế biến XNK Thủy sản Kiên Giang; Trợ lý TGD - Công ty Quốc tế Kiên Tài; Trợ lý TGD - Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng; Trợ lý TGD - Công ty Điện lực Hiệp Phước; Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty bảo hiểm Bảo Long; Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Vinatexland; Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long; Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bất động sản EXIM; Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank. Hiện nay ông là Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank và là Thành viên Hội đồng thành viên Eximbank AMC.

## **Ông LÊ MINH QUỐC** **Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập**

Ông Lê Minh Quốc sinh năm 1951, quốc tịch Việt Nam và Canada, là Cử nhân Khoa học kinh tế chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp tại Đại học Lausanne, Thụy Sĩ.

- Phần lớn thời gian ông công tác tại BNP Paribas, một trong những tập đoàn tài chính lớn nhất của Châu Âu, với các vị trí then chốt của khu vực, vùng, ngành như: Phó Tổng giám đốc tại Canada; Giám đốc phụ trách tài trợ thương mại khu vực bao gồm châu Á, Úc và Ấn Độ tại trụ sở Paris, Pháp và Singapore; Giám đốc điều hành tại Đài Loan.

Tại Việt Nam: ông đã làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Âu Lạc; và giữ các vị trí quan trọng trong công tác quản trị, kiểm soát và điều hành trong ngành ngân hàng, gồm: Tổng giám đốc BNP Paribas tại Việt Nam; Đại diện BNP Paribas, đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc và tiếp đó làm Phó Trưởng Ban kiểm soát tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB); Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập của Eximbank.





## **Ông CAO XUÂN NINH** **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Cao Xuân Ninh sinh năm 1962 tại Việt Nam, là Cử nhân chuyên ngành Tín dụng đối ngoại và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh. Ông từng giữ các chức vụ chủ chốt tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam như: Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Phòng Thanh toán Quốc tế - Chi nhánh Vũng Tàu, Phó giám đốc - Chi nhánh Vũng Tàu, Phó giám đốc - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Giám đốc - Chi nhánh Tiền Giang, Giám đốc - Chi nhánh Kỳ Đồng. Ông từng là Giám đốc Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông – VINAFCO; Phó Trưởng Văn phòng đại diện, Trưởng Văn phòng đại diện - Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại Tp.HCM; Chủ tịch Hội đồng Quản trị Eximbank. Hiện nay, ông là Thành viên HĐQT Eximbank và Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Eximbank AMC.



## **Ông ĐẶNG ANH MAI** **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Đặng Anh Mai sinh năm 1966, ông đã tốt nghiệp thạc sĩ tại Đại học Duke – Hoa Kỳ. Ông từng giữ các chức vụ: Chuyên viên Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Phó trưởng Phòng Vụ hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Trưởng Phòng Vụ Hợp tác Quốc tế Ngân hàng Nhà nước; Chuyên gia World Bank tại Hoa Kỳ; Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Á Châu; Thành viên HĐQT Ngân hàng Đại Á, Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank.

Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần phát triển Bất động sản DPV; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư KD; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần giáo dục KD.



## **Ông LÊ VĂN QUYẾT** **Thành viên Hội đồng Quản trị**



Ông Lê Văn Quyết sinh năm 1961 tại Việt Nam, ông là Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và có bằng Cao cấp lý luận chính trị. Ông từng giữ nhiều chức vụ tại NHNN tỉnh Đồng Nai như nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng lưu thông tiền tệ, Phó trưởng phòng, Trưởng Phòng - Phòng tổng hợp và phân tích kinh tế; Tại Vietcombank Đồng Nai, ông từng là nhân viên, Phó trưởng phòng - Phòng Thanh toán quốc tế, Phó trưởng phòng - Phòng Tín dụng, Trưởng phòng - Phòng Tổng hợp và thẩm định, Phó Giám đốc, Giám đốc; Giám đốc Vietcombank Biên Hòa; Tổng giám đốc Eximbank.

Hiện nay, ông là Thành viên HĐQT Eximbank và Chủ tịch Hội đồng thành viên Eximbank AMC.

## **Ông HOÀNG TUẤN KHẢI** **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Tuấn Khải sinh năm 1962 tại Hà Nội, ông là Cử nhân kinh tế Đại học Ngoại thương chuyên ngành Kinh tế Ngoại thương. Ông từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 5, Trưởng phòng Nghiệp vụ 5, Phó Giám đốc, Giám đốc, Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng hợp I – Bộ thương mại (nay là Công ty cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tổng hợp I Việt Nam); Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất; Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP đầu tư và phát triển du lịch Vinaconex, Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.

Hiện nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Eximbank.



## **Bà LƯƠNG THỊ CẨM TÚ** **Thành viên Hội đồng Quản trị**



Bà Lương Thị Cẩm Tú sinh năm 1980 tại Nha Trang – Khánh Hòa, là Cử nhân chuyên ngành Quản lý kinh doanh – Đại học Văn Lang; Thạc sĩ quản trị kinh doanh – Griggs University. Bà từng giữ các chức vụ: Phó phòng kinh doanh, Trợ lý giám đốc, Phó giám đốc, Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Khánh Hòa; Giám đốc khu vực kiêm Trưởng văn phòng đại diện khu vực miền Trung – Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long; Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc – Ngân hàng TMCP Nam Á; Phó Chủ tịch – Hiệp hội doanh nhân trẻ tỉnh Khánh Hòa; Ủy viên Ban chấp hành – Tỉnh đoàn Khánh Hòa; Thành viên Hội đồng quản trị – Cty CP đường Ninh Hòa; Thành viên Hội đồng Quản trị – Cty CP Du lịch Thăng Lợi.

Hiện nay, bà là Thành viên HĐQT Eximbank.

## **Ông NGÔ THANH TÙNG** **Thành viên Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Thanh Tùng sinh năm 1969 tại Việt Nam, ông có bằng Cử nhân Luật, Chứng chỉ Quản trị và lãnh đạo của Mỹ, Thạc sĩ Luật tại Mỹ, Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Mỹ. Ông từng giữ nhiều chức vụ như Cố vấn pháp luật - GD điều hành VP luật sư Hồng Đức; Thành viên Đoàn luật sư Tp.HCM – Liên đoàn luật sư Tp.HCM; Thành viên HĐQT - Cty liên doanh Grand Imperial Saigon (Park Hyatt Saigon Hotel); Chủ tịch Hội đồng điều hành, Thành viên cao cấp Hội đồng điều hành - Cty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF – Hồng Đức); Giảng viên thỉnh giảng - Học viện Tư pháp; Thành viên cố vấn nước ngoài Đoàn luật sư Bang Washington, Hoa Kỳ (Washington Bar Association); Hội đồng cố vấn doanh nghiệp - UNICEF Việt Nam; Thành viên HĐQT - Cty CP Âu Lạc; Thành viên - Hiệp hội luật sư tranh tụng quốc tế (International Association of Defense Counsel “IADC”).

Hiện nay, ông là Thành viên HĐQT Eximbank và thành viên Hội đồng cấp cao điều hành Cty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF – Hồng Đức).



### V.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Eximbank	Chức vụ tại tổ chức khác	Số lượng cổ phần của cá nhân ngày 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của cá nhân(%)	Tên cổ đông là tổ chức mà mình là đại diện (nếu có)	Số lượng cổ phần của tổ chức mà mình là đại diện ngày 31/12/2020	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức (%)
1	Ông Yasuhiro Saitoh	Chủ tịch HĐQT	Không có	0	0,000	-	-	-
2	Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT Eximbank AMC (Eximbank AMC là công ty con của Eximbank)	152.714	0,0124	-	-	-
3	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT Độc lập	Không có	0	0,000	-	-	-
4	Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên HĐQT	Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank AMC (Eximbank AMC là công ty con của Eximbank)	0	0,000	-	-	-
5	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT Eximbank AMC (Eximbank AMC là công ty con của Eximbank)	0	0,000	-	-	-
6	Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT	Không có	67.392	0,0055	-	-	-
7	Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT	- Thành viên HĐQT Cty CP Phát triển BĐS DPV - Thành viên HĐQT Cty ĐTKD KD - Thành viên HĐQT Cty CP giáo dục KD	50.000	0,0041	-	-	-
8	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT	Không có	13.799.399	1,1224	-	-	-
9	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Thành viên cao cấp HĐQT Cty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF-Hồng Đức)	0	0,000	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>				<b>14.069.505</b>	<b>1,1444</b>			





### **V.1.3. Các Hội đồng/Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị**

#### **Ủy ban quản lý rủi ro**

1. Ông Lê Minh Quốc - Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch
2. Ông Yasuhiro Saitoh – Chủ tịch HĐQT – Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Quang Thông – Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên
4. Ông Hoàng Tuấn Khải - Thành viên HĐQT - Thành viên
5. Ông Đặng Anh Mai – Thành viên HĐQT – Thành viên
6. Ông Cao Xuân Ninh – Thành viên HĐQT - Thành viên
7. Ông Lê Văn Quyết – Thành viên HĐQT – Thành viên
8. Bà Lương Thị Cẩm Tú – Thành viên HĐQT – Thành viên

#### **Ủy ban nhân sự**

1. Ông Yasuhiro Saitoh - Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch
2. Ông Lê Minh Quốc - Thành viên HĐQT độc lập - Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Quang Thông - Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên
4. Ông Cao Xuân Ninh – Thành viên HĐQT – Thành viên
5. Bà Lương Thị Cẩm Tú - Thành viên HĐQT - Thành viên
6. Ông Ngô Thanh Tùng - Thành viên HĐQT - Thành viên

#### **Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm**

1. Ông Yasuhiro Saitoh - Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban
2. Ông Trần Ngọc Dũng – Trưởng BKS – Phó Ban thường trực
3. Ông Nguyễn Quang Thông – Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên
4. Ông Nguyễn Bình Quý – Trưởng Kiểm toán nội bộ – Thành viên
5. Bà Đinh Thị Thu Thảo – Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch công đoàn – Thành viên
6. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ – Phó Tổng giám đốc – Thành viên
7. Ông Nguyễn Văn Thủy – Trưởng Phòng Pháp chế & Tuân thủ – Thành viên
8. Bà Nguyễn Thu Quyên – Phó giám đốc Nhân sự – Thành viên

#### **Hội đồng xử lý rủi ro**

1. Ông Lê Văn Quyết - Thành viên HĐQT – Chủ tịch
2. Ông Yasuhiro Saitoh – Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Chủ tịch
3. Ông Lê Minh Quốc – Thành viên HĐQT độc lập – Ủy viên
4. Ông Nguyễn Cảnh Vinh – Q.Tổng giám đốc – Ủy viên
5. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ – Phó Tổng giám đốc – Ủy viên

#### V.1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

a. Tham dự của các thành viên HĐQT vào các cuộc họp HĐQT và gửi lại Phiếu lấy ý kiến đối với các Tờ trình lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản trong năm 2020:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Số lần phản hồi lấy ý kiến bằng văn bản	Tỷ lệ phản hồi lấy ý kiến bằng văn bản (%)	Không tham dự họp/Không gửi lại Phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản
1	Ông Yasuhiro Saitoh	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 25/06/2020)	26/26	100	365/365	100	
2	Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên HĐQT (Chủ tịch HĐQT đến ngày 25/6/2020)	26/26 (trong đó có ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự 01 phiên họp)	100	365/365 (trong đó có 36 lần ủy quyền cho TV khác)	100	
3	Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch HĐQT (Từ ngày 28/02/2020)	26/26 (trong đó có ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự 03 phiên họp)	100	365/365	100	
4	Ông Lê Minh Quốc	Thành viên HĐQT độc lập	26/26	100	364/365 (trong đó có 7 lần ủy quyền cho TV khác)	99,73	01 lần không phản hồi tờ trình lấy ý kiến và không có ủy quyền
5	Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên HĐQT	10/26	38,46	286/365	75,36	Vắng 16 phiên họp HĐQT; 79 lần không phản hồi tờ trình lấy ý kiến và không có ủy quyền
6	Ông Đặng Anh Mai	Thành viên HĐQT (P.Chủ tịch HĐQT đến ngày 24/7/2020)	02/26 (trong đó có ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự 02 phiên họp)	7,69	6/365	1,64	Vắng 24 phiên họp HĐQT; 359 lần không phản hồi tờ trình lấy ý kiến và không có ủy quyền
7	Ông Lê Văn Quyết	Thành viên HĐQT	26/26	100	365/365	100	
8	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT	09/26 (trong đó có ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự 01 phiên họp)	34,62	13/365	3,56	Vắng 17 phiên họp HĐQT; 352 lần không phản hồi tờ trình lấy ý kiến và không có ủy quyền
9	Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	26/26 (trong đó có ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự 05 phiên họp)	100	364/365 (trong đó có 38 lần ủy quyền cho TV khác)	99,73	01 lần không phản hồi tờ trình lấy ý kiến và không có ủy quyền



**b. Tỷ lệ tham dự của các thành viên HĐQT vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT (bao gồm cả họp và lấy ý kiến bằng văn bản) trong năm 2020:**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ trong các Hội đồng, Ủy ban	Ủy ban quản lý rủi ro ("UBQLRR")	Ủy ban nhân sự ("UBNS")	Hội đồng xử lý rủi ro ("HĐXLRR")	Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm ("BCĐPCTN&TP")
1	Ông Yasuhiro Saitoh	- Phó chủ tịch UBQLRR. - Chủ tịch UBNS. - Phó chủ tịch HĐXLRR. - Trưởng BCĐPCTN&TP từ ngày 15/7/2020.	100%	99,49%	100%	100%
2	Ông Cao Xuân Ninh	- Thành viên UBQLRR. - Thành viên UBNS từ ngày 30/7/2020. - Thành viên BCĐPCTN&TP đến ngày 30/7/2020.	100%	96,72%	-	100%
3	Ông Nguyễn Quang Thông	- Thành viên UBQLRR từ ngày 10/9/2020. - Thành viên UBNS. - Thành viên BCĐPCTN&TP	100%	96,94%	-	100%
4	Ông Lê Minh Quốc	- Chủ tịch UBQLRR. - Phó Chủ tịch UBNS. - Thành viên HĐXLRR.	100%	95,92%	100%	-
5	Ông Hoàng Tuấn Khải	- Thành viên UBQLRR	18,75%	-	-	-
6	Ông Đặng Anh Mai	- Thành viên UBQLRR	0%	-	-	-
7	Ông Lê Văn Quyết	- Thành viên UBQLRR từ ngày 10/9/2020. - Chủ tịch HĐXLRR.	100%	-	100%	-
8	Bà Lương Thị Cẩm Tú	- Thành viên UBQLRR. - Thành viên UBNS.	18,75%	0%	-	-
9	Ông Ngô Thanh Tùng	- Thành viên UBQLRR từ ngày 10/9/2020 đến ngày 19/10/2020. - Thành viên UBNS.	100%	99,48%	-	-

Ghi chú: Tỷ lệ thống kê ở trên đã bao gồm cả ủy quyền

### **c. Kết quả đạt được:**

Nhìn chung, sau một năm làm việc, theo chức trách nhiệm vụ của những người quản trị, mặc dù còn nhiều với nhiều thách thức, khó khăn và hạn chế, hoạt động của HĐQT Eximbank trong năm 2020 cũng ghi nhận một số kết quả như sau:

#### ***i) Đối với công tác chỉ đạo, quản trị điều hành***

- Ngay sau khi Việt Nam chính thức công bố dịch Covid-19 trong cộng đồng, HĐQT đã bám sát các chỉ đạo của Đảng, Chính Phủ, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống dịch bệnh, Chính quyền và Cơ quan có thẩm quyền khác, quyết liệt chỉ đạo Ban điều hành: Thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 tại tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống; ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch duy trì hoạt động liên tục thống nhất trong toàn hệ thống, bảo đảm duy trì hoạt động thông suốt, an toàn và tuân thủ các chính sách của Chính phủ và NHNN.

- HĐQT đã chỉ đạo và phê duyệt việc cơ cấu lại tổ chức, hoạt động và vận hành tại các đơn vị kinh doanh được gọn nhẹ, hiệu quả, đẩy mạnh công tác tập trung hoá theo chức năng, tách bạch chức năng kinh doanh và hỗ trợ của các bộ phận tác nghiệp tại các đơn vị từ Hội sở đến Chi nhánh, Phòng giao dịch; Thông qua phê duyệt bộ KPI cho Cán bộ quản lý tại đơn vị kinh doanh, qua đó giúp cho công tác đánh giá tái bổ nhiệm cán bộ được minh bạch và hiệu quả hơn. Bộ máy nhân sự được phân quyền theo chuyên trách chức năng; Bước đầu kiểm soát được định biên, năng suất lao động nhân sự, tối ưu nguồn nhân lực nội bộ. Hoàn thiện dẫn chính sách Lương và chế độ; nhiều quy trình nội bộ đã được xây dựng. Công tác nhân sự dần được minh bạch, rõ ràng. Các chức năng nghiệp vụ được tập trung và dẫn hướng tới chất lượng.

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rà soát và cập nhật Điều lệ Eximbank và các quy định nội bộ để phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan, đã trình xin ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 nhưng chưa được thông qua. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 lần thứ ba, HĐQT đã trình lại để Đại hội xem xét thông qua nhằm đảm bảo Eximbank tuân thủ các quy định hiện hành và đồng bộ với nội dung và nguyên tắc được quy định tại các văn bản có liên quan.

#### ***ii) Đối với hoạt động kinh doanh***

Trong một năm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 kéo dài, tác động tiêu cực trực tiếp đến tình hình kinh tế và tài chính trong, ngoài nước, dưới sự chỉ đạo của HĐQT và nỗ lực của cả hệ thống Eximbank đã đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể như sau:

##### ***- Về hoạt động kinh doanh cốt lõi:***

+ Tổng tài sản đạt 160.435 tỷ đồng, giảm 4,2% so với năm 2019, đạt 91,2% kế hoạch.

+ Tổng nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 133.918 tỷ đồng, giảm 3,8% so với năm 2019, đạt 90,6% kế hoạch.

+ Tổng dư nợ cấp tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay và trái phiếu doanh nghiệp, không bao gồm trái phiếu VAMC) đạt 102.018 tỷ đồng, giảm 10,2% so với năm 2019, đạt 83,4% kế hoạch.

- + Tỷ lệ nợ xấu là 2,52%, tăng 0,81% so với năm 2019 (năm 2019: 1,71%).
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 1.340 tỷ đồng, tăng 22,3% so với năm 2019, đạt 100,6% kế hoạch.
- + Các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động đều được Eximbank giám sát chặt chẽ và luôn đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của NHNN.

**- Về các hoạt động khác:**

- + Trong năm 2020, Eximbank đã chuyển đổi, hoàn thiện mô hình kinh doanh tại các đơn vị kinh doanh theo cơ cấu tổ chức, vận hành gọn nhẹ, hiệu quả. Ngân hàng cũng đã hoàn thiện dần chính sách lương và chế độ cho cán bộ nhân viên.

**d. Một số mặt tồn tại trong hoạt động của HĐQT:**

- Đa số các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng chưa đạt được 100% kế hoạch đề ra.
- Một số vấn đề chưa đạt được sự đồng thuận cao trong chính HĐQT để ban hành Nghị quyết kịp thời phục vụ hoạt động quản trị của Ngân hàng.
- Chưa tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Số lượng các cuộc họp HĐQT và Tờ trình HĐQT vẫn còn nhiều so với các ngân hàng thương mại cổ phần có cùng quy mô, một số Tờ trình chưa được cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu kèm theo dẫn đến HĐQT mất nhiều thời gian xem xét và quyết định.

**e. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT:**

Ngoài việc thực thi các chức năng nhiệm vụ chung của thành viên HĐQT theo quy định, các thành viên HĐQT cũng được phân công tham gia vào các Hội đồng, Ủy Ban trực thuộc HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, giám sát và tham mưu các nội dung thuộc thẩm quyền. Cụ thể hoạt động của từng thành viên HĐQT tại HĐQT và các HĐ&UB trực thuộc theo phụ lục đính kèm.

**V.1.5 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** *(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).*

**(i) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Ông Lê Minh Quốc là Thành viên HĐQT độc lập, đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank.

Ngoài ra, Ông Lê Minh Quốc đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định khi là Chủ tịch/thành viên tại các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT gồm: Thành viên Hội đồng xử lý rủi ro, Phó chủ tịch Ủy ban nhân sự, Chủ tịch Ủy ban quản lý rủi ro.

**(ii) Hoạt động của các ủy ban, hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị trong năm 2020:**

**a. Ủy ban quản lý rủi ro ('UBQLRR'):** đã tổ chức hoạt động theo quy chế chức năng nhiệm vụ được quy định, mặc dù UBQLRR đã có một thời gian gần như không hoạt động nhưng sau khi được tổ chức lại, UBQLRR đã hoạt động ổn định. UBQLRR đã tổ chức 08 phiên họp với 16 nội dung gồm các báo cáo với nội dung: Tóm tắt việc tính vốn theo Thông tư 41; Tiến độ thực hiện

dự án Thông tư 13; Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động của ngân hàng; Khẩu vị rủi ro và tiến độ ICAAP; Chính sách quản lý rủi ro thị trường; Chính sách quản lý rủi ro giao dịch tự doanh; Chính sách quản lý rủi ro thanh khoản; Chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; Chính sách QLRRHĐ trong sản phẩm mới, thị trường mới; Chính sách quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài; Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Chính sách Quản lý kinh doanh liên tục; Báo cáo rủi ro liên quan đến thẻ tín dụng và việc đảo nợ ngân hàng; Chính sách Quản lý rủi ro tổng thể của Eximbank;

Trong tổng số 08 phiên họp, có 03 phiên họp đã không đủ điều kiện tiến hành họp do tỷ lệ thành viên Ủy ban tham dự họp thấp hơn 2/3 tổng số thành viên của UBQLRR được quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của UBQLRR.

**b. Ủy ban nhân sự:** đã tổ chức hoạt động theo quy chế chức năng nhiệm vụ được quy định. Theo đó, Ủy ban nhân sự đã tổ chức 10 phiên họp với 46 nội dung và 57 lần xin ý kiến bằng văn bản với 150 nội dung để xử lý và/hoặc tham mưu cho HĐQT các nội dung liên quan đến nhân sự (tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm nhân sự,...) theo thẩm quyền.

**c. Hội đồng xử lý rủi ro:** đã tổ chức hoạt động theo quy chế chức năng nhiệm vụ được quy định. Theo đó, Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện 07 lần lấy ý kiến bằng văn bản với 07 nội dung về trích lập bổ sung dự phòng cụ thể theo yêu cầu Thanh tra NHNN, trích lập dự phòng rủi ro Quý 1/2020, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro Quý 2/2020, Quý 3/2020, Quý 4/2020.

**d. Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm:** đã tổ chức hoạt động theo quy chế chức năng nhiệm vụ được quy định. Theo đó, Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm đã tổ chức 04 phiên họp với 08 nội dung và 01 lần lấy ý kiến bằng văn bản với 01 nội dung. Các nội dung họp và lấy ý kiến bằng văn bản liên quan thành phần cơ cấu nhân sự của Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng và tội phạm; báo cáo công tác phòng chống tham nhũng và tội phạm của Eximbank năm 2019; kế hoạch phòng chống tham nhũng và tội phạm năm 2020; báo cáo công tác phòng chống tham nhũng và tội phạm của Eximbank Quý 1/2020, Quý 2/2020, Quý 3/2020, năm 2020.

#### **V.1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:**

Trong năm 2020, các thành viên HĐQT thường xuyên cập nhật các thông tin về quản trị ngân hàng, các quy định trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng thông qua các Nghị định, Thông tư, công văn của Ngân hàng Nhà nước; tham dự các buổi Hội nghị trực tuyến do Ngân hàng Nhà nước tổ chức về tăng cường triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, và tăng cường tín dụng ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp và người dân khắc phục khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19; tham dự các buổi Hội nghị trực tuyến do Ngân hàng Nhà nước tổ chức về triển khai kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng, chiến lược tài chính toàn diện quốc gia năm 2025, định hướng năm 2030..



## V.2. Ban Kiểm soát

## V.2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

#### Thông tin Thành viên BKS:



#### **Ông TRẦN NGỌC DŨNG**

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Đặng Hữu Tiến sinh năm 1962 tại Hà Nội. Ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) Đại học Columbia, Cao học kinh tế Đại học Thương mại, Cử nhân kinh tế Kế hoạch, Cử nhân kinh tế Ngoại thương. Ông là người có nhiều kinh nghiệm về lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, kế toán kiểm toán, kiểm tra kiểm soát. Từ năm 1998 đến 2010, Ông là thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách của Eximbank, sau đó là Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015.

Hiện nay, ông là Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ 2015-2020.

Ông Trần Ngọc Dũng sinh năm 1966 tại Sài Gòn. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Tín dụng, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Luật học. Ông đã từng làm Phường đội phó – phường 8 và phường 13 Quận Phú Nhuận; Nhân viên kinh doanh – Cty Lương thực TP.HCM; Kế toán, Kiểm soát viên – Eximbank Chi nhánh Chợ Lớn; Nhân viên kinh doanh – Sơn Expo; Kế toán, Kế toán trưởng Cty TNHH Thiên Lộc; Chuyên viên phòng Kế hoạch Đầu tư, Phó phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, Giám đốc Chi nhánh Nha Trang, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Ngã Bảy, Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro, Thành viên BKS Ngân hàng Nam Á; Trợ lý Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á, Eximbank.

Ông được ĐHCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015 – 2020), được các thành viên Ban Kiểm soát bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 08/08/2018.



#### **Ông ĐẶNG HỮU TIẾN**

Thành viên Ban Kiểm soát

## V.2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

#### Thông tin Thành viên BKS:



### **Ông TRỊNH BẢO QUỐC**

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Mai Phương sinh năm 1982 tại Nha Trang. Bà đã tốt nghiệp Cử nhân kế toán, Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng, chứng chỉ Giám đốc Kinh doanh, chứng chỉ Giám đốc Tài chính. Bà đã từng làm nhân viên kế toán tổng hợp Công ty XNK Thủy sản Thái Bình Dương; Chuyên viên kế toán tổng hợp, chuyên viên Corebanking, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng, Giám đốc PGD Bến Thành, Chuyên viên văn phòng Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ khách hàng – Đặc phái viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.

Bà được ĐHĐCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015 – 2020).

Ông Trịnh Bảo Quốc sinh năm 1971 tại Việt Nam. Ông đã tốt nghiệp Cử nhân Sinh vật học và Sử tại Hoa Kỳ, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại ĐH California Berkeley, Hoa Kỳ. Ông đã từng làm nhân viên điều phối dự án – US Viet Nam Trade Council; Trợ lý luật sư và thông dịch viên – Công ty Luật quốc tế Baker & McKenzie; Trưởng phòng Tài chính & Phân tích Đầu tư – Phú Mỹ Hưng, Central & Development Group (Chủ đầu tư KCX Tân Thuận, Nhà máy điện Hiệp Phước, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng); Giám đốc – QML Corporate Group; Giám đốc kiêm Trưởng đại diện tại VN – Avenue Capital Group; Đồng sáng lập & nhà đầu tư – Công ty Cổ phần Tư vấn & Đào tạo Summa; Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Kim, Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc đầu tư - Công ty TNHH Thiên Hương.

Ông được ĐHĐCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015 – 2020).



### **Bà PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG**

Thành viên Ban Kiểm soát

**Danh sách Thành viên BKS và Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Thành viên Ban Kiểm soát:**

Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại TCTD	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân (%)	Số lượng cổ phần của cá nhân ngày 31/12/2020	Tên cổ đông là tổ chức mà mình là đại diện (nếu có)	Số lượng cổ phần của tổ chức mà mình là đại diện ngày 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)
Ông Trần Ngọc Dũng	Trưởng ban (Chuyên trách)	0,0002	2.062	-	-	-
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên (Không chuyên trách)	0,0068	84.240	-	-	-
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên (Chuyên trách)	0,00	0	-	-	-
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên (Không chuyên trách)	0,00	0	-	-	-

**b) Hoạt động của BKS:**

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 60 cuộc họp nội bộ của Ban Kiểm soát (gồm họp định kỳ thảo luận trực tiếp và họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) nhằm chỉ đạo công việc cho Ban KTNB, thực hiện công tác giám sát cấp cao đối với KTNB, thống nhất các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

BKS đã triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Luật các TCTD, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm sau:

**1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:**

- BKS luôn bám sát các chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của TCTD và định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của ngân hàng. Để giám sát việc tuân thủ các quy định trong công tác quản trị, điều hành ngân hàng của HĐQT, BDH Eximbank, BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT, BDH, các Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT, BDH. Tại các cuộc họp này, Ban Kiểm soát đã cùng thảo luận, đóng góp ý kiến, đưa ra khuyến nghị/cảnh báo về những tồn tại, rủi ro trong hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững.
- Giám sát chặt chẽ công tác tổ chức ĐHCĐ Eximbank.
- Giám sát tính trung thực kết quả hoạt động tài chính thông qua việc phân công nhân sự thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm (bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập).



- Giám sát việc chỉ đạo, điều hành của HĐQT và BĐH trong quá trình thực hiện phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 đã được NHNN phê duyệt.
- Giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị nêu tại Kết luận của Thanh tra Giám sát Ngân hàng Nhà nước, khuyến nghị của BKS, KTNB.
- Thực hiện theo quy định của Luật các TCTD, BKS đã thực hiện giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của Eximbank đồng thời giám sát việc công bố thông tin đối với các thay đổi này.

Thông qua kết quả giám sát, BKS đã kịp thời ghi nhận những tồn tại trong quá trình hoạt động, đưa ra những đề xuất, kiến nghị với HĐQT, BĐH các biện pháp tăng cường kiểm soát, sửa đổi/hoàn thiện quy trình, quy định nội bộ,... nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

### **2. Về phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, BĐH:**

- Sự phối hợp của BKS với HĐQT, BĐH luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Eximbank và vì lợi ích chung của ngân hàng. Các phiên họp định kỳ của HĐQT, Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT, BĐH, Hội đồng thuộc BĐH đều có sự tham dự của đại diện BKS. Các kiến nghị, đề xuất của BKS được HĐQT, BĐH xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.
- Ngoài ra, BKS còn phối hợp với HĐQT, BĐH trong việc tổ chức ĐHĐCĐ hàng năm, phối hợp với BĐH, Ban chỉ đạo xử lý kiến nghị thanh tra theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các Đơn vị thực hiện khắc phục chỉnh sửa các sai phạm theo các KLTT theo đúng thời hạn quy định, đồng thời giám sát việc xử lý nghiêm trách nhiệm của tập thể/cá nhân có hành vi cố ý làm trái, vi phạm pháp luật/các chính sách tín dụng, quản trị nội bộ của Eximbank và của Ngân hàng Nhà nước.
- BKS được HĐQT, BĐH cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu để BKS thực hiện nhiệm vụ.

Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Eximbank trong năm 2020 được thực hiện thông suốt, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Eximbank.

### **3. Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ:**

- BKS đã thường xuyên chỉ đạo bộ phận KTNB triển khai hoạt động theo chức năng nhiệm vụ do NHNN và Eximbank quy định và thực hiện theo kế hoạch kiểm toán nội bộ đã xây dựng và báo cáo NHNN, cụ thể: Trong năm 2020, BKS đã chỉ đạo Ban KTNB thực hiện 19 Đoàn kiểm toán. Thông qua các cuộc kiểm toán, Ban KTNB đã đưa ra 885 khuyến nghị để các đơn vị được kiểm toán khắc phục/chỉnh sửa/bổ sung các sai sót nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động. Báo cáo kiểm toán, kiến nghị của KTNB đều được gửi đến Lãnh đạo đơn vị được kiểm toán, cũng như Ban Điều hành, HĐQT. Sau khi có kết quả kiểm toán, Ban KTNB tiếp tục theo dõi chặt chẽ và đôn đốc quá trình khắc phục chỉnh sửa của Đơn vị đã được kiểm toán, hàng quý có báo cáo cho Ban Kiểm soát cũng như Ban Điều hành nhằm có biện pháp chấn chỉnh đối với các Đơn vị chậm khắc phục chỉnh sửa.

Tại mỗi cuộc kiểm toán, Ban Kiểm soát cũng đã có phân công Thành viên BKS tham dự các buổi họp thông qua kết quả kiểm toán với các Khối/Phòng/Ban/Chi nhánh/Công ty con trực thuộc, qua đó kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cũng như đánh giá điểm đạt được hoặc mặt hạn chế của KTNB để kịp thời rút kinh nghiệm, không ngừng nâng cao chất lượng KTNB, nâng cao năng lực đội ngũ kiểm toán viên nội bộ, phát huy tối đa vai trò của tuyến bảo vệ cuối cùng trong hệ thống KSNB của ngân hàng. Ngoài ra, BKS cũng đã chỉ đạo KTNB thực hiện kiểm toán định kỳ hàng năm việc kiểm toán kết quả triển khai thực hiện Phương án cơ cấu gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020 tại Eximbank theo phương án cơ cấu lại đã được NHNN phê duyệt.

- Trong năm 2020, BKS cũng đã theo dõi sát sao và chỉ đạo kịp thời KTNB trong việc tham gia Dự án tư vấn triển khai TT 13 đối với cấu phần KTNB theo tư vấn của KPMG. Đến 31/08/2020, Ban KTNB đã hoàn thành Dự án đối với cấu phần KTNB theo đúng tiến độ. Qua dự án này, các KTV nội bộ cũng đã được đào tạo kiến thức và phương pháp luận để thực hiện các chương trình kiểm toán, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro theo TT 13/2018/TT-NHNN, hướng tới đáp ứng các thông lệ tiên tiến theo chuẩn mực kiểm toán nội bộ quốc tế. Đến 31/12/2020, BKS đã ban hành bộ Khung chính sách đáp ứng theo yêu cầu TT 13, sẽ áp dụng cho KTNB từ năm 2021 trở đi.

### **V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**

#### **V.3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

*Xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, phần Thuyết minh mục 36 “Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan”*



### V.3.2. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm GD với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch
1	Sumitomo Mitsui Banking Corporation chi nhánh Singapore	SMBC là cổ đông lớn và cổ đồng chiến lược của Eximbank	Từ ngày 01/07/2020	Số 322/2020/EIB/NQ-HĐQT ngày 01/07/2020	185.329.207

### V.3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị ngân hàng ( lấy thông tin 2018)

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC và các văn bản khác có liên quan), Eximbank đã ban hành và thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành và có hiệu lực, Eximbank sẽ tiến hành rà soát, báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định điều chỉnh quy định về quản trị ngân hàng cho phù hợp.






## CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC


Tháng 9/2020:

- Giải thưởng **Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc (STP Award)** do Bank of New York Mellon (Mỹ) trao tặng.
- Giải thưởng “**Ngân hàng dẫn đầu tăng trưởng doanh số chấp nhận thanh toán qua thẻ**” từ tổ chức thẻ quốc tế JCB trao tặng.

Tháng 12/2020:

- **Top 20 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2020** do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.
- Giải thưởng “**Chuyển đổi số Việt Nam – VietNam Digital Awards**” năm 2020 do Hội Truyền thông số Việt Nam trao tặng.

 **Ngân hàng năng động nhất thị trường ngoại hối Việt Nam 2020 (Most Active Bank)**

 **Nhà tạo lập thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2020 (Best Market Maker)**

từ Refinitiv (thuộc Sở Giao dịch chứng khoán London - London Stock Exchange Group).



## Các chương trình từ thiện

♥ **Eximbank chung tay cùng cả nước hỗ trợ phòng chống dịch bệnh Covid 19 tại 03 miền Bắc Trung Nam**

♥ **Eximbank – Hành trình hướng về miền Trung**

Chúng tấm lòng hướng về miền Trung ruột thịt, vừa qua, Eximbank tiếp tục hành trình **“Chia sẻ yêu thương”** chung tay cùng cả nước hỗ trợ đồng bào vùng rốn lũ - xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

♥ **Eximbank tiếp tục hành trình “Sống là để yêu thương”**

Chung tay cùng cộng đồng, Eximbank tiếp tục chuyển hành trình của mình mang yêu thương đến những vùng sâu, vùng xa đang gặp khó khăn.

Chương trình thiện nguyện **“Eximbank áo ấm mùa đông”** tại xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang



**Ngân hàng Thương mại Cổ phần  
Xuất Nhập Khẩu Việt Nam**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

# MỤC LỤC

Thông tin chung	96
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	98
Báo cáo kiểm toán độc lập	99
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	100
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	103
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	104
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	106



# THÔNG TIN CHUNG

## NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 11/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 1992. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301179079 ngày 10 tháng 9 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn các tổ chức và cá nhân dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Yasuhiro Saitoh	Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 6 năm 2020)
Ông Cao Xuân Ninh	Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch (từ ngày 28 tháng 2 năm 2020)
Ông Yasuhiro Saitoh	Phó Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 6 năm 2020)
Ông Đặng Anh Mai	Phó Chủ tịch (đến ngày 25 tháng 7 năm 2020)
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên độc lập
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên (từ ngày 25 tháng 6 năm 2020)
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên (từ ngày 25 tháng 7 năm 2020)
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Ngọc Dũng	Trưởng Ban
Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
Ông Đặng Hữu Tiến	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Hương Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Trung	Kế toán Trưởng (từ ngày 4 tháng 5 năm 2020)

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

Người đại diện của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Cảnh Vinh, chức danh Quyền Tổng Giám đốc.

Đến ngày lập báo cáo này, Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 116/2021/EIB/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2021, theo đó, Hội đồng Quản trị Ngân hàng giao cho Quyền Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng và công ty con.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Nguyễn Cảnh Vinh**  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) và công ty con được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 74 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế toán và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Vấn đề khác**


Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 với vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến việc phân loại nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay một nhóm khách hàng được đảm bảo bằng tài sản là cổ phiếu của một Ngân hàng khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samantha Mya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1



Vũ Tiến Dũng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

	Thuyết minh	Ngày 31/12/2020 Triệu đồng	Ngày 31/12/2019 Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt và vàng</b>	<b>5</b>	<b>2.073.126</b>	<b>2.630.283</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>6</b>	<b>3.910.391</b>	<b>5.737.641</b>
<b>Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác</b>		<b>32.378.350</b>	<b>25.857.597</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	32.378.350	25.857.588
Cho vay các TCTD khác	7.2	-	9
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>8</b>	<b>49.073</b>	<b>207.803</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>99.487.571</b>	<b>112.181.970</b>
Cho vay khách hàng	9	100.767.406	113.254.792
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	(1.279.835)	(1.072.822)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>		<b>15.967.304</b>	<b>14.540.461</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	7.875.277	8.866.350
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2, 11.3	9.073.142	8.017.640
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	11.5	(981.115)	(2.343.529)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>3.348.385</b>	<b>3.444.021</b>
Tài sản cố định hữu hình	12.1	751.818	804.140
Nguyên giá tài sản cố định		2.095.545	2.075.948
Hao mòn tài sản cố định		(1.343.727)	(1.271.808)
Tài sản cố định vô hình	12.2	2.596.567	2.639.881
Nguyên giá tài sản cố định		2.820.112	2.823.946
Hao mòn tài sản cố định		(223.545)	(184.065)
<b>Tài sản Có khác</b>		<b>3.220.977</b>	<b>2.938.542</b>
Các khoản phải thu	13.1	1.782.238	1.353.548
Các khoản lãi, phí phải thu	13.2	1.005.762	1.195.201
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18.2	45.501	-
Tài sản Có khác	13.3	821.269	812.772
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.4	(433.793)	(422.979)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>160.435.177</b>	<b>167.538.318</b>

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (tiếp theo)

	Thuyết minh	Ngày 31/12/2020 Triệu đồng	Ngày 31/12/2019 Triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>14</b>	<b>33.805</b>	<b>41.479</b>
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>15</b>	<b>6.320.362</b>	<b>8.643.183</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	15.1	5.627.362	8.063.808
Vay các TCTD khác	15.2	693.000	579.375
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>16</b>	<b>133.917.740</b>	<b>139.278.464</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>3.343.780</b>	<b>3.825.879</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	17.1	2.402.606	3.039.261
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	941.174	786.618
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>143.615.687</b>	<b>151.789.005</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn</b>			
Vốn điều lệ		12.355.229	12.355.229
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		15.396	15.396
Thặng dư vốn cổ phần		156.322	156.322
Cổ phiếu quỹ		(78.273)	(78.273)
<b>Các quỹ dự trữ</b>		<b>1.976.822</b>	<b>1.815.129</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>		<b>2.393.994</b>	<b>1.485.510</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19.1</b>	<b>16.819.490</b>	<b>15.749.313</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>160.435.177</b>	<b>167.538.318</b>

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** **NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020 (tiếp theo)**

### **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Thuyết minh	Ngày 31/12/2020 Triệu đồng	Ngày 31/12/2019 Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn		-	192
Cam kết giao dịch hối đoái		65.198.286	134.488.678
- Cam kết mua ngoại tệ		1.107.480	2.297.294
- Cam kết bán ngoại tệ		1.074.893	1.344.152
- Cam kết giao dịch hoán đổi		63.015.913	130.847.232
Cam kết trong nghiệp vụ thu tín dụng		3.280.360	3.796.463
Bảo lãnh khác		3.620.406	5.355.747
Các cam kết khác		168.356	168.903
	<b>32</b>	<b>72.267.408</b>	<b>143.809.983</b>

Người lập:



Ông Nguyễn Minh Thanh  
Phó phòng  
Kế toán Tổng hợp & Thuế

Người kiểm soát:



Ông Lê Quang Trung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Cảnh Vinh  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## BẢNG CÂN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	10.818.893	11.305.756
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(7.505.157)	(8.085.390)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>3.313.736</b>	<b>3.220.366</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		984.041	811.551
Chi phí hoạt động dịch vụ		(516.085)	(428.015)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>23</b>	<b>467.956</b>	<b>383.536</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>24</b>	<b>398.614</b>	<b>364.541</b>
<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>25</b>	<b>55.408</b>	<b>229.058</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		245.727	646.791
Chi phí hoạt động khác		(39.703)	(362.663)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>26</b>	<b>206.024</b>	<b>284.128</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>27</b>	<b>3.849</b>	<b>4.659</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>4.445.587</b>	<b>4.486.288</b>
Chi phí cho nhân viên		(1.468.998)	(1.655.878)
Chi phí khấu hao		(154.355)	(159.402)
Chi phí hoạt động khác		(815.331)	(885.468)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>28</b>	<b>(2.438.684)</b>	<b>(2.700.748)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>2.006.903</b>	<b>1.785.540</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(667.377)	(690.291)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>1.339.526</b>	<b>1.095.249</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(314.846)	(229.117)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	18.2	45.501	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>18.1</b>	<b>(269.345)</b>	<b>(229.117)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>1.070.181</b>	<b>866.132</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>20</b>	<b>870</b>	<b>704</b>

Người lập:



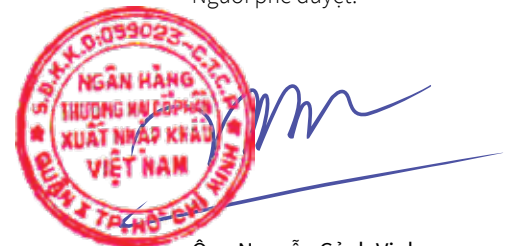
Ông Nguyễn Minh Thanh  
Phó phòng  
Kế toán Tổng hợp & Thuế

Người kiểm soát:



Ông Lê Quang Trung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Cảnh Vinh  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021



Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		10.920.033	11.286.226
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(8.069.937)	(7.236.936)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		467.956	383.536
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng, ngoại tệ		465.678	683.519
Thu nhập khác		15.735	912
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	26	172.987	194.159
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.273.742)	(2.478.165)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	18	(229.631)	(171.931)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động</b>		<b>1.469.079</b>	<b>2.661.320</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.466.076)	(653.362)
Giảm/(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		158.730	(207.803)
Giảm/(Tăng) các khoản cho vay khách hàng		14.977.785	(8.158.500)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	11.5	(1.818.011)	(645.323)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(525.982)	(110.411)
<b>Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động</b>			
Giảm các khoản nợ NHNN Việt Nam		(7.674)	(7.848)
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		(2.322.821)	(7.367.881)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác		-	(59.258)
(Giảm)/Tăng tiền gửi của khách hàng		(5.360.724)	20.584.595
Tăng khác về nợ phải trả hoạt động		75.913	65.189
Chi từ các quỹ		(4)	(353)
<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>4.180.215</b>	<b>6.100.365</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định		(95.028)	(140.971)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		47.310	442.281
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	27	3.849	4.659
<b>Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(43.869)</b>	<b>305.969</b>

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
Tiền thuần trong năm		4.136.346	6.406.334
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		34.225.521	27.819.187
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	29	38.361.867	34.225.521

Người lập:



Ông Nguyễn Minh Thanh  
Phó phòng  
Kế toán Tổng hợp & Thuế

Người kiểm soát:



Ông Lê Quang Trung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Cảnh Vinh  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

#### Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số 11/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 1992. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301179079 ngày 10 tháng 9 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn các tổ chức và cá nhân dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

#### Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.355.229 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 12.355.229 triệu đồng). Ngân hàng đã phát hành 1.235.522.904 cổ phiếu phổ thông, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi bốn (44) chi nhánh, một trăm sáu mươi ba (163) phòng giao dịch, và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

#### Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Số 031028097 ngày 24 tháng 8 năm 2010	Quản lý tài sản	100%

#### Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có 5.561 nhân viên (31 tháng 12 năm 2019: 6.341 nhân viên).

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo) **tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày**

### **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng và công ty con là đồng Việt Nam (“đồng” hay “VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

### **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Tuyên bố tuân thủ**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

#### **3.3 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty con và Ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

#### **3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng**

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán Ngân hàng và công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác**

Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”).

Theo đó, Ngân hàng và công ty con trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh số 4.5.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và công ty con không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

### **4.4 Các khoản cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh số 4.5.

### **4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng**

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

#### *Dự phòng cụ thể*

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2020. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng và công ty con tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng và công ty con thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng và công ty con.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng và công ty con phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và thông tư 09.

Ngân hàng và công ty con đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020 đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư 01/2020-TT-NHNN (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

#### *Dự phòng chung*

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2020 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

#### *Xử lý rủi ro tín dụng*

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Thông tư 02, Ngân hàng và công ty con thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là tổ chức bị giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

#### **4.6 Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)**

Ngân hàng và công ty con thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng và công ty con tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng và Công ty con sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng kỳ cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên khoản mục “Thu nhập khác”.

#### **4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

##### *4.7.1 Phân loại và ghi nhận*

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm/ dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/

phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

#### 4.7.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Đối với chứng khoán vốn niêm yết: dự phòng giảm giá được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Theo đó, dự phòng giảm giá của các chứng khoán này được ghi nhận theo chênh lệch giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường. Giá thị trường của các chứng khoán này là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kết toán được cung cấp bởi ba công ty chứng có vốn điều lệ trên 300.000 triệu đồng. Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, hoặc không thể xác định một cách đáng tin cậy, để thận trọng thì Ngân hàng sử dụng báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức kinh tế nhận vốn góp để xác định giá cổ phiếu. Số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư”. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với trái phiếu Chính phủ: dự phòng giảm giá được xác định dựa trên giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì Ngân hàng và công ty con không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán nợ đã niêm yết khác: dự phòng giảm giá được xác định dựa trên giá giao dịch gần nhất của chứng khoán nợ tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính thì Ngân hàng và công ty con không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng và công ty con tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

#### 4.8 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

*Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng và công ty con. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng và công ty con tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN, Thông tư 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 09/2017/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng và công ty con phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

-  $X_{(m)}$  là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ  $m$ ;

-  $X_{m-1}$  là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ  $m-1$ ;



- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- $Z_m$  là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp  $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$  thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ( $X_{(m)}$ ) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Theo Khoản 15, Điều 1, Thông tư 08, hàng năm, Ngân hàng và công ty con rà soát phần vượt giữa chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng và công ty con và chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo cho NHNN trong văn bản xin gia hạn trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành từ 5 năm lên 10 năm (“Trái phiếu đặc biệt VAMC được gia hạn”). Nếu chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng và công ty con lớn hơn chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNN thì Ngân hàng và công ty con sẽ sử dụng tối đa phần vượt này để trích lập bổ sung dự phòng đối với Trái phiếu đặc biệt VAMC được gia hạn ngay trong năm đó cho đến khi số tiền dự phòng đối với trái phiếu đặc biệt sau khi được trích lập bổ sung bằng số tiền dự phòng phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt khi tính theo thời gian gốc.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tắt toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự”.

*Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán Nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng và công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

#### 4.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản thu nhập hoặc chi phí phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 4.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 4.11 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10 năm
Phần mềm máy vi tính	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng và công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao.

#### **4.12 Các khoản phải thu**

##### **4.12.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng**

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng và Công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

##### **4.12.2 Các khoản nợ phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

#### **4.13 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### **4.14 Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng**

Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

#### **4.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ mà Ngân hàng và công ty con đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.16 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng**

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh số 4.5.

#### **4.17 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ**

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và công ty con và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

#### **4.18 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ**

Ngân hàng và công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và công ty con.

##### **Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ**

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch

tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

#### *Các hợp đồng hoán đổi*

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

### **4.19 Vốn cổ phần**

#### *4.19.1 Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

#### *4.19.2 Thặng dư vốn cổ phần*

Ngân hàng phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

#### *4.19.3 Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng và công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng và công ty con không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### *4.19.4 Các quỹ và dự trữ*

##### *Các quỹ dự trữ của Ngân hàng*

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	<i>Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập Công ty.

Ngân hàng và công ty con sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối năm tài chính.

### **4.20 Ghi nhận thu nhập và chi phí**

#### *Thu nhập lãi và chi phí lãi*

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và các khoản vay được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Thông tư 01 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng và công ty con thực thu.

#### *Phí dịch vụ và hoa hồng*

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dồn tích.

*Thu nhập từ hoạt động đầu tư*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán vốn được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán nợ được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá trị ghi sổ còn lại của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và công ty con mà chỉ cập nhật thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi Ngân hàng và công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với bất động sản cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

*Thu nhập khác*

Các doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

Theo Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 7 tháng 2 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào Thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### **4.22 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 44). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên tài khoản “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

#### **4.23 Bù trừ**

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cản trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

#### **4.24 Lợi ích của nhân viên**

##### **4.24.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,50% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

##### **4.24.2 Trợ cấp thôi việc**

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

##### **4.24.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

#### **4.25 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

#### **4.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng và công ty con là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

#### **4.27 Lãi trên cổ phiếu**

Ngân hàng và công ty con trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng và công ty con (sau

khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Ngân hàng và công ty con sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

#### 4.28 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

## 5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	940.859	1.062.584
Tiền mặt bằng ngoại tệ	899.312	1.349.042
Vàng tiền tệ	232.955	218.657
	<b>2.073.126</b>	<b>2.630.283</b>

## 6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bằng VND	3.437.552	5.249.196
Bằng ngoại tệ	472.839	488.445
	<b>3.910.391</b>	<b>5.737.641</b>

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<i>Đối với tiền gửi của khách hàng</i>		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
<i>Đối với tiền gửi của các TCTD nước ngoài</i>		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1%	1%

## 7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

### 7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>12.385.700</b>	<b>8.121.963</b>
- Bằng VND	5.765.534	460.767
- Bằng ngoại tệ	6.620.166	7.661.196
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>19.992.650</b>	<b>17.735.625</b>
- Bằng VND	17.648.000	16.021.370
- Bằng ngoại tệ	2.344.650	1.714.255
	<b>32.378.350</b>	<b>25.857.588</b>

### 7.2 Cho vay các TCTD khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Bằng VND	-	9

### 7.3 Phân tích chất lượng tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	<b>19.992.650</b>	<b>17.735.634</b>

## 8. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	14.135.810	35.481	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	28.225.821	13.592	-
	<b>42.361.631</b>	<b>49.073</b>	-
<b>Số thuần</b>		<b>49.073</b>	
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	22.690.628	116.064	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	61.867.696	91.739	-
	<b>84.558.324</b>	<b>207.803</b>	-
<b>Số thuần</b>		<b>207.803</b>	

**9. CHO VAY KHÁCH HÀNG**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	99.491.575	112.367.753
Cho vay thấu chi và thẻ tín dụng	776.472	569.162
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	408.576	315.846
Nợ cho vay chờ xử lý	88.752	-
Các khoản trả thay khách hàng	2.031	2.031
	<b>100.767.406</b>	<b>113.254.792</b>

**9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	97.454.387	110.711.628
Nợ cần chú ý	778.564	609.993
Nợ dưới tiêu chuẩn (*)	159.488	973.397
Nợ nghi ngờ	479.162	144.790
Nợ có khả năng mất vốn	1.895.805	814.984
	<b>100.767.406</b>	<b>113.254.792</b>

(\*) Bao gồm trong số dư nợ Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có 746.000 triệu đồng dư nợ gốc của các khoản cho vay bảy (07) khách hàng được đảm bảo bằng cổ phiếu của một ngân hàng khác với số dư dự phòng tương ứng là 43.285 triệu VND được cơ cấu và giữ nguyên nhóm nợ theo Công văn số 942/NHNN-TTGSNH do NHNN ban hành ngày 1 tháng 12 năm 2016 cho đến khi NHNN phê duyệt Đề án cơ cấu lại sau sáp nhập của ngân hàng này (“Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập”) và xử lý các khoản nợ liên quan. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng và công ty con chưa nhận được hướng dẫn nào khác của NHNN về việc phân loại và trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nếu Ngân hàng và công ty con thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay trên theo Thông tư 02 và Thông tư 09 thì chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng lên 175.761 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm đi 140.609 triệu đồng.

Ngày 5 tháng 5 năm 2020, Ngân hàng và công ty con đã nhận được Công Văn số 1475/TTGSNH2 của NHNN về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng cho các khách hàng được đảm bảo bằng cổ phiếu của một ngân hàng khác. Theo nội dung công văn, NHNN yêu cầu Ngân hàng và công ty con thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng trên theo đúng quy định hiện hành. Theo đó, Ngân hàng và công ty con đã thực hiện phân loại các khoản vay của nhóm bảy (07) khách hàng này xuống nợ nhóm 5 và thực hiện trích lập dự phòng tương ứng cho các khách hàng này tại ngày 6 tháng 5 năm 2020.

**9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	55.430.494	56.278.754
Nợ trung hạn	6.640.322	8.458.249
Nợ dài hạn	38.696.590	48.517.789
	<b>100.767.406</b>	<b>113.254.792</b>



### 9.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
<b>Cho vay các tổ chức kinh tế</b>	<b>50.555.028</b>	<b>50,17</b>	<b>54.692.202</b>	<b>48,29</b>
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	33.062.299	32,81	34.571.904	30,53
Công ty cổ phần khác	11.502.641	11,42	11.977.901	10,58
Công ty nhà nước	2.875.731	2,85	4.232.336	3,74
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.528.478	1,52	1.728.793	1,53
Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	718.191	0,71	896.683	0,79
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	297.482	0,30	751.868	0,66
Doanh nghiệp tư nhân	156.221	0,16	99.420	0,08
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	108.519	0,11	121.580	0,11
Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc nhà nước giữ quyền chi phối	37.829	0,04	44.244	0,04
Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	30.504	0,03	38.845	0,03
Công ty hợp danh	366	0,00	603	0,00
Khác	236.767	0,22	228.025	0,20
<b>Cho vay cá nhân</b>	<b>50.212.378</b>	<b>49,83</b>	<b>58.562.590</b>	<b>51,71</b>
	<b>100.767.406</b>	<b>100,00</b>	<b>113.254.792</b>	<b>100,00</b>

### 9.4 Phân tích dư nợ cho vay theo tiền tệ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Bằng VND	90.878.393	90,19	102.676.425	90,66
Bằng ngoại tệ	9.889.013	9,81	10.578.367	9,34
	<b>100.767.406</b>	<b>100,00</b>	<b>113.254.792</b>	<b>100,00</b>

**9.5 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	30.011.640	29,78	30.494.494	26,93
Hoạt động kinh doanh bất động sản	26.818.307	26,61	34.098.849	30,11
Công nghiệp chế biến, chế tạo	14.140.190	14,03	14.180.403	12,52
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình. Sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.885.772	5,84	7.345.530	6,49
Xây dựng	5.855.697	5,81	5.687.635	5,02
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.472.549	3,46	3.507.882	3,10
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.327.162	3,30	4.182.043	3,69
Vận tải kho bãi	2.648.046	2,63	2.909.913	2,57
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.751.728	1,74	1.612.444	1,42
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.234.344	1,22	1.279.578	1,13
Thông tin và truyền thông	474.125	0,47	549.110	0,48
Khai khoáng	342.381	0,34	571.118	0,50
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	296.496	0,29	343.593	0,30
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	247.243	0,25	258.548	0,23
Giáo dục và đào tạo	224.430	0,22	290.991	0,26
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	215.209	0,21	257.501	0,23
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	113.680	0,11	131.836	0,12
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	48.632	0,06	70.286	0,06
Hoạt động dịch vụ khác	3.659.775	3,63	5.483.038	4,84
	<b>100.767.406</b>	<b>100,00</b>	<b>113.254.792</b>	<b>100,00</b>

**10. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG**

Số dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
		Triệu đồng	Triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	1.279.835	1.072.822
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	11.3	816.980	2.179.314
		<b>2.096.815</b>	<b>3.252.136</b>

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10.1	207.013	998
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	11.5	455.677	688.542
Trích lập dự phòng trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	11.5	4.687	751
		<b>667.377</b>	<b>690.291</b>

### 10.1 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Kết quả phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2020 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay cần phải trích lập theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN, Thông tư 01/2020/TT-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng và công ty con như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	96.393.753	-	722.953	722.953
Nợ cần chú ý	920.576	9.313	6.904	16.217
Nợ dưới tiêu chuẩn	260.350	16.544	1.953	18.497
Nợ nghi ngờ	475.576	58.020	3.567	61.587
Nợ có khả năng mất vốn	1.799.455	460.581	-	460.581
	<b>99.849.710</b>	<b>544.458</b>	<b>735.377</b>	<b>1.279.835</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm nay như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	270.666	802.156	1.072.822
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm	273.792	(66.779)	207.013
<b>Số dư dự phòng theo kết quả phân loại nợ tại 30 tháng 11 năm 2020</b>	<b>544.458</b>	<b>735.377</b>	<b>1.279.835</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	307.042	764.325	1.071.367
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm (*)	(36.833)	37.831	998
Ghi nhận lại dự phòng cụ thể của một khoản vay do hủy trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành tương ứng với khoản vay này	457	-	457
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>270.666</b>	<b>802.156</b>	<b>1.072.822</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nếu Ngân hàng và công ty con thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay của nhóm bảy (07) khách hàng được đảm bảo bằng cổ phiếu của một ngân hàng khác theo Thông tư 02 và Thông tư 09 thì chi phí dự phòng rủi ro tín dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ tăng lên 175.761 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm đi 140.609 triệu đồng.

## 11. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

### 11.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>7.641.254</b>	<b>8.632.327</b>
Trái phiếu Chính phủ	1.462.310	6.056.959
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	5.002.455	2.350.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.176.489	225.368
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>234.023</b>	<b>234.023</b>
Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	234.023	234.023
	<b>7.875.277</b>	<b>8.866.350</b>
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>(164.135)</b>	<b>(164.215)</b>
Dự phòng chung	(5.438)	(751)
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(158.697)	(163.464)
	<b>7.711.142</b>	<b>8.702.135</b>

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>7.641.254</b>	<b>8.632.327</b>
Đã niêm yết	1.562.457	6.056.959
Chưa niêm yết	6.078.797	2.575.368
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>234.023</b>	<b>234.023</b>
Đã niêm yết	21.155	21.155
Chưa niêm yết	212.868	212.868
	<b>7.875.277</b>	<b>8.866.350</b>

### 11.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	6.665.661	2.108.512
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	300.000	1.400.000
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	75.000	75.000
	<b>7.040.661</b>	<b>3.583.512</b>

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Đã niêm yết	6.665.661	2.108.512
Chưa niêm yết	375.000	1.475.000
	<b>7.040.661</b>	<b>3.583.512</b>

### 11.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	2.032.481	4.434.128
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(816.980)	(2.179.314)
	<b>1.215.501</b>	<b>2.254.814</b>

Trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng và công ty con. Trái phiếu có thời hạn 5 năm đến 10 năm, lãi suất 0,00%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

Định kỳ hàng năm, Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập dự phòng bổ sung từ phần vượt giữa chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng và chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNN trong văn bản xin gia hạn trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành từ 5 năm lên 10 năm (chênh lệch thu chi trước thuế thực tế của Ngân hàng lớn hơn chênh lệch thu chi trước thuế dự kiến đã báo cáo NHNN).

Biến động tăng/(giảm) của trái phiếu VAMC trong năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Số đầu năm	4.434.128	5.487.386
Tất toán trong năm	(2.401.647)	(1.053.258)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.032.481</b>	<b>4.434.128</b>

### 11.4 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Trái phiếu do tổ chức kinh tế trong nước phát hành</b>		
Nợ đủ tiêu chuẩn	<b>1.251.489</b>	<b>300.368</b>

**11.5 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Số đầu năm</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	164.215	135.248
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	2.179.314	2.136.095
	<b>2.343.529</b>	<b>2.271.343</b>
<b>Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - chứng khoán vốn	(4.767)	(68.630)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán -		
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.687	751
Phân loại lại dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	96.846
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	455.677	688.542
	<b>455.597</b>	<b>717.509</b>
<b>Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro</b>		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(1.818.011)	(645.323)
<b>Số cuối năm</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	164.135	164.215
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	816.980	2.179.314
	<b>981.115</b>	<b>2.343.529</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH****12.1 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Khác</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	499.979	765.533	249.771	46.534	514.131	2.075.948
Mua trong năm	2.644	33.458	1.132	906	28.263	66.403
Thanh lý, nhượng bán	(1.709)	(259)	(10.650)	(129)	(34.059)	(46.806)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	500.914	798.732	240.253	47.311	508.335	2.095.545
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	77.671	546.030	192.464	41.293	414.350	1.271.808
Khấu hao trong năm	13.234	53.516	12.649	2.174	33.302	114.875
Thanh lý, nhượng bán	(1.440)	(259)	(9.985)	(129)	(31.143)	(42.956)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	89.465	599.287	195.128	43.338	416.509	1.343.727
<b>Giá trị còn lại</b>						
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	422.308	219.503	57.307	5.241	99.781	804.140
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	411.449	199.445	45.125	3.973	91.826	751.818

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 838.338 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 645.011 triệu đồng).

**12.2 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng</i>	<i>Phần mềm máy vi tính Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.354.475	469.471	2.823.946
Mua trong năm	-	22.323	22.323
Thanh lý, nhượng bán	(26.157)	-	(26.157)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.328.318	491.794	2.820.112
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	184.065	184.065
Hao mòn trong năm	-	39.480	39.480
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	223.545	223.545
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.354.475	285.406	2.639.881
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.328.318	268.249	2.596.567

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 123.494 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 99.184 triệu đồng).

**13. TÀI SẢN CỐ KHÁC****13.1 Các khoản phải thu**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng</i>
Các khoản phải thu từ hoạt động thanh toán thẻ	799.929	274.245
Các khoản tạm ứng cho các cá nhân (i)	380.699	380.699
Chi phí xây dựng công trình	271.156	259.567
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định (ii)	79.859	173.901
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	54.118	48.344
Đặt cọc thuê nhà	50.848	45.213
Các khoản phải thu từ cho vay hỗ trợ lãi suất	38.451	38.451
Phải thu cá nhân (iv)	34.840	34.840
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (iii)	21.630	39.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp ở nước ngoài chờ tất toán	12.219	12.219
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10.671	11.559
Phải thu cổ tức bằng tiền mặt	5.865	5.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	301	6.343
Các khoản phải thu khác	21.652	23.172
	<b>1.782.238</b>	<b>1.782.238</b>

(i) Tạm ứng cho các cá nhân bao gồm:

- 360.401 triệu VND tạm ứng cho một cá nhân liên quan đến vụ khiếu nại được đề cập tại Thuyết minh số 42(a). Việc thanh toán này được thực hiện theo Quyết định của Bản án phúc thẩm do Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành vào ngày 19 tháng 4 năm 2019. Theo đó, Ngân hàng có nghĩa vụ thanh toán cho cá nhân này cả gốc và lãi

tương ứng của các khoản tiền gửi được đề cập trong vụ án. Trách nhiệm dân sự của Nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Nguyên phó Giám đốc”) liên quan đến nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng sẽ được xem xét khi bắt được Nguyên phó Giám đốc này. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với các khoản tạm ứng cho khách hàng này.

- 20.298 triệu VND tạm ứng cho hai cá nhân khác liên quan đến vụ án “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp”. Việc thanh toán này liên quan đến số tiền gốc và lãi tương ứng với các khoản tiền gửi của hai cá nhân này và được thực hiện theo Quyết định của Bản án sơ thẩm ngày 23 tháng 11 năm 2018 do Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Trách nhiệm dân sự của Nguyên Phó Giám đốc liên quan đến nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng sẽ được xem xét khi bắt được Nguyên phó Giám đốc này. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với khoản tạm ứng cho hai cá nhân này.

(ii) Tạm ứng mua sắm TSCĐ bao gồm:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Mua sắm nhà, trụ sở	35.679	153.848
Phần mềm	5.048	9.396
Mua sắm tài sản khác	39.132	10.657
	<b>79.859</b>	<b>173.901</b>

(iii) Đây là khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần của một công ty mà Ngân hàng và công ty con đã đầu tư. Khoản phải thu này đã đến hạn thanh toán vào tháng 7 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng và công ty con đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

(iv) Đây là khoản phải thu một cựu nhân viên Phòng giao dịch Đô Lương – Chi nhánh Vinh liên quan đến vụ khiếu nại được trình bày tại Thuyết minh số 42(b). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng và công ty con đã trích lập khoản dự phòng tương ứng cho khoản phải thu này số tiền là 27.839 triệu VND (31 tháng 12 năm 2019: 27.839 triệu đồng) dựa trên đánh giá của Ngân hàng và công ty con về khả năng thu hồi từ các tài sản thu giữ được của cựu nhân viên này và các cá nhân có liên quan đến vụ án.

### **13.2 Các khoản lãi phí phải thu**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	516.420	494.900
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	467.530	575.598
Lãi phải thu từ tiền gửi	2.265	17.748
Lãi và phí phải thu khác	19.547	106.955
	<b>1.005.762</b>	<b>1.195.201</b>

### **13.3 Tài sản Có khác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Tài sản gán nợ chờ xử lý (i)	749.528	725.362
Chi phí trả trước và chờ phân bổ (ii)	44.329	46.158
Vật liệu và công cụ	27.412	14.885
Tài sản Có khác	-	26.367
	<b>821.269</b>	<b>812.772</b>

(i) Tài khoản này thể hiện các tài sản nhận gán nợ đã chuyển quyền cho Ngân hàng và công ty con từ các khách hàng vay quá hạn và đang được Ngân hàng và công ty con xử lý thu hồi nợ theo quy định của NHNN.

(ii) Chi phí trả trước và chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí dịch vụ trả trước, chi phí thuê địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, thuê tài sản, chi phí bảo trì và sửa chữa tài sản.



**13.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác**

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu, tạm ứng quá hạn theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC. Thay đổi dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Số đầu năm</b>	<b>422.979</b>	<b>307.638</b>
Số trích lập trong năm	10.814	26.551
Chuyển từ dự phòng rủi ro khác	-	88.790
<b>Số cuối năm</b>	<b>433.793</b>	<b>422.979</b>

**14. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2020</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2019</i> <i>Triệu đồng</i>
Vay Ngân hàng Nhà nước	<b>33.805</b>	<b>41.479</b>

**15. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC****15.1 Tiền gửi của các TCTD khác**

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2020</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2019</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>78.972</b>	<b>90.831</b>
Bằng VND	78.572	90.436
Bằng ngoại tệ	400	395
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>5.548.390</b>	<b>7.972.977</b>
Bằng VND	2.584.000	4.099.750
Bằng ngoại tệ	2.964.390	3.873.227
	<b>5.627.362</b>	<b>8.063.808</b>

**15.2 Vay các TCTD khác**

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2020</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2019</i> <i>Triệu đồng</i>
Vay các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	<b>693.000</b>	<b>579.375</b>

## 16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

### 16.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”)</b>	<b>18.605.465</b>	<b>18.766.393</b>
Tiền gửi KKH bằng VND	15.195.393	15.674.291
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	3.137.098	2.670.983
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	8.586	32.435
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	264.388	388.684
<b>Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”)</b>	<b>113.626.630</b>	<b>119.788.209</b>
Tiền gửi CKH bằng VND	36.088.793	29.588.381
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	376.452	445.838
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	75.105.082	87.490.439
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.056.303	2.263.551
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>1.124.389</b>	<b>181.077</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	1.053.860	142.870
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	70.529	38.207
<b>Tiền ký quỹ</b>	<b>561.256</b>	<b>542.785</b>
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	548.714	520.278
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	12.542	22.507
	<b>133.917.740</b>	<b>139.278.464</b>

### 16.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</b>	<b>44.969.361</b>	<b>39.402.379</b>
Công ty TNHH khác	18.500.692	14.332.392
Công ty cổ phần khác	14.243.354	11.361.525
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.991.513	4.332.653
Công ty nhà nước	2.156.225	3.330.969
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.801.684	2.374.341
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.649.340	1.707.107
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	307.943	350.942
Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	258.464	103.646
Doanh nghiệp tư nhân	51.050	61.344
Hộ kinh doanh	30.607	24.533
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	8.575	11.475
Công ty hợp danh	1.417	7.977
Khác	968.497	1.403.475
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>88.948.379</b>	<b>99.876.085</b>
	<b>133.917.740</b>	<b>139.278.464</b>

## 17. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

### 17.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	1.740.140	2.230.875
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	616.394	682.709
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	101	124
Lãi phải trả cho tiền vay bằng ngoại tệ	1.912	9.019
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch hoán đổi	5.863	58.357
Lãi phải trả liên quan đến giao dịch kỳ hạn	37.781	57.162
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	269	852
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	146	163
	<b>2.402.606</b>	<b>3.039.261</b>

### 17.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Các khoản phải trả nội bộ</b>	<b>69.862</b>	<b>73.595</b>
Các khoản phải trả công nhân viên	44.058	44.285
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	25.210	28.648
Các khoản phải trả nội bộ khác	594	662
<b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>	<b>871.312</b>	<b>713.023</b>
Các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ thanh toán thẻ	291.846	262.830
Chuyển tiền phải trả	186.994	128.275
Các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ L/C	176.057	176.633
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	113.664	32.463
Phải trả liên quan đến hỗ trợ cho vay lãi suất	29.826	29.826
Phải trả liên quan đến Hệ thống Ngân hàng lõi	23.768	31.992
Cổ tức phải trả	2.455	2.455
Phải trả khác	46.702	48.549
	<b>941.174</b>	<b>786.618</b>

Biến động giảm của Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số dư đầu năm	28.648	40.580
Sử dụng quỹ trong năm	(3.438)	(11.932)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.210</b>	<b>28.648</b>

## 18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng	Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng
Thuế giá trị gia tăng	15.216	116.933	(112.213)	(112.213)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.224)	314.846	(229.631)	(229.631)
Các loại thuế khác	17.128	99.783	(102.475)	(102.475)
Thuế thu nhập cá nhân	17.128	84.030	(86.722)	(86.722)
Thuế nhà thầu	-	14.546	(14.546)	(14.546)
Thuế môn bài	-	210	(210)	(210)
Thuế khác	-	997	(997)	(997)
	<b>26.120</b>	<b>531.562</b>	<b>(444.319)</b>	<b>113.363</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngân sách Nhà nước</i>	(6.343)			(301)
<i>Thuế và các khoản phải trả ngân sách Nhà nước</i>	32.463			113.664

### 18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chi phí thuế TNDN hiện hành	314.846	229.117
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(45.501)	-
	<b>269.345</b>	<b>229.117</b>

Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong năm hiện hành (năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Ngân hàng và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

## 18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN trong năm được tính như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.339.526</b>	<b>1.095.249</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng và công ty con	267.905	219.050
<i>Các khoản điều chỉnh giảm: (*)</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(625)	(807)
- Thu nhập khác không chịu thuế	(1.545)	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng: (*)</i>		
- Chi phí không được trừ	2.005	667
Điều chỉnh do hợp nhất báo cáo tài chính	1.560	(298)
Điều chỉnh khác	1.661	10.505
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>270.961</b>	<b>229.117</b>
Chi phí thuế TNDN được giảm (**)	(1.616)	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm</b>	<b>269.345</b>	<b>229.117</b>

(\*) Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) đã được nhân theo thuế suất 20%.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 do Quốc hội ban hành về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng sẽ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020. Theo đó, Công ty con của Ngân hàng đã ghi nhận chi phí TNDN được giảm trong năm hiện hành với số tiền là 1.616 triệu đồng.

### 18.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm nay</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>triệu đồng</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chênh lệch trong Phương pháp trích lập dự phòng chứng khoán đầu tư	<b>45.501</b>			
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại thuần tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			<b>45.501</b>	

## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Cổ phiếu quỹ Triệu đồng	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu đồng	Quỹ của TCTD Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	<b>12.355.229</b>	<b>156.322</b>	<b>(78.273)</b>	<b>15.396</b>	<b>1.815.129</b>	<b>1.485.510</b>	<b>15.749.313</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.070.181	1.070.181
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	161.697	(161.697)	-
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(4)	-	(4)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>12.355.229</b>	<b>156.322</b>	<b>(78.273)</b>	<b>15.396</b>	<b>1.976.822</b>	<b>2.393.994</b>	<b>16.819.490</b>

Tình hình thay đổi các quỹ của Ngân hàng và công ty con trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>	<b>326</b>	<b>1.195.811</b>	<b>618.992</b>	<b>1.815.129</b>
Trích quỹ trong năm	-	107.798	53.899	161.697
Sử dụng quỹ trong năm	-	(4)	-	(4)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>326</b>	<b>1.303.605</b>	<b>672.891</b>	<b>1.976.822</b>

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.235.522.904	1.235.522.904
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng - Cổ phiếu phổ thông	1.235.522.904	1.235.522.904
Số lượng cổ phiếu được mua lại - Cổ phiếu phổ thông	(6.090.000)	(6.090.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành - Cổ phiếu phổ thông	1.229.432.904	1.229.432.904

### 19.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và công ty con

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2018/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định
Các quỹ khác	Theo quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm	Không quy định

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập Công ty.

Ngân hàng và công ty con sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối năm tài chính.

## 20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm trước được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn với giả thuyết sự kiện này xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm báo cáo.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Ngân hàng ( <i>triệu đồng</i> )	1.070.181	866.132
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>triệu đồng</i> )	1.070.181	866.132
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (không bao gồm cổ phiếu quỹ) ( <i>cổ phiếu</i> )	1.229.432.904	1.229.432.904
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu ( <i>đồng/cổ phiếu</i> )	<b>870</b>	<b>704</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

## 21. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	9.872.296	10.048.336
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán Nợ	624.523	657.427
Thu nhập lãi tiền gửi	202.823	477.300
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	117.098	108.228
Thu khác từ hoạt động tín dụng	2.153	14.465
	<b>10.818.893</b>	<b>11.305.756</b>

**22. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	7.477.024	7.963.686
Trả lãi tiền vay	14.202	116.267
Chi phí hoạt động tín dụng khác	13.931	5.437
	<b>7.505.157</b>	<b>8.085.390</b>

**23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>984.041</b>	<b>811.551</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán	836.957	650.845
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	37.055	39.710
Thu từ dịch vụ ủy thác và đại lý	19.039	19.022
Thu từ dịch vụ bảo quản tài sản	4.220	2.875
Thu khác	86.770	99.099
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>(516.085)</b>	<b>(428.015)</b>
Chi dịch vụ thanh toán	(416.498)	(287.269)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(60.080)	(56.941)
Chi dịch vụ ngân quỹ	(32.083)	(55.377)
Chi phí hoa hồng môi giới	(4.307)	(7.458)
Chi khác	(3.117)	(20.970)
	<b>467.956</b>	<b>383.536</b>

**24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>5.274.994</b>	<b>3.687.841</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	4.014.065	2.543.255
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.058.966	982.975
Thu từ kinh doanh vàng	201.963	161.611
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(4.876.380)</b>	<b>(3.323.300)</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(3.678.679)	(2.382.066)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.064.645)	(824.398)
Chi về kinh doanh vàng	(133.056)	(116.836)
	<b>398.614</b>	<b>364.541</b>

**25. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	66.653	170.849
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(16.012)	(10.421)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	4.767	68.630
	<b>55.408</b>	<b>229.058</b>



**26. LÃI THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>245.727</b>	<b>646.791</b>
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	172.987	194.159
Thu nhập từ thanh lý tài sản	47.310	442.281
Thu nhập khác	25.430	10.351
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>(39.703)</b>	<b>(362.663)</b>
Chi thanh lý tài sản	(30.007)	(353.224)
Chi phí khác	(9.696)	(9.439)
	<b>206.024</b>	<b>284.128</b>

**27. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được từ góp vốn, mua cổ phần		
- Từ chứng khoán vốn đầu tư	3.123	4.033
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	726	626
	<b>3.849</b>	<b>4.659</b>

**28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

	<i>Năm nay</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm trước</i> <i>Triệu đồng</i>
<b>Chi nộp thuế và các khoản lệ phí</b>	<b>23.262</b>	<b>13.490</b>
<b>Chi phí cho nhân viên</b>	<b>1.468.998</b>	<b>1.655.878</b>
- Chi lương và phụ cấp	1.266.297	1.432.111
- Các khoản chi đóng góp theo lương	92.834	91.158
- Chi khác cho nhân viên	109.867	132.609
<b>Chi phí về tài sản</b>	<b>474.267</b>	<b>467.504</b>
- Chi phí thuê văn phòng	233.824	221.126
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	154.355	159.402
- Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	71.812	70.042
- Chi khác về tài sản	14.276	16.934
<b>Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ</b>	<b>323.759</b>	<b>406.767</b>
- Chi phí quản lý chung	141.041	173.707
- Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	135.438	172.048
- Công tác phí	11.733	22.645
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	70	69
- Chi phí khác	35.477	38.298
<b>Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng</b>	<b>137.584</b>	<b>130.558</b>
<b>Chi phí dự phòng (không tính dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán)</b>	<b>10.814</b>	<b>26.551</b>
- Chi phí dự phòng tài sản có khác	10.814	26.551
	<b>2.438.684</b>	<b>2.700.748</b>

## 29. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng</i>
Tiền mặt và vàng	2.073.126	2.630.283
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	3.910.391	5.737.641
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	32.378.350	25.857.597
	<b>38.361.867</b>	<b>34.225.521</b>

## 30. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
<b>I. Tổng số nhân viên trung bình (người)</b>	<b>5.906</b>	<b>6.201</b>
<b>II. Thu nhập của nhân viên (Triệu đồng)</b>		
1. Tổng quỹ lương	1.266.297	1.432.111
2. Thưởng khác	6.200	11.043
3. Thu nhập khác	65.304	70.566
<b>4. Tổng thu nhập (1+2+3)</b>	<b>1.337.801</b>	<b>1.513.720</b>
5. Tiền lương bình quân tháng (Triệu đồng/người)	18	19
6. Thu nhập bình quân tháng (Triệu đồng/người)	19	20

## 31. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THỂ CHẤP

### 31.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Bảng dưới đây trình bày giá trị sổ sách của tài sản thế chấp của khách hàng:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng</i>
Bất động sản	174.226.834	180.767.119
Động sản	19.777.692	13.481.914
Giấy tờ có giá	10.458.599	11.763.395
Tài sản khác	7.428.943	15.413.432
	<b>211.892.068</b>	<b>221.425.860</b>

### 31.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng và công ty con được đưa đi cầm cố, thế chấp để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng</i>
Giấy tờ có giá	<b>2.600.000</b>	<b>3.900.000</b>

## 32. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng và công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng</i>
Cam kết bảo lãnh vay vốn	-	192
Cam kết giao dịch hối đoái	65.198.286	134.488.678
- Cam kết mua ngoại tệ	1.107.480	2.297.294
- Cam kết bán ngoại tệ	1.074.893	1.344.152
- Cam kết giao dịch hoán đổi	63.015.913	130.847.232
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	3.407.832	3.926.618
- Thư tín dụng trả ngay	1.203.096	1.266.603
- Thư tín dụng trả chậm	2.204.736	2.660.015
Bảo lãnh khác	3.855.634	5.595.009
- Cam kết bảo lãnh thanh toán	1.411.618	1.467.042
- Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	576.085	601.649
- Cam kết bảo lãnh dự thầu	184.763	200.310
- Cam kết bảo lãnh khác	1.683.168	3.326.008
Cam kết khác	168.356	168.903
Trừ: Tiền ký quỹ	(362.700)	(369.417)
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra</b>	<b>72.267.408</b>	<b>143.809.983</b>

### 33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và công ty con nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và công ty con;
- có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và công ty con;
- có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và công ty con;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành (bao gồm Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng) của Ngân hàng và công ty con;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Năm nay Triệu đồng</i>	<i>Năm trước Triệu đồng</i>
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Trả lãi tiền gửi	3.156	142
	Thu lãi tiền gửi	1.534	669
	Trả lãi tiền vay	10.594	23.905
	Thu từ dịch vụ thanh toán	1.427	1.750
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Trả lãi tiền gửi	18.423	14.566
	Thu lãi cho vay	45	101
	Thu từ dịch vụ thanh toán	30	47
	Chi về dịch vụ thanh toán	34	20
	Chi lương, thưởng, thù lao	35.484	40.436

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Phải thu/(phải trả)</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i>	
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng</i>
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán	468.150	122.793
	Vay từ cổ đông lớn	462.000	463.500
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Tiền gửi thanh toán	9.940	3.583
	Tiền gửi tiết kiệm	100.286	164.263
	Tiền gửi có kỳ hạn	17.538	18.783
	Dự chi lãi tiền gửi	1.206	2.015
	Cho vay	1.345	1.532
	Dự thu lãi cho vay	5	5
Tạm ứng thù lao	23.123	13.856	

Tạm ứng thù lao các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay Triệu đồng</u>
Ông Yasuhiro Saitoh	Chủ tịch	1.188
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó Chủ tịch	1.188
Ông Lê Minh Quốc	Thành viên độc lập	1.188
Ông Cao Xuân Ninh	Thành viên	1.188
Ông Đặng Anh Mai	Thành viên	-
Ông Hoàng Tuấn Khải	Thành viên	-
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên	1.188
Ông Lê Văn Quyết	Thành viên	-
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên	-
<b>Tổng cộng (*)</b>		<b>5.940</b>

(\*) Các khoản tạm ứng thù lao này được trình bày trên cơ sở thực nhận đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành.

Lương thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay Triệu đồng</u>
Ông Nguyễn Cảnh Vinh	Quyển Tổng Giám đốc	4.852
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc	2.656
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	2.713
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	2.743
Bà Văn Thái Bảo Nhi	Phó Tổng Giám đốc	2.626
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	2.530
Ông Nguyễn Hường Minh	Phó Tổng Giám đốc	3.108
Ông Lê Quang Trung	Kế toán Trưởng	466
<b>Tổng cộng (*)</b>		<b>21.694</b>

(\*) Các khoản lương này được trình bày trên cơ sở thực nhận đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành.

### 34. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<u>Trong nước Triệu đồng</u>	<u>Nước ngoài Triệu đồng</u>	<u>Tổng cộng Triệu đồng</u>
<b>Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>186.941.077</b>	<b>5.514.729</b>	<b>192.455.806</b>
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	26.893.321	5.485.029	32.378.350
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	42.331.931	29.700	42.361.631
Cho vay khách hàng - gộp	100.767.406	-	100.767.406
Chứng khoán đầu tư - gộp	16.948.419	-	16.948.419
<b>Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>137.750.823</b>	<b>2.494.141</b>	<b>140.244.964</b>
Tiền gửi và vay các TCTD khác	5.627.362	693.000	6.320.362
Tiền gửi của khách hàng	132.116.599	1.801.141	133.917.740
<b>Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>72.630.108</b>	<b>-</b>	<b>72.630.108</b>

### 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	<i>Miền Bắc Triệu đồng</i>	<i>Miền Trung Triệu đồng</i>	<i>Miền Nam Triệu đồng</i>	<i>Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng</i>	<i>Loại trừ Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.021.529	2.054.176	22.924.777	28.000.482	(17.181.589)	10.818.893
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.504.334)	(1.719.683)	(20.462.729)	(24.686.746)	17.181.589	(7.505.157)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>517.195</b>	<b>334.493</b>	<b>2.462.048</b>	<b>3.313.736</b>	-	<b>3.313.736</b>
Các khoản thu nhập ngoài lãi	113.383	37.101	981.367	1.131.851	-	1.131.851
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>630.578</b>	<b>371.594</b>	<b>3.443.415</b>	<b>4.445.587</b>	-	<b>4.445.587</b>
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(316.730)</b>	<b>(200.504)</b>	<b>(1.921.450)</b>	<b>(2.438.684)</b>	-	<b>(2.438.684)</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	313.848	171.090	1.521.965	2.006.903	-	2.006.903
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(164.123)	(164.151)	(339.103)	(667.377)	-	(667.377)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>149.725</b>	<b>6.939</b>	<b>1.182.862</b>	<b>1.339.526</b>	-	<b>1.339.526</b>
<b>TÀI SẢN</b>						
Tiền mặt và vàng	327.671	259.225	1.486.230	2.073.126	-	2.073.126
Tiền gửi tại và cho vay NHNN Việt Nam và các TCTD khác	35.153	10.159	36.243.429	36.288.741	-	36.288.741
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	49.073	49.073	-	49.073
Cho vay khách hàng – gộp	13.410.032	13.177.535	74.179.839	100.767.406	-	100.767.406
Đầu tư – gộp	-	-	16.948.419	16.948.419	-	16.948.419
Tài sản cố định	16.432	3.685	3.328.268	3.348.385	-	3.348.385
Tài sản khác – gộp	14.367.650	92.197	3.416.728	17.876.575	(14.221.805)	3.654.770
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>28.156.938</b>	<b>13.542.801</b>	<b>135.651.986</b>	<b>177.351.725</b>	<b>(14.221.805)</b>	<b>163.129.920</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	33.805	33.805	-	33.805
Tiền gửi và vay các TCTD khác	288	13.874	6.306.200	6.320.362	-	6.320.362
Tiền gửi của khách hàng	27.105.419	9.269.553	97.542.768	133.917.740	-	133.917.740
Nợ phải trả khác	630.127	4.122.452	12.813.006	17.565.585	(14.221.805)	3.343.780
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>27.735.834</b>	<b>13.405.879</b>	<b>116.695.779</b>	<b>157.837.492</b>	<b>(14.221.805)</b>	<b>143.615.687</b>

## 36. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và công ty con.

### (i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

### (ii) Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và công ty con.

### (iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

### (iv) Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và công ty con.

### (v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

### (vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

### (vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### (viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

## 37. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Lãi suất thực tế cho các khoản tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 6, 7, 9 và 16.

### 37.1 Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng</b>	<b>144.173.396</b>	<b>149.866.676</b>
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	32.378.350	25.857.597
Công cụ tài chính phái sinh	49.073	207.803
Cho vay khách hàng	100.767.406	113.254.792
- Cho vay khách hàng cá nhân	50.212.378	58.562.590
- Cho vay khách hàng là tổ chức	50.555.028	54.692.202
Chứng khoán đầu tư	8.586.425	8.484.496
- Chứng khoán nợ - giữ đến ngày đáo hạn	2.407.481	5.909.128
- Chứng khoán nợ - sẵn sàng để bán	6.178.944	2.575.368
Tài sản tài chính khác	2.392.142	2.061.988
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng</b>	<b>7.263.466</b>	<b>9.521.627</b>
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	3.855.634	5.595.009
Các cam kết trong thư tín dụng	3.407.832	3.926.618

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.



### 37.2 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Ngân hàng và công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

### 37.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	
Cho vay khách hàng	467.263	124.218	394.355	837.150	1.822.986

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng và công ty con đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác.

## 38. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

### 38.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

+ Tiền mặt và vàng; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn và trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành; góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được phân loại vào khoản mục không chịu lãi;

+ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng;

+ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán;

+ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;

- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Thời hạn định lại lãi suất

	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Tài sản</b>									
Tiền mặt và vàng	-	2.073.126	-	-	-	-	-	-	2.073.126
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	3.910.391	-	-	-	-	-	3.910.391
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	31.526.350	852.000	-	-	-	-	32.378.350
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	49.073	-	-	-	-	-	-	49.073
Cho vay khách hàng - gộp	3.313.019	-	33.884.212	32.861.964	19.602.726	9.525.794	258.780	1.320.911	100.767.406
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	2.266.503	450.045	501.577	953.467	903.417	5.909.541	5.963.869	16.948.419
Tài sản cố định	-	3.348.385	-	-	-	-	-	-	3.348.385
Tài sản Có khác gộp	443.221	3.211.549	-	-	-	-	-	-	3.654.770
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.756.240</b>	<b>10.948.636</b>	<b>69.770.998</b>	<b>34.215.541</b>	<b>20.556.193</b>	<b>10.429.211</b>	<b>6.168.321</b>	<b>7.284.780</b>	<b>163.129.920</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	15.990	15.182	2.633	-	-	33.805
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	5.234.662	1.085.700	-	-	-	-	6.320.362
Tiền gửi của khách hàng	-	-	48.030.537	27.550.131	30.651.149	22.251.866	5.433.895	162	133.917.740
Các khoản nợ khác	-	3.343.780	-	-	-	-	-	-	3.343.780
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>3.343.780</b>	<b>53.265.199</b>	<b>28.651.821</b>	<b>30.666.331</b>	<b>22.254.499</b>	<b>5.433.895</b>	<b>162</b>	<b>143.615.687</b>
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>3.756.240</b>	<b>7.604.856</b>	<b>16.505.799</b>	<b>5.563.720</b>	<b>(10.110.138)</b>	<b>(11.825.288)</b>	<b>734.426</b>	<b>7.284.618</b>	<b>19.514.233</b>

Bảng dưới đây thể hiện lãi suất thực tế trung bình của những công cụ tài chính chịu lãi với thời hạn và đơn vị tiền tệ khác nhau:

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<i>Quá hạn</i>	<i>Đến 1 tháng</i>	<i>Từ 1 - 3 tháng</i>	<i>Từ 3 - 6 tháng</i>	<i>Từ 6 - 12 tháng</i>	<i>Từ 1 - 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>
<b>Tài sản</b>							
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam							
- VND	-	0,50%	-	-	-	-	-
- Ngoại tệ	-	0,05%	-	-	-	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác							
- VND	-	0,39%	0,64%	-	-	-	-
- Ngoại tệ	-	0,17%	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng							
- VND	11,86%	9,77%	9,19%	9,33%	9,94%	11,27%	10,34%
- Ngoại tệ	6,70%	4,48%	3,95%	3,98%	4,37%	3,50%	4,14%
Chứng khoán đầu tư							
- VND	-	9,50%	7,37%	6,69%	7,03%	6,66%	4,52%
<b>Nợ phải trả</b>							
Các khoản nợ NHNN Việt Nam							
- VND	-	-	3,50%	3,50%	3,50%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác							
- VND	-	0,33%	-	-	-	-	-
- Ngoại tệ	-	0,13%	0,67%	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng							
- VND	-	4,32%	6,27%	6,29%	6,76%	7,20%	5,00%
- Ngoại tệ	-	0,11%	0,07%	0,07%	0,06%	-	-

#### *Độ nhạy đối với lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng và công ty con không thực hiện đánh giá độ nhạy đối với lãi suất do chưa đủ thông tin đầu vào và hệ thống cơ sở dữ liệu.

### **38.2 Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR, vàng và một số ngoại tệ khác. Ngân hàng và công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại *Thuyết minh số 44*.

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	<i>EUR được quy đổi Triệu đồng</i>	<i>USD được quy đổi Triệu đồng</i>	<i>Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi Triệu đồng</i>	<i>Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng Triệu đồng</i>
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt và vàng	88.075	463.820	232.955	347.417	1.132.267
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	472.839	-	-	472.839
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	117.904	7.996.330	-	850.582	8.964.816
Cho vay khách hàng - gộp	36.820	9.831.535	20.658	-	9.889.013
Tài sản Có khác - gộp	238	16.812	414	102	17.566
<b>Tổng tài sản</b>	<b>243.037</b>	<b>18.781.336</b>	<b>254.027</b>	<b>1.198.101</b>	20.476.501
<b>Nợ phải trả</b>					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	36	3.165.028	-	492.726	3.657.790
Tiền gửi của khách hàng	235.436	5.163.515	-	518.361	5.917.312
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(17)	11.724.471	-	96.321	11.820.775
Các khoản nợ khác	3.101	206.986	-	8.621	218.708
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>238.556</b>	<b>20.260.000</b>	-	<b>1.116.029</b>	<b>21.614.585</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>4.481</b>	<b>(1.478.664)</b>	<b>254.027</b>	<b>82.072</b>	<b>(1.138.084)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>(2.843)</b>	<b>128.378</b>	<b>(13.398)</b>	<b>(79.551)</b>	<b>32.586</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>1.638</b>	<b>(1.350.286)</b>	<b>240.629</b>	<b>2.521</b>	<b>(1.105.498)</b>

### 38.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và công ty con phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con, đồng thời Ngân hàng và công ty con cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con:

- + Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại vào tiền gửi thanh toán đến hạn trong một (1) tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- + Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư - chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; chứng khoán đầu tư - chứng khoán vốn đã niêm yết được xác định khả năng thanh khoản trong vòng một (1) tháng do tính thanh khoản cao của khoản mục này trên thị trường;
- + Thời gian đến hạn của các khoản nợ NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- + Thời gian đến hạn của các khoản chứng khoán đầu tư, chứng khoán vốn chưa niêm yết được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- + Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- + Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.073.126	-	-	-	-	2.073.126
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	3.910.391	-	-	-	-	3.910.391
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	31.526.350	852.000	-	-	-	32.378.350
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	15.580	10.133	23.360	-	-	49.073
Cho vay khách hàng - gộp	2.534.455	778.564	6.079.575	20.439.682	28.742.206	9.952.693	32.240.231	100.767.406
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	334.067	401.430	2.825.384	7.423.669	5.963.869	16.948.419
Tài sản cố định	-	-	36	137	10.502	181.342	3.156.368	3.348.385
Tài sản Có khác - gộp	443.221	-	1.341.173	366.927	303.114	1.200.335	-	3.654.770
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.977.676</b>	<b>778.564</b>	<b>45.280.298</b>	<b>22.070.309</b>	<b>31.904.566</b>	<b>18.758.039</b>	<b>41.360.468</b>	<b>163.129.920</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	15.990	17.815	-	-	33.805
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	5.234.662	1.085.700	-	-	-	6.320.362
Tiền gửi của khách hàng	-	-	48.030.537	27.550.131	52.903.015	5.433.895	162	133.917.740
Các khoản nợ khác	-	-	1.224.343	764.156	1.054.167	301.114	-	3.343.780
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	<b>54.489.542</b>	<b>29.415.977</b>	<b>53.974.997</b>	<b>5.735.009</b>	<b>162</b>	<b>143.615.687</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>2.977.676</b>	<b>778.564</b>	<b>(9.209.244)</b>	<b>(7.345.668)</b>	<b>(22.070.431)</b>	<b>13.023.030</b>	<b>41.360.306</b>	<b>19.514.233</b>

### 38.4 Rủi ro giá cả thị trường

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

## 39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
<b>Các cam kết thuê hoạt động</b>	<b>528.568</b>	<b>555.190</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Đến hạn trong 1 năm	208.394	218.531
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	292.436	308.591
- Đến hạn sau 5 năm	27.738	28.068

## 40. TÀI SẢN GIỮ HỘ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Triệu đồng
Vàng giữ hộ khách hàng	236.229	560.043

## 41. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

### Nợ phải trả tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

\* *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- + Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- + Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- + Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

\* *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

\* *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Ngân hàng và công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

b) Các khoản được Ngân hàng và công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà Ngân hàng và công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*\* Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tiền gửi và vay các TCTD khác; tiền gửi của khách hàng; các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

*\* Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

+ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;

+ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc

+ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*\* Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

**Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính**

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

<i>Giá trị ghi sổ</i>							
	<i>Kinh doanh</i>	<i>Giữ đến</i>	<i>Cho vay và</i>	<i>Sẵn sàng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
	<i>Triệu đồng</i>	<i>ngày đáo hạn</i>	<i>phải thu</i>	<i>để bán</i>	<i>hạch toán theo</i>	<i>giá trị ghi sổ</i>	<i>Triệu đồng</i>
		<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>giá trị phân bổ</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
					<i>Triệu đồng</i>		
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền mặt và vàng	-	-	-	-	2.073.126	2.073.126	2.073.126
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	-	-	-	-	3.910.391	3.910.391	3.910.391
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	-	-	32.378.350	32.378.350	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	49.073	-	-	-	-	49.073	
Cho vay khách hàng	-	-	99.487.571	-	-	99.487.571	(*)
Chứng khoán đầu tư	-	8.256.162	-	7.711.142	-	15.967.304	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	2.392.142	-	-	2.392.142	(*)
	<b>49.073</b>	<b>8.256.162</b>	<b>101.879.713</b>	<b>7.711.142</b>	<b>38.361.867</b>	<b>156.257.957</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	-	33.805	33.805	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	6.320.362	6.320.362	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	133.917.740	133.917.740	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	3.113.552	3.113.552	(*)
	-	-	-	-	<b>143.385.459</b>	<b>143.385.459</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 42. CÁC VỤ KHIẾU NẠI LỚN

Ngân hàng hiện có hai vụ khiếu nại lớn bao gồm:

a. Vụ khiếu nại của một (01) khách hàng về việc bị rút mất số tiền tiết kiệm tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh của Ngân hàng theo thông báo của khách hàng này là 245.000 triệu VND. Vào ngày 23 tháng 11 năm 2018, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm, theo đó, Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán cho khách hàng này số tiền lãi và gốc là 393.732 triệu VND. Khách hàng đã rút một phần gốc và lãi với số tiền 59.882 triệu VND vào ngày 21 tháng 6 năm 2017 và theo đó số tiền Ngân hàng phải thanh toán cho khách hàng này còn lại là 333.850 triệu VND bao gồm 245.060 triệu VND tiền gốc và 88.790 triệu VND tiền lãi. Cũng theo Bản án sơ thẩm, trách nhiệm dân sự của Nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường cho Ngân hàng sẽ được xem xét giải quyết khi bắt được Nguyên Phó Giám đốc này.

Ngân hàng đã thực hiện kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm nêu trên liên quan đến trách nhiệm dân sự giữa Ngân hàng và khách hàng này vào ngày 7 tháng 12 năm 2018. Ngày 19 tháng 4 năm 2019, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án phúc thẩm và theo đó không chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng về việc buộc khách hàng này phải chịu một phần trách nhiệm dân sự đối với khoản tiền bị rút mất nêu trên và đồng thời quyết định chấp nhận phần nội dung đơn kháng cáo của khách hàng này về việc yêu cầu Ngân hàng phải thanh toán số tiền lãi chưa thanh toán theo lãi suất áp dụng cho khách hàng bình thường theo các thông báo lãi suất do Ngân hàng ban hành và lãi phạt do chậm thanh toán tiền gửi. Số tiền lãi chưa thanh toán và lãi phạt chậm thanh toán cho khách hàng này là 115.409 triệu VND. Vào ngày 23 tháng 4 năm 2019, Ngân hàng đã thanh toán toàn bộ số tiền lãi này.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản thanh toán gốc và lãi



tương ứng của các khoản tiền gửi của khách hàng này (xem Thuyết minh 13.1(i)).

b. Vụ khiếu nại của sáu (06) khách hàng về việc bị rút mất số tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh của Ngân hàng theo thông báo của các khách hàng này là 50 tỷ VND. Vụ việc này có dấu hiệu về hành vi lừa đảo của một cựu nhân viên Phòng Giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh của Ngân hàng. Vào ngày 16 tháng 7 năm 2018, Tòa án Nhân dân Tỉnh Nghệ An đã ban hành Bản án sơ thẩm số 86/2018/HS-ST đối với vụ khiếu nại này. Theo đó, cựu nhân viên Phòng Giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh này phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền là 41.259 triệu VND và Ngân hàng có nghĩa vụ tất toán khoản tiền gửi tiết kiệm với số tiền tương ứng cho sáu khách hàng trong vụ khiếu nại. Đồng thời, Ngân hàng được truy thu 6.950 triệu VND từ hai (02) trong sáu (06) khách hàng trong vụ khiếu nại, 13.500 triệu VND từ ba (03) cá nhân khác có liên quan đến vụ khiếu nại và kê biên tài sản của cựu nhân viên Phòng Giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh bao gồm một quyền sử dụng đất ở Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An và 3 triệu VND tiền gửi tiết kiệm của cá nhân này tại Ngân hàng.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, tuy nhiên hai bị cáo là Nguyên Giám đốc Phòng giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh và Nguyên Phó Giám đốc Phòng giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh đã kháng cáo. Ngoài ra, một cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ khiếu nại và một trong sáu khách hàng cũng đã kháng cáo. Vụ khiếu nại này đang được cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ngân hàng đã trích lập khoản dự phòng là 27.839 triệu VND đối với khoản phải thu 34.840 triệu VND tương ứng từ cựu nhân viên này (xem Thuyết minh 13.1(iv)).

### 43. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

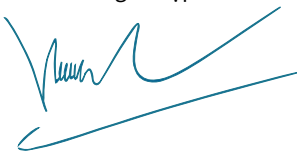
Trong năm 2020, Ngân hàng đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhưng không thành công. Hội đồng quản trị Ngân hàng đã thông qua Nghị quyết số 69/2021/EIB/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2021 triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 lần 3 vào ngày 26 tháng 4 năm 2021. Đồng thời, Hội đồng quản trị Ngân hàng cũng đã thông qua Nghị quyết số 70/2021/EIB/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 2 năm 2021 triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con.

### 44. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 Đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 Đồng
USD	23.100	23.175
EUR	28.425	25.975
GBP	31.521	30.392
CAD	18.126	17.752
SGD	17.474	17.189
AUD	17.767	16.223
JPY	224	213
CHF	26.206	23.925
HKD	2.981	2.976
NZD	16.699	15.614
THB	774	776
Vàng SJC (chì)	5.582.500	4.250.000

Người lập:



Ông Nguyễn Minh Thanh  
Phó phòng  
Kế toán Tổng hợp & Thuế

Người kiểm soát:



Ông Lê Quang Trung  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Cảnh Vinh  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2021

